SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK

TRƯỜNG THPT SỐ 1 LÊ HỒNG PHONG

.....

TÀI LIỆU
ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2027
BỘ MÔN: LỊCH SỬ



TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ

Ea Phê, tháng 8 năm 2026

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐĂKLĂK **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TRƯỜNG THPT LÊ HỒNG PHONG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Tổ: Sử- Địa- GDKT&PL

ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT
Môn Lịch sử (Chương trình 2018)

I- KIẾN THỨC CƠ BẢN
Phần 1: LỊCH SỬ 12
Chủ đề 1: THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH
A. Kiến thức cơ bản
1. Liên hợp quốc
1.1. Tìm hiểu một số vấn đề cơ bản về Liên hợp quốc
* Bối cảnh lịch sử:
Thế giới bước vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai: những chuyển biến quan trọng trên các chiến trường chính, thắng lợi của phe Đồng minh chỉ còn là vấn đề thời gian. Khi Chiến tranh diễn ra càng khốc liệt thì ý tưởng về một tổ chức quốc tế thực sự có vai trò trong việc duy trì hoà bình thế giới càng rõ nét.
**** Quá trình hình thành***

– Ngày 1 – 1 – 1942, tại Oa-sinh-tơn (Mỹ), đại diện 26 nước chống phát xít, trong đó có Liên Xô, Mỹ, Anh đã kí bản Tuyên bố Liên hợp quốc. Bản tuyên bố này đánh dấu sự hình thành Mặt trận Đồng minh chống phát xít trên phạm vi toàn thế giới.

– Từ năm 1943, các nước đã thoả thuận được một số điểm cơ bản về cơ cấu Liên hợp quốc, Đại hội đồng, thành viên thường trực Hội đồng Bảo an,…

– Cuối năm 1943: Hội nghị các ngoại trưởng Liên Xô, Mỹ, Anh đã họp ở Mát-xcơ-va, chuẩn bị những điều kiện cho cuộc gặp gỡ ở Tê-hê-ran. Sau đó, Hội nghị Tê-hê-ran diễn ra, ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh khẳng định quyết tâm thành lập Liên hợp quốc.

– Tháng 2 – 1945: Hội nghị tổ chức ở I-an-ta đã quyết định về việc thành lập Liên hợp quốc và đồng ý triệu tập hội nghị để thông qua Hiến chương Liên hợp quốc. Từ ngày 25 – 4 – 1945 đến ngày 26 – 6 – 1945, một Hội nghị được tổ chức ở Xan Phran-xi-xcô với sự tham gia của đại diện 50 nước, thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.

– Ngày 24 – 10 – 1945, sau khi được Quốc hội các nước phê chuẩn, Hiến chương bắt đầu có hiệu lực và ngày này được coi là ngày Liên hợp quốc chính thức thành lập.

**** Mục tiêu nguyên tắc hoạt động và vai trò của Liên hợp quốc***
Mục tiêu:

– (1). Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế; (2). Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc và củng cố hoà bình thế giới; (3). Thúc đẩy hợp tác quốc tế để giải quyếtcác vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá, nhân đạo, đảm bảo quyền con người và quyền tự do cơ bản chomọi người không phân biệt chủng tộc, giới tính, tôn giáo, ngôn ngữ; (4). Liên hợp quốc đóng vai trò là trung tâm điều hoà các nỗ lực quốc tế vì những mục tiêu trên. Trong đó, mục tiêu duy trì hoà bình và an ninh quốc tế được chú trọng và là cơ sở để thực hiện các mục tiêu khác.

Nguyên tắc:

+ Bình đẳng về chủ quyền quốc gia;

+ Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị quốc gia;

+ Từ bỏ đe doạ bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế;

+ Không can thiệp vào công việc nội bộ các nước;

+ Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế;

+ Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

Vai trò:

- Duy trì hòa bình, an ninh quốc tế.
- Thúc đẩy phát triển…
- Đảm bảo quyền con người, phát triển văn hóa xã hội.

2. Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh

*Sự hình thành trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Hội nghị I-an-ta diễn ra từ ngày 4 đến ngày 11 – 2 – 1945, đã đưa ra những quyết định về việc kết thúc chiến tranh, tiêu diệt tận gốc phát xít Đức, quân phiệt Nhật Bản và thoả thuận về việc đóng quân, phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á sau chiến tranh. Hội nghị diễn ra gay go, quyết liệt vì thực chất nội dung hội nghị là sự tranh giành và phân chia thành quả thắng lợi của chiến tranh giữa các lực lượng tham chiến, có liên quan mật thiết tới hoà bình, an ninh và trật tự thế giới sau này, mà trước hết là lợi ích riêng của các nước tham chiến.

*Sự tồn tại của trật tự thế giới hai cực I-an-ta:

- Giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX: Giai đoạn xác lập và phát triển với sự đối đầu về tư tưởng, chính trị, kinh tế, quân sự,... giữa hai khối Mỹ-Liên Xô.

- Giai đoạn đầu giai đoạn từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991: Trật tự thế giới hai cực I-an-ta suy yếu và đi đến sụp đổ. Sự sụp đổ của Đông Âu (vào cuối những năm 80 của thế kỉ XX), sự tan rã của Liên Xô năm 12/ 1991 đã chấm dứt sự tồn tại của trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

* Nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ trật tự thế giới hai cực I-an-ta:

– Nguyên nhân:

+ *Thứ nhất*, sự đối đầu căng thẳng đã khiến cho cả hai cực Xô – Mỹ đều bị tốn kém về tài chính, suy giảm thế mạnh kinh tế, phải hạn chế cuộc chạy đua vũ trang để ổn định và củng cố vị thế của mình.

+ *Thứ hai*, từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, cùng với những thay đổi trong quan hệ Xô – Mỹ là những chuyển biến theo hướng hoà dịu trong quan hệ giữa Đông Âu và Tây Âu.

+ *Thứ ba*, sự vươn lên nhanh chóng của các nước trên thế giới nhằm thoát khỏi ảnh hưởng của hai cực, đặc biệt, thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của hàng loạt các quốc gia độc lập đã làm thay đổi khuôn khổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

+*Thứ tư*, sự thay đổi trong cán cân kinh tế thế giới với sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và các nước Tây Âu đã tạo ra những trung tâm kinh tế cạnh tranh với Mỹ, sự suy giảm sức mạnh kinh tế của Liên Xô.

+ *Thứ năm*, cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội và những sai lầm trong công cuộc cải tổ đã làm suy giảm sức mạnh, dẫn tới sự tan rã của Liên Xô – quốc gia đứng đầu hệ thống xã hội chủ nghĩa, cùng với đó là sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

– Tác động:

+ *Thứ nhất*, sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã mở ra một thời kì phát triển mới trong quan hệ quốc tế, thúc đẩy những xu hướng phát triển mới, đảm bảo lợi ích của các quốc gia, các dân tộc trong quan hệ quốc tế.

+ *Thứ hai*, sự tan rã của Liên Xô đã làm thay đổi so sánh lực lượng với ưu thế tạm thời thuộc về Mỹ. Tuy nhiên, vai trò của các cường quốc khác, các trung tâm kinh tế, các tổ chức quốc tế, khu vực,… ngày càng gia tăng, trong khi sức mạnh của Mỹ cũng suy giảm

tương đối.

+ *Thứ ba*, sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta dẫn đến sự hình thành một trật tự thế giới mới.

3. Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh:

*Xu thế phát triển chính của thế giới sau chiến tranh lạnh: xu thế lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, xu thế đối thoại hợp tác trong quan hệ quốc tế, xu thế toàn cầu hóa.

* Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế :

- Khái niệm đa cực: là một thuật ngữ trong quan hệ quốc tế dùng để chỉ một trật tự thế giới có sự tham gia của các quốc gia, các trung tâm khác nhau, trong đó không một quốc gia nào có quyền lực áp đảo đối với các quốc gia khác, cũng như chi phối sự phát triển của thế giới.
- Xu thế đa cực: Sau chiến tranh lạnh xu thế đa cực đã trở thành một trong những xu thế phát triển chính của thế giới.
- Biểu hiện của xu thế này là:

+ Sự gia tăng sức mạnh, tầm ảnh hưởng và vị thế về kinh tế, chính trị, quân sự, đối ngoại,...của các nước lớn như: Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, một số nước thuộc Liên minh châu Âu (EU),...
+ Sự suy giảm sức mạnh tương đối của Mỹ trong tương quan so sánh với các cường quốc khác.
+ Vai trò ngày càng gia tăng của các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế, khu vực.

CHỦ ĐỀ 2. ASEAN NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN

– Bối cảnh: ASEAN ra đời trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều chuyển biến quan trọng:

+ *Trên thế giới*: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, xu hướng khu vực hoá bắt đầu xuất hiện và ngày càng trở nên phổ biến. Nhiều tổ chức khu vực được hình thành ở các châu lục và đã đạt được những thành công trong hợp tác khu vực như: Tổ chức các nước Trung Mỹ (OCAS, 1951), Khối thị trường chung châu Âu (EEC, 1957), Tổ chức Thống nhất châu Phi (OAU, 1963),... Những tổ chức đó là nguồn cổ vũ lớn đối với các nước Đông Nam Á.

+ *Trong khu vực*: Các nước có nhu cầu hợp tác với nhau để cùng phát triển kinh tế, xã hội, đồng thời tạo ra sức mạnh tập thể trong việc ứng phó với sự tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn đối với khu vực trong bối cảnh Chiến tranh lạnh. Đầu những năm 60 của thế kỉ XX, một số tổ chức khu vực được thành lập nhưng chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, do những bất đồng trong quan hệ song phương giữa một số nước thành viên.

– Các nước Đông Nam Á ngày càng nhận thức rõ về sự cần thiết của việc hợp tác khu vực. Ngày 8 – 8 – 1967, Ngoại trưởng năm nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan đã thông qua Tuyên bố ASEAN (còn gọi là Tuyên bố Băng Cốc), chính thức thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

** Mục đích thành lập*

- Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tố, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoà trong khu vực thông qua các nổ lực chung trên tinh thần bình đẳng và hợp tác, hướng tới một Đông Nam Á hòa bình và thịnh vượng.
- Thúc đẩy hoà bình và ổ định khu vực bằng việc tôn trọng công lí và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các quốc gia trong vùng và tuân thủ nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc
- Thúc đẩy sự cộng tác, tích cực giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế, xã hội văn hóa, khoa học, kĩ thuật, hành chính.

2. Hành trình phát triển của ASEAN

- Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 11 (2025): Quá trình mở rộng ASEAN có sự tham gia của 11 quốc gia với sự đa dạng về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá phù hợp với mong muốn, lợi ích của mỗi thành viên, cũng như đảm bảo cho nền hoà bình, ổn định của cả khu vực. ASEAN 11 sẽ tạo cơ sở cho các hoạt động của ASEAN sau này, đồng thời nâng cao vị thế của Hiệp hội trên trường quốc tế

- Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN

* 1967-1976: Giai đoạn khởi đầu, xây dựng nền móng ban đầu, tạo tiền đề cho sự hợp tác ASEAN, tập trung vào hợp tác chính trị – an ninh "xây dựng lòng tin và học cách hoà giải".

- Năm 1971, ASEAN ra Tuyên bố về khu vực hoà bình, tự do và trung lập.

* 1976-1999: Giai đoạn xây dựng quan hệ chính trị ổn định, tạo điều kiện phát triển và hợp tác kinh tế giữa các thành viên; mở rộng ASEAN 5 thành ASEAN 11; từng bước nâng cao uy tín ASEAN trên trường quốc tế, bước đầu mở rộng quan hệ hợp tác, đối thoại với bên ngoài.

- Ra tuyên bố về sự hòa hợp ASEAN, kí hợp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á (TAC,1976), …

* 1999-2015: Giai đoạn hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường hợp tác nội khối và ngoại khối về chính trị – an ninh, kinh tế – thương mại và các lĩnh vực khác; khẳng định uy tín, vai trò của ASEAN.

- Kí hiệp định khung về tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN..
- Thành lập Diễn đàn khu vực ASEAN..
- Ra tuyên bố Ba Li II (2003). Công bố hiến chương ASEAN 2007

* 2015 đến nay: Thành lập và xây dựng Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột: chính trị – an ninh, kinh tế, văn hoá – xã hội; đẩy mạnh hợp tác bên trong và bên ngoài ASEAN với các đối tác đối thoại, nâng cao uy tín, vai trò của ASEAN ở khu vực và trên thế giới.

- Ra tuyên bố thành lập cộng đồng ASEAN (2015), thông qua tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025 (2016), tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025 (2020),…

3. Ý tưởng, mục tiêu, kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

*** Ý tưởng xây dựng**

+ Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN đã khởi nguồn từ khi ASEAN thành lập. *Tuyên bố Băng Cốc* (1967) đã nêu ra mục tiêu xây dựng một cộng đồng thịnh vượng và hoà bình Đông Nam Á.

+ ASEAN chính thức khẳng định ý tưởng thành lập Cộng đồng ASEAN tại Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức được tổ chức tại Ma-lai-xi-a (1997). Các nước thành viên thông qua văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020, nêu rõ việc xây dựng Cộng đồng ASEAN, định hướng cho sự phát triển trong tương lai của ASEAN.+ Với việc xây dựng Cộng đồng ASEAN, hợp tác về kinh tế, chính trị, văn hoá – xã hội giữa các nước thành viên sẽ được phát triển lên một nấc thang mới, đáp ứng nguyện vọng của các quốc gia thành viên về một khu vực Đông Nam Á gắn kết, hữu nghị và hợp tác.

**** Mục tiêu:***

+ Đưa ASEAN từ Hiệp hội trở thành một Cộng đồng có mức độ liên kết sâu rộng hơn được thiết lập với ba trụ cột chính là hợp tác Chính trị – An ninh, Kinh tế và Văn hoá – Xã hội trên cơ sở pháp lí là Hiến chương ASEAN, đồng thời mở rộng hợp tác với bên ngoài

**** Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN***

+ Để thực hiện mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN, các nước thành viên đã thông qua kế hoạch triển khai cụ thể trên ba trụ cột: Chính trị – An ninh, Kinh tế, Văn hoá – Xã hội.

+ Kế hoạch được nêu rõ trong văn bản "Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (2009 – 2015)" nhằm đưa ASEAN trở thành cộng đồng gắn kết hơn về kinh tế, chính trị – an ninh, có trách nhiệm về xã hội đối với người dân, tăng cường thực hiện các biện pháp mở rộng

quan hệ hợp tác với bên ngoài, thông qua cơ chế hợp tác khu vực do ASEAN giữ vai trò chủ đạo.

+ Năm 2015, ASEAN đã hoàn thành về cơ bản việc triển khai các kế hoạch xây dựng cộng đồng. Ngày 22 – 11 – 2015, các nhà lãnh đạo ASEAN đã kí Tuyên bố Cu-a-la Lăm- pơ chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN kể từ ngày 31 – 12 – 2015

4. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN

** Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN*

- Cộng đồng Chính trị – An ninh

+ Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN được xây dựng trên nền tảng những thành quả hợp tác chính trị – an ninh đã đạt được kể từ khi Hiệp hội được thành lập năm 1967.

+ APSC có mục tiêu tạo dựng môi trường hoà bình và an ninh ở khu vực thông qua việc nâng hợp tác chính trị – an ninh trong ASEAN lên một nấc thang mới, cao hơn và chặt chẽ hơn trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của ASEAN.

- Cộng đồng Kinh tế

+ Cộng đồng Kinh tế ASEAN là sự tiếp nối các chương trình hợp tác kinh tế của ASEAN trước đây, được mở rộng hơn về phạm vi và nâng cao về mức độ hợp tác kinh tế, thương mại nhằm hướng tới một khu vực kinh tế ASEAN có khả năng cạnh tranh cao,…

+ Nội dung chính của Cộng đồng Kinh tế ASEAN bao gồm: tạo ra một thị trường và cơ sở sản xuất chung, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề; xây dựng khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao, năng động, phát triển đồng đều, hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu.

- Cộng đồng Văn hoá - Xã hội

+ Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN là một khuôn khổ hợp tác chặt chẽ, với các quy định và tiêu chuẩn chung để tạo sự hài hoà, bình đẳng và công bằng xã hội, nâng cao ý thức về cộng đồng và bản sắc chung ASEAN.

+ Nội dung chính Cộng đồng Văn hoá – Xã hội: Phát triển con người; Phúc lợi và bảo hiểm xã hội; Bình đẳng xã hội và các quyền; Bảo đảm bền vững về môi trường; Xây dựng bản sắc ASEAN; Thu hẹp khoảng cách phát triển.

+ Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN là chân kiềng quan trọng, gắn kết và tạo thuận lợi cho việc xây dựng hai trụ cột: Kinh tế và Chính trị – An ninh.

5. Cộng đồng ASEAN sau năm 2015

– Về thách thức: Cộng đồng ASEAN phải đối mặt với những thách thức trong nội khối và từ bên ngoài.

+ Trong nội khối: Những thách thức cơ bản về chính trị là sự đa dạng về chế độ chính trị, tình hình chính trị ở một số nước còn phức tạp, còn tồn tại một số mâu thuẫn trong quan hệ song phương,... Về kinh tế, sự chênh lệch về thu nhập, trình độ phát triển,... giữa các nước gây khó khăn trong hợp tác nội khối; sự tương đồng trong sản xuất một số ngành nghề cũng tạo ra sự cạnh tranh trong xuất khẩu,…

+ Thách thức từ bên ngoài: Sự cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn đối với khu vực, diễn biến phức tạp của tình hình Biển Đông và tình hình quốc tế; biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh,...

+ Để vượt qua những thách thức, các nước ASEAN đã và đang đẩy nhanh quá trình triển khai các kế hoạch đã đề ra vì lợi ích chung, lâu dài của cả cộng đồng.

– Về triển vọng:

+ ASEAN sẽ tiếp tục phát triển với mức độ liên kết, hợp tác ngày càng sâu rộng trên

cả ba trụ cột, tiếp tục là một trong những khu vực phát triển năng động nhất trên thế giới.

+ Về đối ngoại, ASEAN có quan hệ rộng mở với các đối tác bên ngoài, đồng thời có uy tín, vị thế ngày càng cao trong khu vực và trên thế giới.

Chủ đề 3: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8/1945 ĐẾN NAY)

A. Kiến thức cơ bản

1. Cách mạng tháng Tám năm 1945

Cách mạng tháng Tám năm 1945

** Bối cảnh lịch sử*

– Thế giới: Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Đến ngày 15 – 8 – 1945, Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Ngay sau khi Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh, quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang. Điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc Tổng khởi nghĩa đã đến.

– Trong nước:

+ Từ tháng 3 đến tháng 8 – 1945, cao trào kháng Nhật, cứu nước đã diễn ra trong cả nước, góp phần chuẩn bị lực lượng, tập dượt cho quần chúng đấu tranh, sẵn sàng tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.

+ Ngày 13 – 8 – 1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc, ban bố *Quân lệnh số 1*, chính thức phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

+ Ngày 14, 15 – 8 – 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa.

+ Ngày 16, 17 – 8 – 1945, Đại hội Quốc dân được triệu tập tại Tân Trào. Đại hội tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

---> "Thời cơ ngàn năm có một" cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền xuất hiện.

** Diễn biến chính*

+ Đến giữa tháng 8 – 1945, khí thế cách mạng đã sục sôi trong cả nước. Từ ngày 14 – 8, một số cấp bộ Đảng và tổ chức Việt Minh căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương đã phát động nhân dân khởi nghĩa..

+ Ngày 18 – 8 – 1945, nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam đã giành chính quyền sớm nhất trong cả nước.

+ Khởi nghĩa giành chính quyền ở các đô thị lớn: Hà Nội (19 – 8), Huế (23 – 8), Sài Gòn (25 – 8).

+ Từ ngày 25 đến ngày 28 – 8 – 1945, các địa phương khác trong cả nước từ rừng núi, nông thôn, thành thị nối tiếp nhau khởi nghĩa... Đồng Nai Thượng và Hà Tiên là hai địa phương giành thắng lợi cuối cùng.

+ Ngày 30 – 8 – 1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị, chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.

+ Ngày 2 – 9 – 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, tuyên bố với nhân dân và thế giới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ

Cộng hoà.

* *Nguyên nhân thắng lợi*

+ Chủ quan: đường lối lãnh đạo cách mạng đúng đắn, sáng tạo của Đảng; truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân; quá trình chuẩn bị lâu dài, chu đáo.

+ Khách quan: thắng lợi của lực lượng Đồng minh và Hồng quân Liên Xô trong cuộc chiến tranh chống phát xít, đặc biệt là chiến thắng trước quân phiệt Nhật Bản.

* *Ý nghĩa lịch sử:*

+ Trong nước:

Đây là sự kiện lịch sử vĩ đại, đã lật đổ ách cai trị của thực dân Pháp, quân phiệt Nhật Bản, chấm dứt thời kì quân chủ hơn 1000 năm; lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Cách mạng tháng Tám đã đánh dấu một bước tiến nhảy vọt trong lịch sử dân tộc: mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ dân chủ cộng hoà.

Cuộc cách mạng đã chứng tỏ năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản, sự sáng tạo và tinh thần yêu nước của nhân dân; chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo của cách mạng Việt Nam.

+ Quốc tế: Cách mạng tháng Tám đã góp phần vào thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ, tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống phát xít, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân và cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới.

– Bài học lịch sử:

+ Bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

+ Bài học về xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.

+ Bài học về nắm bắt thời cơ.

2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

* *Bối cảnh lịch sử*

– Thế giới:

+ Hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành.

+ Phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển ở các nước tư bản.

+ Sự hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và tình trạng chiến tranh lạnh cũng tác động to lớn đến tình hình Việt Nam.

– Trong nước:

+ Nhân dân đã giành quyền làm chủ, bước đầu được hưởng những quyền lợi do chế độ mới mang lại nên đồng lòng ủng hộ cách mạng+ Tuy nhiên, cách mạng Việt Nam cũng đứng trước những thử thách to lớn như: Quân đội các nước đế quốc dưới danh nghĩa Đồng minh kéo vào Việt Nam, các thế lực phản động trong nước ra sức chống phá cách mạng, trên đất nước vẫn còn khoảng 6 vạn quân Nhật chờ giải giáp,...

+ Trong khi đó, chính quyền và lực lượng vũ trang cách mạng còn non trẻ. Nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá, những tàn dư của chế độ cũ còn hết sức nặng nề.

Trong bối cảnh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở vào tình thế "ngàn cân treo sợi tóc", Chính phủ Pháp quyết định thành lập một đạo quân viễn chinh, đồng thời cử Đác-

giăng-li-ơ làm Cao uỷ ở Đông Dương nhằm thực hiện dã tâm xâm lược Việt Nam một lần nữa.

* *Diễn biến chính*

- Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ (1945)

+ Đêm 22, rạng sáng 23 – 9 – 1945, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Uỷ ban hành chính Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

+ Cuộc chiến đấu ở Nam Bộ đã giáng đòn đầu tiên vào kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh" của Pháp.

- Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950)

+ Ngày 18 – 12 – 1946, thực dân Pháp gửi tối hậu thư cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đòi giải tán lực lượng chiến đấu và để quân Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự ở Hà Nội. Trước tình hình đó, ngày 19 – 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*.

+ Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, quân dân Việt Nam đã từng bước giành được những thắng lợi quân sự tiêu biểu:

+ Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 (12-1946 2-1947).

+ Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947. + Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.

- Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951-1953)

+ Chính trị: Tháng 2-1951, Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi Đảng Lao động Việt Nam, Tháng 3-1951, Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam ra đời...

+ Quân sự: Quân đội nhân dân Việt Nam chủ động mở nhiều chiến dịch tiến công trên chiến trường chính Bắc Bộ.

+ Năm 1952, cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm được phát động, đã trở thành một phong trào quần chúng sôi nổi, lôi cuốn mọi ngành, mọi giới tham gia. Các ngành kinh tế cơ bản đáp ứng được yêu cầu của cuộc kháng chiến và đời sống nhân dân. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế được chú trọng phát triển.

+ Tháng 12 – 1953, Quốc hội thông qua Luật Cải cách ruộng đất và quyết định tiến hành cải cách ruộng đất ở vùng tự do.

- Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953-1954)

+ Được sự thoả thuận của Mỹ, tháng 7 – 1953, thực dân Pháp đề ra Kế hoạch Na-va với hi vọng trong vòng 18 tháng giành một thắng lợi quân sự quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự.

+ Cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của quân dân Việt Nam đã làm phá sản bước đầu Kế hoạch Na-va, đồng thời chuẩn bị về vật chất và tinh thần để mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

+ Đầu tháng 12 – 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng thông qua quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Chiến dịch Điện Biên Phủ trải qua 56 ngày đêm (từ ngày 13 – 3 – 1954 đến ngày 7 – 5 – 1954) với ba đợt., từ ngày 13-3-1954 đến ngày 7-5-1954. Chiều ngày 7-5-1954, tướng Đờ Ca-xtơ-ri cùng toàn bộ Bộ Tham mưu của quân Pháp đầu hàng.

* Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).

– Nguyên nhân chủ quan:

+ Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là do có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.

+ Toàn dân, toàn quân đã phát huy được tinh thần yêu nước, đoàn kết, sáng tạo trong

chiến đấu và sản xuất. Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân, mặt trận dân tộc thống nhất không ngừng được củng cố và mở rộng; lực lượng vũ trang được xây dựng không ngừng lớn mạnh; hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

– Nguyên nhân khách quan:

+ Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam được tiến hành với sự ủng hộ, đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung của nhân dân Lào và Cam-pu-chia trong Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào.

+ Cuộc kháng chiến nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân, của nhân dân Pháp và các lực lượng yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

- Ý nghĩa lịch sử:

– Ý nghĩa trong nước:

+ Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đồng thời chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trên đất nước Việt Nam.

+ Bảo vệ và phát triển thành quả của Cách mạng tháng Tám, đưa cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kì mới: miền Bắc được giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo cơ sở để nhân dân Việt Nam tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

– Ý nghĩa quốc tế:

+ Giáng đòn nặng nề vào tham vọng của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Cùng với nhân dân Lào và Cam-pu-chia, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn cõi Đông Dương, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

+ Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân thế giới, tăng cường ảnh hưởng của phong trào giải phóng dân tộc, chủ nghĩa xã hội và các phong trào tiến bộ.

3. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)

**** Bối cảnh lịch sử***

– Ngay sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Mỹ thay chân Pháp, dựng lên chính quyền tay sai miền Nam Việt Nam. Âm mưu của Mỹ là chia cắt Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á, ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở khu vực này.

– Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội; miền Nam phải tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hoà bình, thống nhất nước nhà.

– Trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng mở rộng, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Tuy nhiên, sự đối đầu giữa hai phe: tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu và phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm trụ cột mà đỉnh cao là Chiến tranh lạnh đã tác động rất lớn đến cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

**** Các giai đoạn phát triển chính***

Giai đoạn 1954 – 1960:

– Miền Bắc:

+ Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội.

+ Thành tựu đạt được tạo tiền đề để miền Bắc phát triển trong giai đoạn tiếp theo cũng như thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.

– Miền Nam:

+ Đấu tranh chống Mỹ – chính quyền Ngô Đình Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, bảo vệ hoà bình, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng khởi.

+ Tháng 1 – 1959, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 của Đảng Lao động Việt Nam khẳng định: ngoài con đường sử dụng bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không còn con đường nào khác. Nghị quyết đã thổi bùng lên phong trào Đồng khởi (1959 – 1960).

+ Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm, đồng thời đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Giai đoạn 1961 – 1965:

– Miền Bắc:

+ Nhân dân miền Bắc tiến hành kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) với nhiệm vụ cơ bản là ra sức phát triển công nghiệp, nông nghiệp, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân,…

+ Thành tựu đạt được làm thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

– Miền Nam: chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961 – 1965) do Mỹ và chính quyền Sài Gòn triển khai.

+ Trên mặt trận chính trị, phong trào diễn ra sôi nổi, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo.

+ Trên mặt trận chống bình định, nhân dân miền Nam đã làm phá sản "quốc sách" lập "ấp chiến lược" của Mỹ – chính quyền Ngô Đình Diệm.

+ Trên mặt trận quân sự, chiến thắng Ấp Bắc (1963) đã mở ra khả năng đánh bại chiến thuật "trực thăng vận, thiết xa vận", chứng minh khả năng quân dân Việt Nam có thể đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ. Sau chiến thắng Ấp Bắc, một phong trào "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công" dấy lên khắp miền Nam.

+ Trong những năm 1964 – 1965, những thắng lợi về quân sự đã làm phá sản hoàn toàn chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ.

Giai đoạn 1965 – 1968:

– Miền Bắc:

+ Sau khi dựng lên sự kiện "Vịnh Bắc Bộ" (8 – 1964), Mỹ chính thức mở rộng chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (2 – 1965).

+ Quân dân miền Bắc kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa tiếp tục phát triển kinh tế – xã hội và thực hiện nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.

– Miền Nam: chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ.

+ Trên mặt trận chính trị, với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng đã phá vỡ thêm nhiều "ấp chiến lược". Ở các thành thị, phong trào phản đối chiến tranh của quần chúng diễn ra rất sôi nổi.

+ Với ý chí "Quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược", quân dân miền Nam đã anh dũng chiến đấu và giành thắng lợi ở Vạn Tường (18 – 8 – 1965), mở ra khả năng đánh thắng Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" về quân sự. – Quân dân miền Nam tiếp

tục đập tan cuộc phản công của quân Mỹ và đồng minh trong hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967.

+ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam xuân Mậu Thân năm 1968, trọng tâm là ở các đô thị đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải "phi Mỹ hoá" chiến tranh xâm lược, chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh.

Giai đoạn 1969 – 1973:

– Miền Bắc:

+ Tiến hành khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, tiếp tục làm nghĩa vụ hậu phương và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ.

+ Chủ động, kịp thời đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố trong 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến ngày 29 – 12 – 1972). Thắng lợi này được coi như trận "Điện Biên Phủ trên không", buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (1973).

– Miền Nam: chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ.

+ Ngày 6 – 6 – 1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời. Đây là chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam. –

+ Trong những năm 1970 – 1972, nhân dân ba nước Đông Dương đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược về quân sự và chính trị.

+ Từ tháng 3 – 1972, quân đội Việt Nam mở cuộc Tiến công chiến lược vào Quảng Trị rồi phát triển rộng khắp chiến trường miền Nam, chọc thủng ba phòng tuyến của địch ở Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 đã buộc Mỹ phải thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

Giai đoạn 1973 – 1975:

– Miền Bắc:

Sau khi Hiệp định Pa-ri năm 1973, Mỹ phải rút hết quân về nước. Nhân dân miền Bắc bắt tay khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam.

– Miền Nam:

+ Mỹ vẫn giữ lại hơn 2 vạn "cố vấn" quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn. Chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pa-ri.

+ Tháng 7 – 1973, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 nhấn mạnh: Trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường bạo lực cách mạng, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao.

+ Từ tháng 3 – 1975, quân dân miền Nam mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, trải qua ba chiến dịch lớn: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế – Đà Nẵng và chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định (Chiến dịch Hồ Chí Minh).

+ 11 giờ 30 phút ngày 30 – 4, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

**** Nguyên nhân thắng lợi***

– Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối

chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo. Đó là đường lối đồng thời tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, phát triển không ngừng nghệ thuật chiến tranh nhân dân, kết hợp đấu tranh quân sự – chính trị – ngoại giao, kết hợp một cách đúng đắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

– Nhân dân Việt Nam giàu lòng yêu nước, đoàn kết, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm tạo nên sức mạnh để chiến thắng.

– Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

– Sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau chống kẻ thù chung của nhân dân ba nước Đông Dương; sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn của các lực lượng hoà bình, dân chủ trên thế giới, nhất là các nước xã hội chủ nghĩa; phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới,...

* Ý nghĩa lịch sử:

– Đối với Việt Nam:

+ Đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, 30 năm chiến tranh cách mạng; chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước Việt Nam.

+ Đã kết thúc thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước; mở ra kỉ nguyên cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

– Đối với quốc tế:

+ Góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.

+ Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc và cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội của nhân dân thế giới.

4. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay

**** Bối cảnh lịch sử:***

- Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, Việt Nam chuyển sang giai đoạn độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Tuy nhiên, hậu quả của chiến tranh trên cả nước còn rất nặng nề; đất nước lại bị Mỹ bao vây, cấm vận; mối quan hệ giữa Việt Nam – Trung Quốc – Cam-pu-chia đã xuất hiện một số vấn đề phức tạp.

- Tình hình thế giới có nhiều chuyển biến, xu thế hoà hoãn Đông – Tây xuất hiện từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, nhưng tình trạng bất ổn, xung đột vẫn diễn ra nhiều nơi trên thế giới.

**** Diễn biến chính của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975***

Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam: diễn ra qua hai giai đoạn:

– *Giai đoạn 1* (từ ngày 30 – 4 – 1977 đến ngày 5 – 1 – 1978):

+ Quân Pôn Pốt tấn công dọc tuyến biên giới, tàn sát dân thường,…

+ Cùng với việc tổ chức lực lượng vũ trang đánh lui quân địch, Đảng và Nhà nước Việt Nam nỗ lực hoạt động ngoại giao nhằm tìm kiếm giải pháp hoà bình.

– *Giai đoạn 2* (từ ngày 6 – 1 – 1978 đến ngày 7 – 1 –1979):

+ Quân Pôn Pốt tiến hành xâm lược trên toàn tuyến biên giới Tây Nam. Ngày 22 – 12 – 1978, quân Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn bộ binh cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tấn

công quy mô lớn vào Tây Ninh.

+ Thực hiện quyền tự vệ chính đáng, quân dân Việt Nam mở cuộc tổng phản công, làm tan rã đại bộ phận quân chủ lực đối phương.

+ Theo yêu cầu của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, quân tình nguyện Việt Nam cùng quân dân Cam-pu-chia đánh đổ chính quyền Pôn Pốt. Ngày 7 – 1 – 1979, Thủ đô Phôm Pênh (Cam-pu-chia) được hoàn toàn giải phóng.

Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc

– Từ giữa năm 1975, tình hình quan hệ Việt Nam – Trung Quốc dần trở nên căng thẳng. Trung Quốc đơn phương chấm dứt các viện trợ kinh tế, kĩ thuật và khiêu khích, xâm phạm khu vực biên giới phía Bắc của Việt Nam.

– Sáng ngày 17 – 2 – 1979, hàng chục vạn quân Trung Quốc tấn công dọc tuyến biên giới phía Bắc dài hơn 1 000 km của Việt Nam, từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

– Để bảo vệ Tổ quốc, quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc đã đứng lên chiến đấu. Nhiều trận chiến diễn ra quyết liệt ở Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai,… đã làm thất bại mục tiêu "đánh nhanh, thắng nhanh" của quân đội Trung Quốc.

– Trước cuộc chiến đấu ngoan cường của quân dân Việt Nam và sự phản đối mạnh mẽ của dư luận, Trung Quốc phải tuyên bố rút quân từ ngày 5 – 3 – 1979. Tuy nhiên, tình hình trên tuyến biên giới phía Bắc tiếp tục căng thẳng kéo dài cho tới cuối năm 1989, đặc biệt là Vị Xuyên (Hà Giang).

Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông

– Sau Đại thắng Xuân 1975, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lí toàn bộ lãnh thổ đất nước, trong đó bao gồm cả quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

– Ngày 12 – 5 – 1977, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Năm 1994, Việt Nam là quốc gia thứ 63 phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) năm 1982, trước khi Công ước chính thức có hiệu lực vào tháng 12 – 1994.

– Về quản lí hành chính, năm 1982, Chính phủ Việt Nam thành lập huyện đảo Hoàng Sa (trực thuộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng, nay thuộc thành phố Đà Nẵng) và huyện đảo Trường Sa (trực thuộc tỉnh Đồng Nai, nay thuộc tỉnh Khánh Hoà). Năm 2007, Chính phủ quyết định thành lập thị trấn Trường Sa cùng hai xã đảo: Song Tử Tây, Sinh Tồn trực thuộc huyện đảo Trường Sa.

– Chính phủ Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, như: tổ chức triển lãm các hiện vật lịch sử, nghiên cứu, khảo sát điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, xây bia chủ quyền, thiết lập các ngọn đèn biển và đưa dân ra sinh sống trên các đảo,...

– Trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền biển đảo, Việt Nam luôn kiên quyết và kiên trì đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp với nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, lấy bảo vệ vững chắc chủ quyền, lợi ích quốc gia, dân tộc và giữ vững hoà bình, ổn định để đất nước phát triển làm mục tiêu cao nhất.

**** Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm***

- Ý nghĩa lịch sử

+ Bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ cuộc sống của nhân dân.

+ Khẳng định ý chí độc lập, tự chủ và tinh thần đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế trong sáng của nhân dân Việt Nam.

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước.

+ Để lại những bài học kinh nghiệm quý giá cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tương lai.

+ Góp phần bảo vệ hoà bình, ổn định ở khu vực châu Á và trên thế giới

- Bài học kinh nghiệm

+ Không ngừng phát huy tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân.

+ Củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân

+ Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ tổ quốc..

+ Phát triển, sáng tạo nghệ thuật chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Chủ đề 4- CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986-NAY

A KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Khái quát về công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay.

*Khởi đầu công cuộc Đổi mới (1986-1995)

- đường lối đổi mới toàn diện và đồng bộ đất nước được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), tiếp tục được bổ sung tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) của Đảng.

– Trọng tâm là đổi mới kinh tế:

+ Kiên quyết xoá bỏ cơ chế quảnlí kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước.

+ Phát triển kinh tế hàng hoá xã hội chủ nghĩa.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện Ba chương trình kinh tế lớn gồm: Lương thực – Thực phẩm, Hàng tiêu dùng và Hàng xuất khẩu.

+ Đẩy lùi và kiểm soát lạm phát, ổn định và nâng cao hiệu quả của nền kinh tế – xã hội, phấn đấu bắt đầu có tích luỹ nội bộ từ nền kinh tế, từng bước đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng khủng hoảng.

– Đổi mới toàn diện và đồng bộ:

+ Đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới chính trị, văn hoá – xã hội, chú trọng nhân tố con người. Xác định khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu

+ Đổi mới chính trị phải được tiến hành tích cực và vững chắc. Tiến hành đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo hướng vừa phát huy quyền làm chủ của người dân, vừa phát huy quyền lực của cơ quan Nhà nước.

* Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế (1996-2006)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1996) đã xác định Việt Nam chuyển sang thời kì mới: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Các đại hội tiếp theo trong giai đoạn 1996 – 2006 tiếp tục đề ra đường lối đổi mới trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá – xã hội, an ninh – quốc phòng và đối ngoại nhằm phù hợp với tình hình đất nước.

+ Về kinh tế: Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tiếp tục phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục tăng cường đầu tư xây dựng

nhiều công trình lớn về kết cấu hạ tầng, tăng cường tiềm lực về cơ sở – vật chất, công nghệ cho nền kinh tế. Xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới.

+ Về chính trị – văn hoá – xã hội, an ninh – quốc phòng: Đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế. Nhấn mạnh phát triển giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ là quốc sách hàng đầu. Xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Mở rộng giải quyết các vấn đề xã hội như tạo thêm việc làm, xoá đói, giảm nghèo,… Xây dựng và tăng cường an ninh – quốc phòng.

+ Về đối ngoại: Đặt trọng tâm chủ trương "hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực", nhằm mục tiêu phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước.

* Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoà, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng (từ năm 2006 đến nay)

– Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam (2006) đã chủ trương: đẩy mạnh toàn diện công cuộc Đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Từ năm 2006 đến nay, Việt Nam thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng.

– Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới giai đoạn 2006 đến nay:

+ Về kinh tế: Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức. Phấn đấu đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có nền công nghiệp theo hướng hiện đại.

+ Về chính trị – văn hoá – xã hội, an ninh – quốc phòng: Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định.

+ Về đối ngoại: Chuyển từ "hội nhập kinh tế quốc tế " sang "chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng", mở rộng phạm vi, lĩnh vực và tính chất của hội nhập. Thực hiện chiến lược hội nhập quốc tế toàn diện trên các lĩnh vực, trong đó hội nhập kinh tế là trọng tâm.

2. Thành tựu cơ bản trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ 1986 đến nay:

– Kinh tế:

+ Có sự chuyển đổi từ mô hình quản lí kinh tế theo cơ chế tập trung, bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

+ Trong suốt quá trình chuyển đổi từ mô hình quản lí kinh tế theo cơ chế tập trung, bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đã vươn lên thành một điểm sáng tăng trưởng trong khu vực và trên thế giới với nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Nền kinh tế không chỉ tăng trưởng về quy mô mà chất lượng tăng trưởng cũng được cải thiện, quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá cũng như hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ, sâu rộng.

– Chính trị, an ninh – quốc phòng:

+ Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh; tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được củng cố, tăng cường.

+ Những thành tựu đó đã góp phần giữ vững sự ổn định chính trị và môi trường hoà bình cho công cuộc xây dựng, công cuộc Đổi mới của Việt Nam.

– Văn hoá – xã hội: Công cuộc xoá đói, giảm nghèo đã được thực hiện thành công,

đất nước đã bước ra khỏi tình trạng kém phát triển. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và không ngừng nâng cao.

– Hội nhập quốc tế: Quá trình hội nhập quốc tế đạt được nhiều thành tựu quan trọng về hội nhập chính trị, kinh tế, an ninh – quốc phòng, văn hoá và các lĩnh vực khác

+ Hội nhập về chính trị, an ninh – quốc phòng: Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực chính trị, an ninh – quốc phòng có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần củng cố và phát triển nền tảng vững chắc cho hội nhập trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ, y tế, giáo dục.

+ Việt Nam tăng cường tin cậy chính trị và đan xen lợi ích giữa Việt Nam với các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện. Các đối tác đều coi trọng, tín nhiệm và mong muốn tăng cường quan hệ với Việt Nam.

+ Việt Nam đã chủ động đảm đương và tích cực đóng góp cho hoà bình, ổn định, phát triển ở khu vực và toàn cầu. Điểm rất mới trong thời gian qua là những đóng góp của Việt Nam cho Lực lượng Gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc. Từ đó, Việt Nam đã khẳng định được vai trò rất quan trọng của đối ngoại quốc phòng, an ninh của Việt Nam và nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế, đóng góp tích cực vào việc duy trì hoà bình, ổn định, an ninh khu vực và quốc tế, đồng thời góp phần tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho việc bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

+ Hội nhập về kinh tế: Hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra sâu rộng, trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế. Việt Nam đã và đang trở thành một trong những nền kinh tế hội nhập toàn diện nhất thế giới qua các cấp độ (song phương, đa phương, khu vực) và theo các hình thức, khuôn khổ khác nhau, đối tác chiến lược, hiệp định (thương mại, đầu tư, môi trường), diễn đàn (APEC, ASEM,...), tổ chức quốc tế (Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế,...), trong đó, việc trở thành thành viên WTO là sự kiện quan trọng nhất đánh dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, mở ra một giai đoạn mới: nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu và toàn diện hơn vào nền kinh tế thế giới.

+ Hội nhập về văn hoá và các lĩnh vực khác:

Thành tựu nổi bật của hợp tác quốc tế về văn hoá là đã triển khai toàn diện các lĩnh vực hợp tác, giao lưu văn hoá, thông tin đối ngoại, mở rộng quan hệ ở nhiều địa bàn, từng bước phát triển sang tất cả các châu lục. Vị thế Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao, con người và cuộc sống Việt Nam được bạn bè thế giới hiểu biết rõ hơn.

Trong giáo dục, Việt Nam đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục với các quốc gia trên thế giới và vùng lãnh thổ, đồng thời là thành viên tích cực của các tổ chức giáo dục quốc tế.

Trong lĩnh vực khoa học – công nghệ, việc hợp tác nghiên cứu diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Tính đến năm 2020, Việt Nam là thành viên của gần 100 tổ chức quốc tế về khoa học – công nghệ; có quan hệ về hợp tác khoa học – công nghệ với hơn 90 quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế; hơn 80 điều ước, thỏa thuận quốc tế về hợp tác khoa học – công nghệ cấp Chính phủ, cấp Bộ đã được kí kết và thực hiện.

Hợp tác trong y tế, trong lĩnh vực bảo vệ môi trường,… cũng ngày càng rộng mở và đạt nhiều thành tựu.

3. Một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới

– Thứ nhất: Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

– Thứ hai: Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp

– Thứ ba: Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân.

– Thứ tư: Kết hợp sức mạnh nội lực và sức mạnh ngoại lực, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững.

CHỦ ĐỀ 5- HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI

A KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1975

a) Hoạt động đối ngoại của một số nhà yêu nước Việt Nam tiêu biểu đầu thế kỉ XX

– Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu chủ yếu diễn ra ở Nhật Bản, Trung Quốc với mục đích tìm kiếm sự giúp đỡ từ bên ngoài để chống thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc.

+ Đầu năm 1905, Phan Bội Châu sang Nhật Bản nhờ giúp đỡ cho công cuộc cứu nước; ông đưa 200 thanh niên Việt Nam sang học tập ở các trường tư thục khác nhau. Năm 1908, Phan Bội Châu tham gia thành lập các tổ chức có mục tiêu đoàn kết quốc tế để hợp sức chống đế quốc.

+ Năm 1911, Phan Bội Châu quyết định về hoạt động ở Trung Quốc và đầu năm 1912, Phan Bội Châu tham gia thành lập một số tổ chức, nhằm đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập. Phan Bội Châu cử người liên lạc với một số tổ chức, đại diện nước ngoài như Công sứ Đức, Đại sứ quán Nga,… để tìm kiếm sự giúp đỡ cho phong trào đấu tranh chống Pháp Việt Nam.

– Hoạt động đối ngoại của Phan Chu Trinh diễn ra chủ yếu ở Pháp (ông sang Pháp từ năm 1911) với mục đích vận động cải cách cho Việt Nam.

+ Tiếp xúc với một số nhóm Việt kiều, tổ chức, đảng phái tiến bộ. Nhiều lần gửi kiến nghị đến Hội Nhân quyền Pháp, đến các thành viên của Chính phủ Pháp…, phê phán chính quyền thực dân, thức tỉnh dư luận Pháp về tình hình Việt Nam.

+ Với chủ trương "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh", Phan Châu Trinh đã đi nhiều nơi với mục đích xem xét tình hình nhân dân, sĩ khí và tìm bạn đồng chí hướng.

Ở Nhật, ông tiếp xúc với nhiều nhà chính trị, sau đó sang Pháp, tiếp tục đấu tranh, lên tiếng tố cáo chế độ thuộc địa.

Ông nhiều lần gửi kiến nghị Hội Nhân quyền và Dân quyền Pháp, gửi kiến nghị cho An-be Xa-rô lúc đó sắp sang nhậm chức Toàn quyền Đông Dương,....

Phan Châu Trinh tìm cách liên hệ với những người trong Liên minh Nhân quyền và Đảng Xã hội Pháp, tiếp xúc với các nhóm Việt kiều và các đảng phái tiến bộ, tổ chức nhiều buổi diễn thuyết phê phán sự bất công của chính quyền thực dân, đánh động dư luận Pháp về tình hình ở Việt Nam.

+ Ông đã đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập và hoạt động của một số tổ chức yêu nước Việt Nam tại Pháp, tham gia nhóm soạn thảo Bản yêu sách của nhân dân An

Nam gửi tới Hội nghị Véc–xai.

* *Nguyễn Ái Quốc*

– Trong những năm 1911 – 1922, Nguyễn Ái Quốc đã đi qua nhiều quốc gia khác nhau và có những hoạt động đối ngoại nổi bật tại Pháp:

+ Gặp gỡ, tiếp xúc với nhiều nhà hoạt động chính trị, văn hoá của Pháp và nhiều nước châu Âu.

+ Năm 1920, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

+ Năm 1921, tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa. Trên cương vị Trưởng ban Nghiên cứu về Đông Dương thuộc Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc tích cực xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản với nhân dân lao động Pháp và nhân dân các nước thuộc địa.

– Trong những năm 1923 – 1930, hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc diễn ra chủ yếu ở Liên Xô và Trung Quốc:

+ Tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô, tích cực tham gia các hội nghị, đại hội của Quốc tế Cộng sản. Tại những diễn đàn này, Nguyễn Ái Quốc trình bày quan điểm về vai trò của cách mạng thuộc địa, về lực lượng cách mạng ở thuộc địa, về quan hệ giữa cách mạng ở chính quốc với thuộc địa,... Bằng những hoạt động này, Nguyễn Ái Quốc chính thức xác lập mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với Quốc tế Cộng sản và cách mạng thế giới.

+ Từ cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc), liên lạc với lực lượng cách mạng ở Đông Nam Á và Trung Quốc, mở các lớp huấn luyện chính trị cho thanh niên yêu nước Việt Nam. Trong các bài giảng, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh sự cần thiết phải đoàn kết và tập hợp lực lượng quốc tế.

b) Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương thời kì 1930 – 1945

Trong những năm 1930 – 1945, hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương chủ yếu phục vụ cho cuộc đấu tranh chống thực dân, phát xít, tiến tới giành độc lập, tự do, góp phần bảo vệ hoà bình:

– Là một phân bộ của Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, tổ chức nhiều hoạt động ủng hộ Liên Xô; phối hợp với các tổ chức của người Pháp, người Hoa ở Đông Dương tiến hành quyên góp giúp đỡ các nạn nhân chiến tranh ở Trung Quốc.

– Đảng Cộng sản Đông Dương tích cực củng cố quan hệ với Đảng Cộng sản Trung Quốc, thành lập Tiểu ban vận động Hoa Kiều, giúp đỡ người Hoa tổ chức hội cứu quốc.

– Nhằm mở rộng quan hệ với lực lượng chống quân phiệt Nhật Bản ở Đông Nam Á, Đảng Cộng sản Đông Dương liên lạc với phong trào dân tộc chống quân phiệt Nhật Bản ở một số nước như: Miến Điện, Mã Lai, Phi-líp-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a,...

– Thông qua Mặt trận Việt Minh, hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương thể hiện rõ chủ trương đứng về phía lực lượng Đồng minh trong cuộc chiến chống quân phiệt Nhật Bản, đồng thời, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho cách mạng Việt Nam.

c) Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

– Chính phủ Việt Nam đã gửi thư, công hàm đề nghị Đại hội đồng Liên hợp quốc và các nước lớn công nhận Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

– Với Trung Hoa Dân quốc, với Pháp, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thực hiện sách lược hoà hoãn để tranh thủ thời gian củng cố chính quyền cách mạng; đồng thời, luôn thể hiện thiện chí hoà bình với Chính phủ Pháp và nhân dân Pháp.

– Việt Nam nỗ lực mở các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thông tin ở một số nước trên thế giới.

– Năm 1950, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

– Năm 1951, Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và tôn trọng chủ quyền của nhau.

– Nhằm tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gặp gỡ đại diện nhiều tổ chức quốc tế, thành lập các hội hữu nghị và Uỷ ban Bảo vệ hoà bình thế giới.

– Năm 1954, tham gia Hội nghị quốc tế về Đông Dương được tổ chức ở Giơ-ne-vơ, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã kiên trì đấu tranh bảo vệ các lợi ích chính đáng của ba nước Đông Dương..

d) Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)

– Hoạt động đối ngoại của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tập trung đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ thông qua việc phối hợp với các tổ chức quốc tế.

– Việt Nam Dân chủ Cộng hoà củng cố, tăng cường quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là với Liên Xô, Trung Quốc, vận động các nước xã hội chủ nghĩa ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

– Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thiết lập quan hệ ngoại giao với Lào, xây dựng quan hệ láng giềng hữu nghị với Cam-pu-chia; đồng thời, phát triển mối quan hệ liên minh chiến đấu chống các lực lượng yêu nước, kháng chiến của Lào, Cam-pu-chia.

– Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ủng hộ cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ La-tinh.

– Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tích cực lên án cuộc chiến tranh phi nghĩa mà Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới đối với cuộc kháng chiến.

– Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thực hiện sách lược "vừa đánh, vừa đàm", nỗ lực thúc đẩy Hội nghị Pa-ri. Ngày 27 – 1 – 1973, Hiệp định Pa-ri được kí kết và Mỹ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

2. Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ năm 1975 đến nay

a) Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975-1985

Hoạt động	Những sự kiện tiêu biểu
Hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa (nhất là lĩnh vữ kinh tế)	- Năm 1978, Việt Nam và Liên Xô kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác - Năm 1978, Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) - Đối với Trung Quốc, Việt Nam tiến hành đàm phán để giải quyết các xung đột về biên giới…
Thúc đẩy quan hệ với các nước Đông Nam Á	- sẵn sàng thiết lập quan hệ hợp tác, cùng tồn tại hoà bình và phát triển với các nước thành viên ASEAN; phát triển quan hệ hữu nghị, tình đoàn kết chiến đấu và hợp tác với Lào, Cam-pu-chia. - Việt Nam tích cực thiết lập quan hệ với nhiều tổ chức quốc tế, với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực:

Thiết lập quan hệ với các tổ chức quốc tế và các nước khác	- Việt Nam tích cực đấu tranh chống chính sách cấm vận của Mỹ, hợp tác giải quyết các vấn đề nhân đạo...; góp phần đẩy mạnh quan hệ với các nước tư bản, gia nhập các tổ chức quốc tế,... - Năm 1976 Việt Nam thống nhất gia nhập phong trào không iên kết. Tham gia các hoạt động góp phần phát huy vai trò tích cực của Phong trào Không liên kết trong cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình.
Phát triển quan hệ đối ngoại với các quốc gia và tổ chức quốc tế	Năm 1977, Việt Nam trở thành thành viên Liên hợp quốc.
Bước đầu đàm phán bình thường hoá quan hệ với Mỹ	Từ năm 1977, nhiều cuộc hội đàm Việt - Mỹ đã diễn ra tại Pa-ri và Hà Nội.

b) Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay

– Việt Nam nỗ lực phá thế bao vây cấm vận, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng; trong đó trọng tâm là giải quyết vấn đề Cam-pu-chia, sau đó bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, với Mỹ và gia nhập ASEAN.

– Củng cố quan hệ với các đối tác truyền thống, mở rộng quan hệ đối ngoại với các đối tác khác; theo đó, quan hệ với phần lớn các nước trên thế giới đã từng bước được cải thiện và mở rộng; đồng thời, nâng tầm lên quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với một số nước.

– Việt Nam tích cực, chủ động hội nhập khu vực và thế giới, trở thành thành viên có trách nhiệm của nhiều tổ chức quốc tế; triển khai hoạt động đối ngoại tại các tổ chức, diễn đàn, hội nghị đa phương với đối tác trọng tâm có tầm ảnh hưởng.

– Triển khai các hoạt động đối ngoại bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải, biển đảo của Tổ quốc thông qua việc tham gia đàm phán và kí kết các thoả thuận, các hiệp định về phân định biên giới trên bộ, trên biển.Việt Nam tích cực hợp tác nhằm bảo vệ môi trường, giao lưu văn hoá và hỗ trợ nhân đạo, cam kết tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, thúc đẩy gắn kết với các nước trong khu vực và trên thế giới thông qua giao lưu văn hoá.

Các hoạt động đối ngoại của Việt Nam được triển khai nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

CHỦ ĐỀ 6: HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh

** Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh*

- Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh

+ Hoàn cảnh đất nước: Cuối thế kỉ XIX, các phong trào yêu nước chống Pháp đều lần lượt thất bại.

+ Hoàn cảnh quê hương: Là địa phương có truyền thống hiếu học và khoa bảng, người dân cần cù, chịu khó

+ Hoàn cảnh gia đình: Xuất thân trong một gia đình nhà nho yêu nước.

- Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh

+ Từ năm 1890 đến năm 1911:

Sinh ngày 19-5-1890 tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Năm 1910: dạy học tại Trường Dục Thanh ở Phan Thiết rồi vào Sài Gòn (1911)

+ Từ năm 1911 đến năm 1919

Năm 1911: Nguyễn Tất Thành lấy tên là Văn Ba, sang phương Tây tìm đường cứu nước Năm 1918: tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp.
Năm 1919: gửi bản Yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Véc-xai để đòi quyền lợi cho dân tộc Việt Nam.
+ Từ năm 1920 đến năm 1945
Chuẩn bị các điều kiện về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho cách mạng Việt Nam.
Tháng 8-1945: cùng với Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, đưa tới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (2-9-1945).
+ Từ năm 1945 đến năm 1969:
Lãnh đạo nhân dân bên hành kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và chống Mỹ, cái nước (từ năm 1954 đầu năm 1969), tham gia xây dựng và bảo vệ chá cộ xã hội chủ nghà
Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần tại Hà Nội

2. Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc

* Hành trình di tim đường cứu nước (1911-1920)
- Từ năm 1911: đi qua nhiều châu lục, làm nhiều công việc để vừa kiếm sống vừa tìm hiểu thực tiễn.
- Tháng 7-1920: đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin, đi đến khẳng định: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản.
* Chuẩn bị và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1921-1930)
- Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức.
- Năm 1930, triệu tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo kéo dài nhiều thập kỉ.
* Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945
- Triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941) tại Pác Bó (Cao Bằng).
- Sáng lập Mặt trận Việt Minh (19-5-1941).
- Xây dựng và mở rộng căn cứ địa cách mạng.
- Lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
* Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)
- Giai đoạn 1945 - 1946: đưa cách mạng Việt Nam vượt qua nhiều khó khăn, thử thách; kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Tạm ước Việt - Pháp (14-9-1946).
- Giai đoạn 1946-1954: cùng với Đảng và Chính phủ lãnh đạo nhân dân cả nước kết hợp thực hiện hai nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc.
* Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (từ năm 1954 đến năm 1969)
Có những đóng góp to lớn đối với việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược của cách mạng ở hai miền Nam - Bắc và nhiệm vụ chung của cả nước.

3. Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam

Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam
** Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới*
- Năm 1987, cuộc họp của Đại hội đồng UNESCO lần thứ 24 ở Pa-ri (Pháp) đã ra Nghị quyết số 240/18.65, ghi nhận: Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phòng dân tộc của nhân dân Việt Nam, đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc trên thế giới.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có đóng góp quan trọng về nhiều mặt trên các lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, giáo dục, nghệ thuật, nhân cách, lối sống...
** Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam*
- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến và hi sinh cả cuộc đời cho dân tộc Việt Nam.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là tấm gương sáng về đạo đức, phẩm chất, lối sống cho các thế hệ người dân Việt Nam.

- Sự vinh danh và tri ân của nhân dân Việt Nam đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh được nối tiếp qua nhiều thế hệ với những hình thức khác nhau: xây dựng công trình tưởng niệm, xây dựng hình tượng, nhân cách trong văn học, nghệ thuật....

B. CÂU HỎI ÔN LUYỆN

==========

KIẾN THỨC LỊCH SỬ LỚP 11

CHỦ ĐỀ 2: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết

** Sự ra đời của Chính quyền Xô viết*

- Tháng 2-1917:

+ Đảng Bôn-sê-vích lãnh đạo nhân dân Nga làm cách mạng lật đổ chế độ Nga hoàng, bầu ra các Xô viết.

+ Giai cấp tư sản cũng thành lập Chính phủ lâm thời.

- Tháng 10-1917:

- Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đã lãnh đạo các Xô viết làm Cách mạng tháng Mười.

- 25-10, Đại hội Xô viết toàn Nga lần II họp, thành lập Chính phủ Xô viết, do Lê-nin đứng đầu.

** Sự thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết*

- 1918 - 1920: Nước Nga Xô viết và các nước cộng hoà Xô viết liên minh cùng đánh bại kẻ thù chung.

- Tháng 12-1922: Đại hội lần thứ nhất các X viết toàn Liên bang thông qua bản Tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.

- Năm 1924: Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua, hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.

** Ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết*

Đối với Liên Xô

- Xác lập chế độ xã hội chủ nghĩa trên toàn lãnh thổ Liên Xô.

- Thể hiện quyền dân tộc tự quyết, sự liên mình đoàn kết của các nước cộng hoà Xô viết.

Đối với thế giới

- Tác động lớn đến chính trị và quan hệ quốc.

- Để lại những bài học quý báu về mô hình nhà nước.

2. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991

a. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991

**** Sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ La-tinh***

CHÂU Á

- Mông Cổ

+ Năm 1924: Hoàn thành cơ bản cuộc cách mạng dân tộc dân chủ.

+ Năm 1940: Định hướng phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

- Triều Tiên: Năm 1948, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên được thành lập, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Trung Quốc: Năm 1949, Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Việt Nam

+ Năm 1954: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc được giải phóng và bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+ Năm 1975: Sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam và thực hiện thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1976), cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Lào: Năm 1975, Cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào được thành lập, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

MỸ LA-TINH

- Cuba

+ Năm 1959: Cách mạng Cu-ba thành công, Cộng hoà Cu-ba ra đời.
+ Năm 1961: Cu-ba bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội,

**** Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu***

- 1944-1945: Trước thất bại của chủ nghĩa phát xít và được sự giúp đỡ của Hồng quân Liên Xô, các nước Đông Âu đã thành lập chính quyền dân chủ nhân dân.
- 1945-1949:

+ Các nước Đông Âu hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân.
+ Năm 1949, Cộng hoà Dân chủ Đức ra đời và tham gia vào hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

- 1950- đầu những năm 70 của thế kỉ XX: Các nước Đông Âu xây dựng chủ nghĩa xã hội và đạt được nhiều thành tựu.

b. Nguyên nhân sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô

** Nguyên nhân chủ quan*

- Các nhà lãnh đạo của Đảng, Nhà nước mắc nhiều sai lầm nghiêm trọng trong các đường lối, chính sách cải tổ.
- Những hạn chế của mô hình kinh tế - xã hội không được nhận thức đầy đủ và sửa chữa tích cực.
- Chưa khai thác tốt thành tựu của cách mạng khoa học - kĩ thuật.
- Tình trạng quan liêu, vi phạm dân chủ; xu hướng dân tộc chủ nghĩa và li khai xuất hiện.

** Nguyên nhân khách quan*

Sự chống phá của các thế lực thù địch.

3. Khái quát về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay

- Từ năm 1991, sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu hội không còn là một hệ thống thế giới. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một số nước như Trung Quốc, Việt Nam, Lào vẫn tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh.
- Trung Quốc: Đường lối cải cách tiếp tục được triển khai với chủ trương lấy phát trên Đường lố trung tâm, xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, đã kinh tố là cửa với mục tiêu hiện đại hoá và xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.
- Việt Nam: Tiến hành đổi mới, thoát khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội và trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh.
- Lào: Sau gần 40 năm đổi mới, đất nước vượt qua nhiều khó khăn. Kinh tế Lào đạt mức tăng trưởng cao trong nhiều năm. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện.
- Cuba:

+ Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tiếp tục được duy trì nhưng không có nhiều thành tựu đột phá.
+ Tiếp tục ở trong tình trạng bị cấm vận từ bên ngoài.

* Ý NGHĨA

Những thành tựu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội đã nhận được sự đánh giá cao của cộng đồng quốc tế, đồng thời chứng minh sức sống của chủ nghĩa xã hội trong một thế giới tiếp tục có nhiều biến động.

4. Thành tựu của công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc

Lĩnh vực	Thành tựu
Chính trị	Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra và xây dựng được hệ thống lí luận về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.
Kinh tế	- Duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao liên tục trong nhiều năm. - Tổng sản lượng kinh tế lần lượt vượt qua Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản. Từ năm 2010, nền kinh tế Trung Quốc vượt qua Nhật Bản và duy trì vị trí thứ hai thế giới (đứng sau Mỹ). - Đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao. - Dự trữ ngoại tệ đứng hàng đầu thế giới.
Khoa học - kĩ thuật	- Năm 1992, Trung Quốc thực hiện chương trình thám hiểm không gian.

	- Năm 2003, Trung Quốc trở thành quốc gia thứ ba trên thế giới (sau Liên Xô, Mỹ) có tàu đưa con người bay vào vũ trụ. Hệ thống tàu cao tốc thể hiện sự phát triển nhanh chóng của khoa học kĩ thuật.
Đối ngoại	- Chính sách đối ngoại thay đổi theo xu thế đa dạng hoá, đa phương hoá. - Vai trò và vị thế quốc tế ngày càng được nâng cao. - Thu hồi chủ quyền đối với Hồng Kông (năm 1997) và Ma Cao (1999).
Một số lĩnh vực khác	- Nền giáo dục quốc dân phát triển mạnh trên quy mô lớn và có nhiều tiến bộ, xuất hiện nhiều trường đại học chất lượng cao. - Trở thành cường quốc xuất khẩu vũ khí và trang thiết bị quân sự.

** Ý nghĩa:*

Đối với Trung Quốc

- Khẳng định đường lối cải cách, mở cửa là đúng đắn.
- Vị thế Trung Quốc nâng cao trên trường quốc tế.

Đối với thế giới

- Chứng tỏ sức sống của chủ nghĩa xã hội. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các nước xã hội chủ nghĩa khác.

==========

CHỦ ĐỀ 4- CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

a. Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

* Vị trí địa chiến lược của Việt Nam

- Việt Nam nằm ở Đông Nam Á - khu vực được coi là ngã tư giữa lục địa Á - Âu và châu Đại Dương, giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
- Việt Nam liên kế Trung Quốc, án ngữ Biển Đông, nằm ở cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo.

*Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam

- Vai trò: quyết định sự tồn vong của quốc gia, dân tộc trước các cuộc chiến tranh xâm lược, tác động lớn đến quá trình hình thành quốc gia, dân tộc, ảnh hưởng đến tính chất xã hội và công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế, văn hoà
- Ý nghĩa: góp phần hình thành và phát triển truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam; khơi dậy và củng cố tình thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc.

b. Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu

- Kháng chiến chống quân Nam Hán: 938.
- Kháng chiến chống quân Tống: 981
- Kháng chiến chống quân Tống: 1075-1077
- Ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên
- Kháng chiến chống quân Xiêm.
- Kháng chiến chống quân Thanh.

* Nguyên nhân thắng lợi

- Tinh thần yêu nước của người Việt, tính chất chính nghĩa, nhằm mục đích bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền lãnh thổ, tinh thần đoàn kết dân tộc; đường lối chiến lược, chiến thuật đùng đắn, hiệu quả; sự chỉ huy tài tình của các nhà lãnh đạo và các tướng lĩnh.

* Một số cuộc kháng chiến không thành công:

Kháng chiến chống quân Triệu, tại thành Cổ Loa: 179 TCN

Kháng chiến chống quân Minh, trận thành Đa Bang, thành Đông Đô, thành Tây Đô,...: 1406-1407

Kháng chiến chống thực dân Pháp, trận Đà Nẵng, thành Gia Định, thành Hà Nội, Cầu Giấy....: 1858-1884
* Nguyên nhân không thành công
- Trong cuộc kháng chiến chống quân Triệu, triều đình Âu Lạc đã mất cảnh giác, không có sự phòng bị.
- Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh, nhà Hồ không có đường lối kháng chiến đùng đằn, chủ yếu dựa vào thành luỹ, năng về phòng ngự bị động và rút lui cố thủ.
- Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhà Nguyễn thiếu quyết đoán, thiên về chủ hoà, không đoàn kết, hợp lực với nhân dân; trang bị và kĩ thuật tác chiến của quân đội cũng yếu kém và lạc hậu.

2. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX)

a. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX)
- Khởi nghĩa Hai Bà Trưng: Năm 40, khởi nghĩa bùng nổ. Trưng Trắc sau đó xưng vương, đóng đô ở Mê Linh. Năm 42, nhà Hán đưa quân đàn áp. Hai Bà Trưng lui quân về Hát Môn rồi hi sinh.
- Khởi nghĩa Bà Triệu: Năm 248, Triệu Quốc Đạt cùng em là Triệu Thị Trinh (Bà Triệu) nổi dậy khởi nghĩa ở Cửu Chân (Thanh Hoá). Sau khi Triệu Quốc Đạt qua đời, Bà Triệu được tôn làm chủ tướng, cuộc khởi nghĩa lan rộng rồi bị dập tắt.
- Khởi nghĩa Lý Bí: Năm 542, Lý Bí lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa, sau đó lên ngôi vua (Lý Nam Đế), lập nước Vạn Xuân. Năm 545, quân nhà Lương xâm lược. Năm 550. Tiêu Quang Phục thay Lý Bí làm vua. Đầu thế kỉ VII, quân nhà Tuỷ xâm lược, nhà nước Vạn Xuân chấm dứt
- Khởi nghĩa Phùng Hưng: Khoảng những năm 766 780, Phùng Hưng cùng em trai tập hợp dân chúng khởi nghĩa. Sau khi Phùng Hưng mất, con trai là Phùng An lên nối nghiệp. Chính quyền đô hộ nhà Đường sau đó đưa quân đàn áp. buộc Phùng An phải ra hàng.
* Ý nghĩa của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc

Khởi nghĩa Hai Bà Trưng
- Là cuộc đấu tranh vũ trang lớn đầu tiên. mở đầu quá trình đấu tranh giành lại độc lập, tự chủ lâu dài của người Việt trong thời kì Bắc thuộc.
- Thể hiện sức mạnh và ý chí quật cường của phụ nữ Việt Nam.

Khởi nghĩa Lý Bí
- Khẳng định ý chí và sức mạnh của người Việt trong cuộc đấu tranh chống lại ách đô hộ của chính quyền phương Bắc.
- Cho thấy khả năng thắng lợi trong công cuộc khởi nghĩa giành lại độc lập, tự chủ.

Khởi nghĩa Bà Triệu
- Thể hiện tinh thần kiên cường, bất khuất của người Việt trước sự đô hộ của chính quyền phương Bắc.
-Tiếp tục khẳng định sức mạnh và ý chỉ của phụ nữ Việt Nam.

Khởi nghĩa Phùng Hưng
- Thể hiện ý chí và quyết tâm giành lại độc lập, tự chủ của người Việt.
- Cổ vũ tinh thần và góp phần tạo cơ sở cho sự thắng lợi hoàn toàn trong công cuộc đấu tranh giành lại độc lập, tự chủ đầu thế kỉ X.

b. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427)

* Bối cảnh lịch sử

Sau khi nhà Hồ thất bại trong cuộc kháng chiến chống quân Minh năm 1407, nhiều cuộc đầu tranh tiếp tục nổ ra trên cả nước.

Năm 1414, nhà Mình biến Đại Việt thành quân Giao Chỉ, thì hành chính sách cai trị hà khắc cùng chế độ thuế khoà nặng nề.

* Diễn biến chính
- 1418-1423: Lê Lợi tập hợp nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa tại căn cử Lam Sơn. Quân Minh liên tục tấn công. Lực lượng khởi nghĩa gặp nhiều khó khăn, tổn thất. Nghĩa quân sau đó tạm hoà với quân Minh.

- 1424-1426: Nghĩa quân chuyển hướng hoạt động vào phía nam, giải phòng Nghệ An, Thanh Hoá, Thuận Hoá rồi tấn công ra Bắc.
- 1426-1427: Nghĩa quân giành thắng lợi trong trận Tốt Động - Chúc Động, bao vây Đông Quan, đánh tan viện bình nhà Minh trong trận Chi Lăng - Xương Giang. Quân Minh chấp nhận nghị hoà, rút về nước

* Ý nghĩa:
- Chấm dứt 20 năm đô hộ của nhà Mình, khôi phục hoàn toàn nên độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt
- Mở ra thời kì phát triển mới cũng nên độc lập, tự chủ lâu dài của Đại Việt.

c. Phong trào Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII)

* Bối cảnh lịch sử

Đàng Ngoài chính quyền Lê Thịnh suy thea tinh trong mát mùa, đói kém diễn ra thường xuy - Đào lược khởi nghĩa nông dân liên tục bùng nổ

Ở Đàng Trong: tầng lớp quý tộc, quan lại số hướng lạc, xa xỉ, đời sống nhân dân gặp nhiều kh khăn, mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc.

* Diễn biến chính
- Năm 1771-1777: Khởi nghĩa bùng nổ. Chính quyền chùa Nguyễn chạy vào Gia Định. Nguyễn Nhạc xưng vương. Quân Tây Sơn đánh tan phần lớn lực lượng của chúa Nguyên.
- Năm 1777-1785: Nghĩa quân kiểm soát phần lớn Đàng Trong. Nguyễn Ánh cầu viện vua Xiêm. Quân Xiêm bị quân Tây Sơn đánh bại trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút.
- Năm 1786-1789: Nguyễn Huệ đưa quân ra Thăng Long chính quyền chúa Trịnh sụp đổ. Vua là sau đó cầu cứu nhà Thành, quân Thanh bị quân Tây Sơn đánh tan trong trận Ngọc Hồi - Đống Đa.
- Năm 1789-1802: Ở vùng đất phía nam, Nguyễn Ánh từng bước chiếm lại Gia Định. Sau khi Quang Trung qua đời, Quang Toản lên thay, nội bộ triều đình mâu thuẫn. Năm 1802, Nguyễn Ánh đánh bại triều đình Quang Toản.

* Ý nghĩa
- Lần lượt đành đổ các chính quyền chùa Nguyễn chúa Trịnh, vua Lê, đồng thời xóa bỏ ranh giới cha cắt đất nước, đặt cơ sở cho sự nghiệp thống nhất quốc gia
- Thắng lợi của phong trào Tây Sơn trong việc chống quân xâm lược Xiêm và Thành đã đập tan ý đồ can thiệp, xâm lược Đại Việt của các thế lực ngoại bang, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

* Về vận động, tập hợp lực lượng: xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, nghệ thuật quân sự.

B. CÂU HỎI ÔN LUYỆN

II. LÀM BÀI TẬP

Đề số 1

Phần 1: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Nội dung nào sau đây gắn liền với sự ra đời của Chính quyền Xô viết?

A. Đảng Cộng sản Liên Xô lãnh đạo nhân dân lật đổ chế độ Nga hoàng và Chính phủ đại tư bản.

B. Đảng Cộng sản Nga tiến hành cách mạng lật đổ Chính phủ Hoàng gia và chế độ Hoàng tộc.

C. Đảng Bôn-sê-vích lãnh đạo nhân dân Nga lần lượt lật đổ chế độ Sa hoàng và Chính phủ Hoàng gia.

D. Đảng Bôn-sê-vích Nga lãnh đạo nhân dân lần lượt lật đổ chế độ Nga Hoàng và chính phủ lâm thời.

Câu 2: Nội dung nào sau đây phản ánh bối cảnh thành lập của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?

A. Nước Nga Xô viết và các nước cộng hòa Xô viết phát triển đồng đều về kinh tế, văn hóa, chính trị.

B. Nước Nga Xô viết và các nước cộng hòa Xô viết đồng minh phát triển không đồng đều.

C. Nước Nga và các nước đồng minh cùng chung ngôn ngữ và chính quyền Trung ương.

D. Nước Nga và các nước đồng minh không tồn tại đường biên giới chung giữa các quốc gia.

Câu 3: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Phùng Hưng, Lê Lợi, Nguyễn Chích, Nguyễn Nhạc và những nhân vật gắn liền với

A. Các cuộc đấu tranh giành độc lập tự chủ cho dân tộc sau khi mất nước một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc lịch sử Việt Nam.
B. Các cuộc khởi nghĩa của giai cấp nông dân chống lại chế độ quân chủ.
C. Kháng chiến chống chế độ quân chủ bảo vệ độc lập trong lịch sử Việt Nam.
D. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam.
Câu 4: Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thế kỷ XV?
A. Chấm dứt 20 năm đô hộ của nhà Minh
B.Đưa đến sự thành lập của vương triều Tiền Lê.
C. Khôi phục nền độc lập tự chủ của Quốc gia Đại Việt.
D. Mở ra thời kỳ độc lập tự chủ lâu dài của Đại Việt.
Câu 5: Hội nghị I-an-ta tháng 2 /1945 diễn ra giữa đại diện chính phủ của ba quốc gia nào sau đây?
A. Mỹ, Liên Xô,Trung Quốc.
B. Mỹ, Liên Xô, Pháp.
C. Nga, Mỹ, Trung Quốc.
D. Liên Xô, Mỹ, Anh.
Câu 6: Sự kiện nào sau đây năm 1991 đã chính thức chấm dứt sự tồn tại của trật tự thế giới hai cực I-an-ta?
A. Sự tan rã của Đông Âu.
B. Sự tan rã của Liên Xô.
C. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.
D. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Tây Âu.
Câu 7: Trong quá trình hình thành và tồn tại của trật tự thế giới hai I-an-ta, giai đoạn căng thẳng nhất là
A. Từ năm 1971 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX.
B. Từ năm 1972 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX.
C. Từ năm 1944 đến đầu những năm 60 của thế kỉ XX.
D. Từ năm 1947 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX.
Câu 8: Quốc gia nào sau đây gia nhập ASEAN năm 1984?
A. Cam-pu-chia.
B. Bru-nây.
C. Mi-an-ma.
D. Phi-lip-pin.
Câu 9: Sự ra đời của ASEAN còn hướng tới mục đích nào sau đây?
A. thúc đẩy việc nghiên cứu Đông Nam Á .
B. hợp tác nghiên cứu về khu vực Châu Á .
C. phát triển hợp tác về nghiên cứu Đông Á.
D. thúc đẩy việc thám hiểm Đông Nam Á.
Câu 10: Hoạt động của ASEAN và Cộng đồng ASEAN về cơ bản đều dựa trên văn bản nào sau đây?
A. Tuyên ngôn hòa bình ASEAN.
B. Hiệp ước phòng thủ Ba-li.
C. Hiến chương ASEAN.
D. Hiệp định ASEAN.
Câu 11: Một trong bốn tỉnh giành được chính quyền ở tỉnh lị sớm nhất trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là
A. Hà Nội.
B. Hải Dương.
C. Sài Gòn.
D. Hà Tiên.
Câu 12: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã đưa Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành

A. Đảng của giai cấp công nhân
B. Chính Đảng duy nhất.
C. Chính Đảng vô sản.
D. Đảng cầm quyền.
Câu 13: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về quá trình phát triển cơ bản của Cách mạng tháng Tám năm 1945 Â
A. Khởi nghĩa đồng loạt ở đô thị rồi tiến về nông thôn
B. Từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa
C. Khởi nghĩa đồng loạt ở nông thôn rồi bao vây đô thị
D. Từ khởi nghĩa vũ trang tiến đến chiếm giữ các đô thị.
Câu 14: Lực lượng chính trị hùng hậu đóng vai trò nòng cốt có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là
A. Việt Nam Giải phóng quân
B. Việt Nam Tuyên truyền quân
C. Mặt trận Liên Việt
D. Mặt trận Việt Minh
Câu 15: Nội dung nào sau đây không phải là nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1986 -1995?
A. Xóa bỏ cơ chế thị trường bao cấp
B. Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam
C. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa
D. Mở rộng quan hệ với tất cả các nước.
Câu 16: Nội dung nào sau đây **không** phải là nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1986-1995?
A. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế
B. Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần
C. Phát triển kinh tế tư nhân đóng vai trò chủ lực
D. Điều chỉnh cơ cấu đầu tư.
Câu 17: Nội dung nào sau đây được thể hiện xuyên suốt trong đường lối đổi mới của Đảng cộng sản Việt Nam?
A. Xây dựng xã hội pháp trị
B. Xây dựng nhà nước pháp quyền
C. Phát triển kinh tế tri thức
D. Hình thành nền kinh tế kỹ thuật số
Câu 18: Trong quá trình hoạt động ở Nhật Bản, Phan Bội Châu đã tham gia thành lập hai tổ chức nào sau đây?
A. Việt Nam quang phục hội, Trung Quốc Chấn hưng hội
B. Đông Á đồng minh hội, Điền – Quế - Việt Liên minh
C. Đông Á đồng minh hội, Việt Nam quang phục hội
D. Điền - Quế - Việt Liên minh, Việt Nam Quang phục Hội
Câu 19: Một trong những hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1918- 1920 là
A. tham gia sáng lập đảng Cộng sản Liên Xô và đảng Cộng sản Pháp
B. gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam đến hội nghị Vécxai (Pháp)
C. gửi bảng Điều trần gửi Hội nhân quyền ở Paris (Pháp)
D. tham gia sáng lập Việt Nam Quang phục Hội
Câu 20: Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1975 về cơ bản tập trung phục vụ những sự nghiệp nào sau đây?
A. Giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước.
B. Giải phóng giai cấp, bảo vệ độc lập và thống nhất miền Nam
C. Bảo vệ giai cấp, bảo vệ dân tộc và thống nhất quốc gia
D. Bảo vệ giai cấp, bảo vệ nước nhà và thống nhất đất nước

Câu 21: Hồ Chí Minh xuất thân trong một gia đình
A. công nhân trí thức
B. nông dân cách mạng
C. trí thức tư sản
D. nhà nho yêu nước
Câu 22: Trong thời gian ở Pháp, Nguyễn Tất Thành trở thành một trong những người lãnh đạo chủ chốt của tổ chức nào sau đây?
A. Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp
B. Hội những người Đông Dương yêu nước tại Pháp
C. Hội Liên hiệp các dân tộc chính quốc và thuộc địa
D. Hội Đồng minh các quốc gia bị áp bức ở Đông Nam Á
Câu 23: Những hoạt động tích cực của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) đã đưa đến kết quả nào sau đây?
A. Việt Nam nhận được sự ủng hộ giúp đỡ to lớn của Trung Quốc, Liên Xô
B. Việt Nam nhận được sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa Tây Âu
C. Việt Nam giành thắng lợi trên bàn đàm phán tại Hội nghị Paris
D. Việt Nam đàm phán độc lập với các nước trong Hội nghị Giơnevơ
Câu 24: Chủ nghĩa Mác- Lênin và yếu tố gì sau đây đóng vai trò nền tảng tư tưởng kim chỉ nam cho hành động của Đảng cộng sản Việt Nam?
A. Tư tưởng Hồ Chí Minh
B. Phong cách Hồ Chí Minh
C. Quan điểm Hồ Chí Minh
D. Đường lối Hồ Chí Minh

Phần II. Trắc nghiệm đúng sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây

"Rất lâu trước khi Liên Xô sụp đổ, rõ ràng là rất ít khu vực nào trên thế giới bị ảnh hưởng bởi những gì đang xảy ra ở châu Âu. Sự kết thúc của Chiến tranh lạnh lập tức đã khơi lại những câu hỏi cũ về bản sắc trên khắp lục địa đó và xa hơn nữa, cũng như đặt ra những câu hỏi mới,... Những câu hỏi nền tảng về bản sắc, dân tộc và tôn giáo một lần nữa có thể được nêu lên, và một số câu hỏi trong số này thật rối trí. Một lần nữa những hoàn cảnh quyết định mới lại xuất hiện trong lịch sử thế giới".

(J. M. Robớt, O.A Goét-sta, Lịch sử thế giới (Phạm Viêm Phương dịch), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2023, tr 293).

A. Đoạn tư liệu phản ánh nhận thức và quan điểm của tác giả về thế giới đơn cực sau Chiến tranh lạnh.
B. Đoạn tư liệu thể hiện quan điểm của tác giả cho thấy nhiều vấn đề liên quan đến bản sắc, dân tộc và tôn giáo ở châu Âu đã bị che lấp bởi Chiến tranh lạnh.
C. Theo quan điểm của tác giả, sự kết thúc của Chiến tranh lạnh có ảnh hưởng lớn đối với lịch sử thế giới.
D. Các cuộc chiến tranh, xung đột ở châu Âu cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI không liên quan đến hệ quả của Chiến tranh lạnh.

Câu 2: Cho đoạn thông tin thống kê sau đây

"Cả nước có tổng cộng 1.146. 250 liệt sĩ, trong đó có 191.605 người hi sinh trong kháng chiến chống Pháp, 849.018 người hi sinh trong kháng chiến chống Mỹ, và 105.627 người hi sinh trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc sau năm 1975 (chiến tranh biên giới phía Bắc, chiến tranh biên giới Tây Nam, cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền biển, đảo,...). Trong số này, hơn 200.000 hài cốt liệt sĩ trên các chiến trường Việt Nam, Lào, Campuchia vẫn chưa được tìm thấy; hơn 300.000 hài cốt liệt sĩ chưa xác định được danh tính, tên tuổi, quê quán, đơn vị. Ngoài ra, cả nước còn có 300.000 người đoạt hoạt động kháng chiến và có con đẻ bị nhiễm chất độc da cam đioxin".

A. Đoạn thông tin cung cấp số liệu liệt sỹ hi sinh vì độc lập dân tộc vì sự nghiệp thống nhất đất nước từ cuối thế kỷ XIX.

B. Đoạn thông tin cho thấy sự khốc liệt của chiến tranh và sự hi sinh, mất mát to lớn về người của nhân dân Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước.
C. Đoạn thông tin liên quan đến công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, hỗ trợ, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam ở Việt Nam.
D. Nền hòa bình, độc lập dân tộc và thống nhất đất nước hôm nay gắn liền với sự cống hiến và hi sinh to lớn của hàng triệu người.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây

"Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nhằm tạo ra động lực thúc đẩy các đơn vị kinh tế và quần chúng lao động hăng hái phát triển sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế. Kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thiết lập và hình thành đồng bộ cơ chế kế hoạch theo phương thức hạch toán toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI, ngày 18/12/1986, trích trong: Văn viện Đảng Toàn tập, Tập 47, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 902).

A. Đoạn tư liệu thể hiện quan điểm đổi mới về kinh tế của Đảng cộng sản Việt Nam từ năm 1996.
B. Việc cải cách cơ chế quản lý kinh tế nói trên xuất phát từ tình trạng kém hiệu quả của cơ chế thị trường.
C. Việc cải cách cơ chế quản lý kinh tế nói trên đã giải phóng sức sản xuất tạo ra động lực to lớn đối với các tổ chức và cá nhân trong sản xuất kinh doanh.
D. Từ nội dung tư liệu và thực tiễn cho thấy nhiều thành tựu về kinh tế Việt Nam hiện nay gắn liền với chính sách cải cách cơ chế quản lý kinh tế.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây

"Hồ Chủ tịch là tượng trưng cao đẹp của chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp nhuần nhuyễn với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Trái tim, khối óc của Người dành cho dân tộc Việt Nam ta cũng hướng về giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Là người học trò trung thành của Các Mác và Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh chẳng những là một nhà yêu nước vĩ đại mà còn là một chiến sĩ xuất sắc trong phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc của thế kỷ XX. Hồ Chủ tịch thường dạy chúng ta phải chăm lo bảo vệ sự đoàn kết quốc tế vì sự nghiệp to lớn của cách mạng Việt Nam vì nghĩa vụ cao cả đối với cách mạng thế giới"

(Điếu văn của Ban chấp hành trung ương Đảng Lao động Việt Nam trong Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 9/9/1969 tại Hà Nội, trích trong Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 5, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 627)

A. Điếu văn ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lễ truy điệu được tổ chức tại Hà Nội sau khi chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần năm 1969.
B. Nội dung đoạn điếu văn cho thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh có công cống hiến to lớn đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.
C. Chủ tịch Hồ Chí Minh có vị trí vai trò đặc biệt đối với tiến trình lịch sử Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX.
D. Phong trào cộng sản quốc tế hiện nay trên thế giới đang tiếp tục phát triển mạnh mẽ và có sự đoàn kết chặt chẽ.

Đề số 2

Phần 1: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Bản tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết đã được thông qua tại sự kiện nào sau đây?
A. Đại hội lần thứ ba các Xô Viết toàn Liên bang.
B. Đại hội lần thứ nhất các Xô Viết toàn liên bang.
C. Đại hội Xô Viết toàn Nga lần II .
D. Đại hội Xô Viết toàn Nga lần III.

Câu 2: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô
A. Các nhà lãnh đạo của Đảng Nhà nước đã mắc nhiều sai lầm

B. Những hạn chế của văn hóa truyền thống không được sửa chữa
C. Chưa khai thác tốt thành tựu của cách mạng khoa học kỹ thuật
D. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ngày càng tụt hậu so với các nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.
Câu 3: Sông Bạch Đằng là nơi diễn ra trận đánh quyết định trong cuộc kháng chiến
A. Chống quân Xiêm năm 1785.
B. Chống quân Thanh năm 1789.
C. Chống quân Minh năm 1407.
D. Chống quân Nam Hán năm 938.
Câu 4: Năm 544, Lý Bí tự xưng là Lý Nam Đế lập ra nhà nước
A. Vạn An
B. Đại Việt
C. Đại Nam
D. Vạn Xuân
Câu 5: Quá trình hình thành Liên Hợp Quốc gắn liền với vai trò quan trọng của Chính phủ các quốc gia nào sau đây?
A. Liên Xô, Mỹ,Pháp.
B. Liên Xô, Mỹ, Đức.
C. Liên Xô, Mỹ, Anh.
D. Liên Xô, Mỹ ,Nga.
Câu 6: Trật tự thế giới hai cực I-an-ta xói mòn và đi đến sụp đổ trong giai đoạn nào sau đây?
A. Từ đầu những năm 60 của thế kỷ XX và đến năm 1992.
B. Từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX đến năm 1989.
C. Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991.
D. Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1990.
Câu 7: Đối với thế giới sự sụp đổ của trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã có tác động
A. không đáng kể và chủ yếu là tiêu cực
B. nhỏ và đưa đến những xu thế tích cực
C. lớn và đưa đến những xu thế tích cực
D. trên vài lĩnh vực nhưng không đáng kể
Câu 8: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập trong bối cảnh nhiều nước Đông Nam Á muốn hạn chế yếu tố nào sau đây?
A. Ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài
B. Sự phát triển của xu thế khu vực hóa
C. Sự chi phối của các quốc gia hai đảo
A. Ảnh hưởng của xu thế toàn cầu hóa
Câu 9: Việt Nam gia nhập ASEAN vào thời gian nào sau đây?
A. Năm 1993
B. Năm 1994
C. Năm 1995
D. Năm 1996
Câu 10: Nội dung nào sau đây được coi là nhận định đúng về ASEAN?
A. Là liên minh chính trị lớn nhất trên thế giới.
B. Là đối tác quan trọng nhất của Mỹ ở châu Á.
C. Là liên minh khu vực thành công nhất thế giới.
D. Là một trong những tổ chức khu vực thành công nhất trên thế giới.
Câu 11: Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám?
A. Năm 1945 kết thúc ách cai trị hơn 80 năm của thực dân Pháp
B. Chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ ở Việt Nam
C. Đưa đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
D. Kết thúc ách cai trị hơn 6 năm của quân phiệt Nhật

Câu 12: Trong 2 ngày 14 và 15- 8-1945, khởi nghĩa giành chính quyền đã thắng lợi ở một số xã huyện thuộc các địa phương nào sau đây?
A. Các tỉnh Nam Bộ, Đà Nẵng, Lâm Đồng, Hà Tiên.
B. Các tỉnh đồng bằng sông Hồng, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh
C. Các tỉnh khu vực Tây Nguyên, Thừa Thiên Huế, Ninh Thuận, Đồng Nai.
D. Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Quảng Nam, Khánh Hòa, Hà Tiên.
Câu **13:** Điểm tương đồng giữa chiến dịch Biên giới Thu đông năm 1950 và chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 là
A. Quân đội Việt Nam chủ động tấn công quân Pháp.
B. Quân đội Pháp chủ động tấn công lực lượng kháng chiến.
C. Quân đội Mỹ trực tiếp tham chiến cùng.
D. Quân đội Pháp đóng vai trò quyết định về hậu cần.
Câu 14: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) có điểm chung gì sau đây?
A. Có vai trò quan trọng trong phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
B. Gây khủng hoảng trong sách trong xã hội Mỹ và tác động mạnh mẽ đối với thế giới.
C. Làm tan rã toàn bộ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân mới.
D. Làm tan rã hệ thống chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên thế giới.
Câu 15: Trước khi thực hiện công cuộc đổi mới 1986 Việt Nam ở trong tình trạng
A. khủng hoảng trầm trọng về kinh tế xã hội.
B. phát triển nhanh nhưng thiếu bền vững .
C. phát triển nhanh nhưng không ổn định.
D. bước đầu khủng hoảng về kinh tế xã hội.
Câu 16: Một trong những nội dung cơ bản của đường lối mới cho Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1986-1995 là
A. Mở rộng quan hệ với tất cả các nước.
B. Học tập mô hình các nước xã hội chủ nghĩa.
C. Đổi mới phải toàn diện và nhanh chóng.
D. Lấy việc phục vụ kinh tế là mục đích cao nhất.
Câu 17: Lĩnh vực nào sau đây trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam đạt được nhiều kết quả to lớn và được cộng đồng quốc tế ghi nhận đánh giá cao?
A. Cứu trợ nhân đạo.
B. Đền ơn đáp nghĩa.
C. Xóa đói giảm nghèo.
D. Bảo vệ môi trường.
Câu 18: Một trong những hoạt động đối ngoại của Phan Châu Trinh đầu thế kỷ XX là
A. Sáng lập hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.
B. Thành lập và phát triển các hoạt động của Việt Nam Quang phục hội.
C. Tham gia sáng lập Đảng Cộng sản và Đảng Xã hội Pháp.
D. Viết báo, diễn thuyết để thức tỉnh dư luận Pháp về tình hình Việt Nam.
Câu 19: Trong quan hệ đối ngoại thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), Việt Nam đều
A. Tăng cường quan hệ đoàn kết giữa ba nước Đông Dương.
B. Củng cố quan hệ ngoại giao với các nước Tây Âu.
C. Củng cố quan hệ ngoại giao với các nước Bắc Âu.
D. Tăng cường quan hệ đoàn kết với ASEAN.
Câu 20: Việt Nam và Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao vào thời gian nào sau đây?
A. Năm 1993
B. Năm 1994
C. Năm 1995
D. Năm 1996

Câu 21: Bối cảnh nào sau đây của đất nước cuối thế kỷ XIX đã ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh?
A. thực dân Pháp đã đạt được ách cai trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam
B. phong trào giải phóng dân tộc theo khuy hướng vô sản diễn ra mạnh mẽ
C. từ một quốc gia độc lập Việt Nam trở thành nước phong kiến
D. nhiệm vụ cứu nước giải phóng dân tộc trở thành thứ yếu
Câu 22: Từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 hoạt động của Hồ Chí Minh gắn liền với sự nghiệp nào sau đây?
A. Tìm đường giải phóng dân tộc và thống nhất miền Nam
B. Tìm đường xây dựng Ccủ nghĩa xã hội và thống nhất đất nước
C. Giải phóng hoàn toàn miền Nam và thống nhất miền Bắc
D. Bảo vệ độc lập dân tộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và thống nhất đất nước
Câu 23: Sáng kiến thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh được Hồ Chí Minh đưa ra tại sự kiện nào sau đây?
A. Hội nghị lần thứ 7 ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương
B. Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương
C. Đại hội Quốc dân được triệu tập tại Tân Trào (Tuyên Quang)
D. Quốc dân đại hội được tổ chức tại Tân Trào (Tuyên Quang).
Câu 24: Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" được tổ chức nhằm
A. tiếp nhận di sản đặc biệt về chính trị, xã hội của Hồ Chí Minh.
B. tiếp nhận di sản đặc biệt về triết học, phong cách của Hồ Chí Minh.
C. phát huy giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh
D. phát huy giá trị to lớn của triết học, đạo đức Hồ Chí Minh

Phần 2: Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu 1: Cho bảng dữ kiện sau đây về thách thức đối với Cộng đồng ASEAN:

Thách thức đối với Cộng đồng ASEAN	Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; thay đổi cấu trúc địa- chính trị khu vực châu Á- Thái Bình Dương và toàn cầu; tình hình phức tạp ở Biển Đông,...
	Sự đa dạng của các nước thành viên về chế độ chính trị, tôn giáo; tình hình chính trị phức tạp ở một số bước; một số mâu thuẫn trong quan hệ song phương,...
	Sự chênh lệnh về thu nhập, khoảng cách về phát triển kinh tế giữ các nước.
	Nguy cơ chia rẽ của ASEAN về các vấn đề khu vực và quốc tế, đặc biệt là khi ASEAN vận hành dựa trên nguyên tắc đồng thuận.
	Thách thức an ninh phi truyền thống, như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh,...

A. Bảng dữ kiện nêu lên những thách thức đối với tổ chức ASEAN trong những thập kỉ sắp tới.
B. Cộng đồng ASEAN vừa phải đối diện với những thách thức an ninh truyền thống, vừa phải đối phó với những thách thức an ninh phi truyền thống
C. Những thách thức nói trên không phải là trở ngại đối với quá trình xây dựng một Cộng đồng ASEAN ổn định và phát triển.
D. Để có thể giải quyết những thách thức nói trên, Cộng đồng ASEAN cần có sự đoàn kết và hợp tác chặt chẽ ở cả hiện tại và tương lai.
Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây

"... Chiều 7-5, ở Điện Biên trời rất đẹp, khi kết thúc trận đánh nắng vàng vẫn còn chiếu sáng trên khắp thung lũng. Lính Pháp, lính Lê Dương và nhất là lính da đen An-giê-ri, Ma-rốc, Xê-nê-gan,... ra hàng với thái độ rất vui mừng vì sống sót. Họ vừa gieo to, vừa vẫy mạnh những mảnh vải trắng trên tay. Khoảng mấy trăm lính Pháp, lính thuộc địa hàng tháng nay đào ngũ bằng cách trốn trại,... nay thấy chiến tranh đã kết thúc, cũng chạy ùa ra, reo mừng hô lớn "Phi-ni la ghe !" (Chiến tranh hết rồi)

(*Lê Kim, trận Điện Biên Phủ nhìn từ hai phía, NXB Thanh niên, Hà Nội 1994, tr. 128)*
A. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về trận Điện Biên Phủ giữa quân đội Việt Nam và quân đội Pháp năm 1953.

B. Đoạn tư liệu cung cấp một góc nhìn sinh động và khác với hình dung của nhiều người khi trận Điện Biên Phủ kết thúc.
C. Sự kết thúc của trận Điện Biên Phủ mang lại niềm vui lớn cho tất cả những bên và những người liên quan.
D. Đoạn tư liệu cho thấy Hòa Bình luôn là mong muốn và khát vọng của con người ở bất kỳ đâu bất kể màu da sắc tộc.
Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:
"Đặt bút ký vào bản Hiệp định Paris lịch sử, tôi vô cùng xúc động,... Tôi như thay mặt nhân dân và các chiến sĩ cách mạng miền Nam Việt Nam làm nhiệm vụ đấu tranh trên tiền tuyến và trong lao tù cắm ngọn cờ chiến thắng chói lọi. Vinh dự đó đối với tôi thật quá to lớn. Tôi không có đủ lời để nói lên được lòng biết ơn vô tận đối với đồng bào và chiến sĩ ta từ Nam chí Bắc đã chấp nhận mọi hi sinh dũng cảm chiến đấu để có được thắng lợi to lớn hôm nay."
Nguyễn Thị Bình, Gia đình, bạn bè và đất nước (Hồi ký), NXB Tri thức, Hà Nội,2012,tr. 131)
A. Đoạn tư liệu trên là của nhân chứng không trực tiếp tham gia sự kiện.
B. Đoạn tư liệu thể hiện niềm xúc động tự hào và biết ơn của tác giả.
C. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin liên quan đến việc ký kết Hiệp định Paris năm 1973 là thắng lợi to lớn của Việt Nam trong cuộc đấu tranh ngoại giao.
D. Hiệp định Paris để lại bài học: đấu tranh ngoại giao quan có vai trò quan trọng hơn đấu tranh quân sự.
Câu 4:Đọc đoạn tư liệu sau đây:
"Trong nửa sau thế kỷ XX, có một từ đã xuất hiện trong tiếng nói của những người bảo vệ và kiến tạo hòa bình trên thế giới, một từ mà cùng một lúc mang rất nhiều ý nghĩa: đấu tranh, dũng cảm, anh hùng và nó còn có ý nghĩa là chiến thắng, độc lập, tự do,
Từ đó là **Việt Nam**
Và có một cái tên đã luôn gắn bó với từ này- từ chỉ tên của một đất nước
Đó là **Hồ Chí Minh ."**
(Ro-mét Chan-đờ-ra, Việt Nam và cuộc đấu tranh vì hòa bình, tự do và độc lập, trích trong: *Việt Nam trong thế kỷ XX,* tập 1, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 48*)*
A. Đoạn tư liệu thể hiện sự đánh giá cao của tác giả đối với Việt Nam và đối với Hồ Chí Minh.
B. Đoạn tư liệu cho thấy tên tuổi của Hồ Chí Minh gắn liền với sự nghiệp của dân tộc Việt Nam và những phẩm chất của con người Việt Nam.
C. Đoạn tư liệu cho thấy sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam và các nước Đông Nam Á là yếu tố quyết định tạo nên tên tuổi của Hồ Chí Minh.
D. Đoạn tư liệu cho thấy ngày nay quá trình bảo vệ và kiến tạo hòa bình trên thế giới vẫn chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi quan điểm của Hồ Chí Minh.

Đề số 3

Phần 1: Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn
Câu 1: Chính phủ Xô Viết ra đời ở Nga năm 1917 là kết quả của sự kiện nào sau đây
A. Cách mạng tháng Ba thành công ở Nga.
B. Chính phủ giai cấp tư sản thành lập.
C. Cách mạng tháng 10 Nga.
D. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.
Câu 2: Sau chiến tranh thế giới thứ hai sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội gắn liền với những quốc gia nào sau đây
A. Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, Việt Nam, Lào, Cu-ba.
B. Trung Quốc, Triều Tiên, Việt Nam, Lào, Indonesia.
C. Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Cộng hòa Liên bang Đức.
D. Ấn Độ, Triều Tiên, Việt Nam, Lào, Campuchia.
Câu 3: Phong trào Tây Sơn cuối thế kỷ XVIII đã đánh bại
A. Quân Xiêm và quân Minh.

B. Quân Xiêm và quân Thanh.
C. Quân Xiêm và quân Nguyên.
D. Quân Xiêm và quân Tống.
Câu 4: Một trong những cuộc kháng chiến không thành công trong lịch sử kháng chiến chống quân ngoại xâm của nước Việt Nam là
A. Kháng chiến chống thực dân Pháp nửa sau thế kỉ XIX.
B. Kháng chiến chống quân Thanh nửa sau thế kỉ XVIII.
C. Kháng chiến chống quân Xiêm nửa sao thế kỷ XVIII.
D. Kháng chiến chống thực dân Pháp nửa sau thế kỷ XX.
Câu 5: Hiện nay Mỹ, Trung Quốc, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Liên bang Nga, Ấn Độ vẫn đóng vai trò là
A. một số cực trong trật tự thế giới nhất siêu - đơn cực
B. các quốc gia thịnh vượng nhất trên thế giới
C. các quốc gia phát triển nhất trên thế giới
D. một số trung tâm quyền lực của thế giới
Câu 6: Nội dung nào sau đây không phải là nhiệm vụ cấp bách đặt ra trước các nước Đồng Minh đầu năm 1945
A. Nhanh chóng kết thúc chiến tranh
B. Tiến hành cách mạng khoa học - kỹ thuật
C. Tổ chức lại trật tự thế giới sau chiến tranh
D. Phân chia thành quả giữa các nước thắng trận
Câu 7: Nội dung thỏa thuận nào sau đây của các cường quốc tại hội nghị Ianta (2-1945) ảnh hưởng trực tiếp tới công cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc Việt Nam?
A. Đông Á thuộc phạm vi kiểm soát truyền thống như trước đây của các nước Đông Tây.
B**.** Đông Nam Á thuộc phạm vi ảnh hưởng truyền thống của các nước phương Tây Đông.
C. Nam Á thuộc phạm vi ảnh hưởng truyền thống của các nước phương Đông.
D. Nam Á thuộc phạm vi kiểm soát truyền thống như trước đây của các nước Tây Âu.
Câu 8: ASEAN là từ viết tắt của tổ chức nào sau đây
A. Tổ chức Đông Nam Á
B. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
C. Liên minh các quốc gia Đông Nam Á
D. Liên minh các nước Đông Nam Á.
Câu 9: Từ năm 1976, với Hiệp ước Ba-li, ASEAN có sự thay đổi cơ bản về yếu tố nào sau đây?
A. Hợp tác về đầu tư và giao thương với các nước ngoài khu vực.
B. Hợp tác về quân sự quốc phòng và khoa học kỹ thuật.
C. Cơ chế hợp tác đầu tư và giao thương nội khối.
D. Cơ chế hoạch định chính sách cao nhất.
Câu 10: Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN là
A. Chính trị - An ninh, Kinh tế, Văn hóa- Xã hội.
B. Chính trị , Kinh tế, Văn hóa- Xã hội.
C. An ninh, Chính trị, Văn hóa – Xã hội.
D. Chính trị, Kinh tế, Văn hóa – Xã hội.
Câu 11: Địa phương nào sau đây là một trong bốn tỉnh giành được chính quyền ở tỉnh lị sớm nhất trong Cách mạng tháng Tám năm 1945?
A. Hà Nội.
B. Bắc giang.
C. Thái Nguyên.
D. Hà Tiên.
Câu 12: Một trong những ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là
A. chính thức mở đầu kỉ nguyên cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.
B. đưa Đảng Lao động Việt Nam thành đảng cầm quyền.

C. tiêu diệt chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.
D. mở đầu kỉ nguyên độc lập, tự do cho nhân dân Việt Nam.
Câu 13. Chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ có điểm gì khác so với chiến lược Chiến tranh cục bộ trước đó ở miền Nam Việt Nam?
A. Quân đội Sài Gòn không còn đóng vai trò chủ lực trên chiến trường.
B. Quân đội Mỹ không còn đóng vai trò chủ lực trên chiến trường.
C. Quân đội các nước đồng minh của Mỹ đóng vai trò chủ lực trên chiến trường.
D. Quân đội Mỹ đóng vai trò chủ lực trên chiến trường.
Câu 14. Văn bản nào sau đây đã có tác động trực tiếp và nhanh chóng, mở ra hướng đi mới của phong trào đấu tranh ở miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước?
A. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 25.
B. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 35.
C. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 5.
D. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 15.
Câu 15. Nội dung nào sau đây là thành tựu cơ bản của đổi mới chính trị ở Việt Nam trong công cuộc Đổi mới?
A. Hoàn chỉnh hệ thống lí luận về đường lối đổi mới.
B. Hình thành hệ thống quan điểm lí luận về đường lối đổi mới.
C. Hoàn thiện bộ máy chính quyền định hướng xã hội chủ nghĩa.
D. Hoàn thiện hệ thống đường lối đổi mới.
Câu 16: Một trong những thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam là
A. nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng.
B. chuyển đổi thành công sang nền kinh tế kế hoạch hoá.
C. xoá bỏ thành công tình trạng đói nghèo, lạc hậu.
D. hoàn chỉnh lí luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.
Câu 17. Nội dung nào sau đây là bài học của công cuộc Đổi mới, đồng thời cũng là bài học của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay?
A. Xác định rõ thời cơ và từng bước đi theo thời cơ.
B. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
C. Kết hợp sức mạnh giai cấp với sức mạnh toàn cầu.
D. Xác định rõ thời cơ và biến nguy cơ thành thời cơ.
Câu 18. Nội dung nào sau đây là hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu đầu thế kỉ XX?
A. Tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa.
B. Tổ chức phong trào Đông du.
C. Tham dự nhiều hoạt động của Quốc tế Cộng sản.
D. Gia nhập Đảng Xã hội Pháp.
Câu 19. Việt Nam gia nhập tổ chức nào sau đây vào năm 1978?
A. ASEAN.
B. Liên hợp quốc.
C. Cộng đồng ASEAN.
D. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).
Câu 20. Sự kiện nào sau đây đánh dấu mốc lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại, Việt Nam có quan hệ bình thường với tất cả các nước lớn trên thế giới?
A. Năm 1991, Việt Nam và Trung Quốc bình thưởng hoá quan hệ ngoại giao.
B. Năm 1995, Việt Nam và Mỹ bình thường hoá quan hệ ngoại giao.
C. Năm 1995, Việt Nam gia nhập ASEAN.
D. Năm 2007, Việt Nam gia nhập WTO.
Câu 21. Trong quá trình hoạt động tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã
A. thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
B. làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Người cùng khổ.
C. làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Thanh niên.

D. tham dự Hội nghị Quốc tế Nông dân lần thứ III.

Câu 22. Nội dung nào sau đây thể hiện vai trò của Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930,

A. Thành lập một chính đảng cho nhân dân ba nước Đông Dương.

B. Soạn thảo *Chính cương văn tắt* và *Sách lược vắn tắt.*

C. Bầu Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lâm thời.

D. Soạn thảo *Chính cương chính thức* và *Sách lược chính thức*.

Câu 23. Sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh từ năm 1954 gắn liền với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa ở miền Bắc và

A. đấu tranh giải phóng miền Nam.

B. tiến hành cách mạng dân chủ ở miền Nam.

C. tiến hành cách mạng dân chủ quốc gia ở miền Nam.

D. đấu tranh chống thực dân Pháp và chính quyền thân Pháp.

Câu 24. Vai trò lớn đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam đầu thế kỉ XX là

A. vận động thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương.

B. soạn thảo Đề cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương.

C. thiết lập quan hệ chính thức với nhân dân thuộc địa.

D. tìm ra con đường cứu nước và giải phóng dân tộc.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân quyền và các quyền. Mọi người đều được tạo hóa ban cho lí trí và lương tâm, và cần phải đối xử với nhau bằng tình anh em".

(Trích: Điều 1, Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua và công bố năm 1948)

A. Tuyên ngôn *Quốc tế Nhân quyền* của Liên hợp quốc khẳng định quyền tự do và bình đẳng của tất cả các quốc gia trên thế giới.

B. Tuyên ngôn *Quốc tế Nhân quyền* của Liên hợp quốc thể hiện nỗ lực của tổ chức này đối với lĩnh vực bảo đảm quyền con người.

C. Tuyên ngôn *Quốc tế Nhân quyền* của Liên hợp quốc là nguyên tắc hoạt động quan trọng nhất của tổ chức Liên hợp quốc.

D. Từ khi thành lập đến nay, với Tuyên ngôn *Quốc tế Nhân quyền* và nhiều hoạt động khác, Liên hợp quốc đã có có đóng góp lớn đối với lĩnh vực bảo đảm quyền con người.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Để bảo đảm nguyên tắc cao nhất là "đánh chắc thắng", cần chuyển phương châm tiêu diệt địch từ "đánh nhanh thắng nhanh" sang "đánh chắc tiến chắc". Nay quyết định hoãn cuộc tiến công. Ra lệnh cho bộ đội trên toàn tuyến lui về địa điểm tập kết, và kéo pháo ra. Công tác chính trị bảo đảm triệt để chấp hành mệnh lệnh lui quân như mệnh lệnh chiến đấu. Hậu cần chuyển sang chuẩn bị theo phương châm mới".

(Võ Nguyên Giáp, *Điện Biên Phủ – Điểm hẹn lịch sử,* NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001, tr. 107-108)

A. Nội dung đoạn tư liệu đề cập đến giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

B. Việc hoãn cuộc tiến công và kéo pháo ra xuất phát từ nhiều lí do, trong đó chủ yếu là sự chậm trễ về mặt hậu cần.

C. Việc chuyển phương án từ "đánh nhanh, thắng nhanh" sang "đánh chắc, tiến chắc" đã góp phần đưa đến thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.

D. Nội dung đoạn tư liệu cũng như những diễn biến sau đó của chiến dịch Điện Biên Phủ cho thấy bài học về sự chủ động, linh hoạt.

Câu 3. Cho bảng dữ kiện sau đây về số cán bộ y tế và giường bệnh ở Việt Nam giai đoạn 1996-2000 (chưa tính các cơ sở y tế tư nhân):

Năm	1996	1997	1998	1999	2000
Cán bộ ngành y (nghìn người), trong đó:					
Bác sĩ	31,9	32,9	34,2	37,1	39,2
Y sĩ	46,6	47,9	49,3	51,2	50,8
Y tá	45,8	46,2	46,5	45,5	46,2
Nữ hộ sinh	12,6	12,8	13.1	13,6	14,2
Bác sĩ tỉnh bình quân cho 1 vạn dân	4,4	4,4	4,5	4,8	5,0
Giường bệnh (nghìn giường)	196,5	197,9	199,1	195,9	192,0

A. Bảng dữ kiện thể hiện những thành tựu của lĩnh vực y tế ở Việt Nam trong những năm đầu tiên của công cuộc Đổi mới.
B. Bảng dữ kiện cho thấy trong giai đoạn 1996 – 2000, số lượng cán bộ ngành y nhìn chung tăng trưởng đều đặn.
C. Bảng dữ kiện cho thấy trong công cuộc Đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ về lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khoẻ người dân.
D. Những thành tựu về y tế trong giai đoạn này đã tạo cơ sở để Việt Nam hiện nay có nền y tế phát triển hàng đầu thế giới.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới".

(Hồ Chí Minh, Di chúc (1969), trích trong: *Hồ Chí Minh, Toàn tập,* Tập 15, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.624)

A. Đoạn tư liệu phản ánh mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau khi Việt Nam thống nhất đất nước.
B. Đoạn tư liệu phản ánh những mong muốn tốt đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với đất nước.
C. Di chúc là văn bản quan trọng trong di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho mai sau.
D. Di chúc cho thấy bài học toàn dân cần thường xuyên tham gia và thúc đẩy cách mạng thế giới

---

ĐỀ SỐ 4

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Sự thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết gắn liền với yêu cầu
A. chống lại sự tấn công của 14 nước thực dân.
B. hoàn thành chính sách Kinh tế mới.
C. hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển.
D. thực hiện "Sắc lệnh hoà bình" và "Sắc lệnh ruộng đất".

Câu 2. Sự kiện nào sau đây năm 1924 được cho là đã hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?
A. Các quốc gia thành viên kí hiệp định liên minh về quân sự.
B. Các nước thông qua tuyên ngôn của chính quyền Xô viết.
C. Bản hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua.
D. Bộ luật nhà nước của Liên Xô được công bố.

Câu 3. Trong cuộc kháng chiến chống quân Tống (1075 – 1077), quân dân Đại Việt chặn đánh quân Tống ở địa điểm chính nào sau đây?
A. Phòng tuyến bên bờ sông Như Nguyệt.
B. Bãi cọc bên bờ và dưới lòng sông Bạch Đằng
C. Phòng tuyến địa lôi bên bờ sông Thiên Đức.
D. Bãi cọc và phòng tuyến Đa Bang.

Câu 4. Trong ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên (1258 – 1288), vua tôi nhà Trần đều
A. phá huỷ kinh đô Thăng Long.
B. rời bỏ kinh thành Thăng Long.
C. rời bỏ kinh đô và rút khỏi các đô thị trên cả nước.
D. phá huỷ các đô thị ở khu vực quan trọng về chiến lược.
Câu 5. Nội dung nào sau đây là biểu hiện của xu thế đa cực?
A. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính khu vực đóng vai trò chủ chốt và quyết định.
B. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực đóng vai trò ngày càng lớn.
Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính khu vực đóng vai trò ngày càng mờ nhạt
D. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính toàn cầu chi phối toàn bộ trật tự thế giới,
Câu 6. Trong số các trung tâm quyền lực của thế giới hiện nay, Mỹ vẫn là
A. cường quốc số 1, có sức mạnh vượt trội.
B. cường quốc duy nhất trên thế giới có vũ khí hạt nhân.
C. siêu cường duy nhất, thống trị các quốc gia trên thế giới.
D. siêu cường toàn cầu, quyết định mọi vấn đề của Liên hợp quốc.
Câu 7. Tình trạng nhiều quốc gia, khu vực tạo ra thế cân bằng về kinh tế, chính trị, quân sự toàn cầu là biểu hiện của
A. trật tự đa cực.
B. trật tự đơn cực.
C. trật tự nhất siêu – nhiều cường.
D. trật tự nhất siêu – một trung tâm.
Câu 8. Nội dung nào sau đây **không** phải là mục đích thành lập ASEAN?
A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong khu vực.
B. Thúc đẩy hoà bình, ổn định khu vực.
C. Thúc đẩy việc xây dựng một liên minh quân sự của khu vực.
D. Thúc đẩy tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực.
Câu 9. Quốc gia gia nhập ASEAN năm 1999 là
A. Cam-pu-chia.
B. Lào.
C. Mi-an-ma.
D. Phi-lip-pin.
Câu 10. Từ khi thành lập đến nay, ASEAN cũng như Cộng đồng ASEAN đều hướng đến xây dựng
A. cộng đồng các quốc gia chia sẻ bản sắc văn hoá.
B. cộng đồng các quốc gia trung lập và liên minh.
C. một Đông Nam Á tự do và liên minh chặt chẽ.
D. một Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng.
Câu 11. Sau Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950, lực lượng kháng chiến đã
A. giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
B. kiểm soát hầu hết chiến trường chính Bắc Bộ.
C. áp đảo về lực lượng và vũ khí trước quân Pháp.
D. Buộc Pháp phải rút khỏi đồng bằng sông Hồng.
Câu 12. Tháng 7-1953, Pháp đề ra kế hoạch Na-va với hi vọng giành một thắng lợi quân sự để
A. tiêu diệt toàn bộ lực lượng kháng chiến.
B. kết thúc chiến tranh trong danh dự.
C. tạo điều kiện để kết thúc đàm phán ngoại giao.
D. đánh chiếm hầu hết khu vực của lực lượng kháng chiến.
Câu 13. Phương châm nào sau đây trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) đã có vai trò quan trọng, góp phần đưa đến thắng lợi cuối cùng
A. Tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
B. Trường kì khởi nghĩa nhất định thành công.
C. Vừa khởi nghĩa toàn quốc, vừa kiến thiết quốc gia

D. Tránh chỗ yếu, đánh chỗ mạnh, đánh chắc, tiến nhanh.
Câu 14. Từ năm 1967, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được tiến hành trên cả ba mặt trận nào sau đây?
A. Quân sự, địch vận, bình vận.
B. Chính trị, văn hoá, ngoại giao.
C. Quân sự, ngoại giao, văn hoá.
D. Chính trị, quân sự, ngoại giao.
Câu 15. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1986-1995?
A. Đổi mới chính trị là trọng tâm và đi trước.
B. Đổi mới xã hội và chính trị là trọng tâm.
C. Đổi mới văn hoá phải gắn với đổi mới xã hội.
D. Đổi mới kinh tế phải gắn với đổi mới chính trị.
Câu 16. Nội dung nào sau đây **không** phải là nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1996-2006?
A. Chú trọng phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
B. Phát triển giáo dục, y tế và giải quyết các vấn đề xã hội.
C. Đa phương hoá, nhất thể hoà các chính sách đối nội.
D. Chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.
Câu 17. Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay đã
A. đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực.
B. thành công và đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển.
C. đưa Việt Nam trở thành nước có thu nhập cao.
D. hoàn thành và đạt được mục tiêu trên mọi lĩnh vực.
Câu 18. Nội dung nào sau đây là hoạt động đối ngoại của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở một số nước châu Á trong giai đoạn 1947 – 1949?
A. Thành lập đại sứ quán và phòng Thông tin.
B. Thành lập đại sứ quán, lãnh sự quán.
C. Thiết lập lãnh sự quán, phòng Thông tin tình báo.
D. Thiết lập cơ quan đại diện ngoại giao, phòng Thông tin.
Câu 19. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) có chuyển biến lớn sau sự kiện nào sau đây?
A. Ký Tạm ước Việt – Hoa với Chính phủ Trung Quốc.
B. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô.
C. Ký Hiệp định Pa-ri với Chính phủ Pháp.
D. Bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Pháp.
Câu 20. Một trong những hoạt động đối ngoại nổi bật của Việt Nam từ năm 1968 đến năm 1973 là
A. đàm phán tại Hội nghị Giơ-ne-vơ.
B. đấu tranh yêu cầu Mỹ thi hành Hiệp định Pa-ri.
C. đấu tranh yêu cầu các bên ngừng bắn.
D. đàm phán, kí kết Hiệp định Pa-ri.
Câu 21. Trong quá trình hoạt động tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập tổ chức nào sau đây?
A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
B. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông
C. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Phương Đông.
D. Hội Liên minh thuộc địa và phụ thuộc.
Câu 22. Nội dung nào sau thể hiện đúng về vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quả trình chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?
A. Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức.
B. Biên tập *Chính cương chiến lược* và *Sách lược chính trị*.

C. Trực tiếp thành lập các tổ chức cộng sản trong năm 1929. D. Soạn thảo Luận cương chính trị, Sách lược chính trị.

Câu 23. Sự kiện Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa đã

A. góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia lãnh đạo phong trào giải phóng thuộc địa.

B. đưa đến sự hỗ trợ của khối Liên hiệp Pháp đối với Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

C. đưa đến sự hỗ trợ của các nước châu Âu đối với Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

D. góp phần xác lập mối liên hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 24. Hồ Chí Minh có cống hiến nổi bật đối với những phong trào nào sau đây trên thế giới?

A. Phong trào vô sản toàn cầu, phong trào thống nhất dân tộc.

B. Phong trào cộng sản khu vực, phong trào giải phóng chính quốc.

C. Phong trào công - nông khu vực, phong trào giải phóng thực dân.

D. Phong trào cộng sản quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng dữ kiện sau đây về thoả thuận của Liên Xô, Mỹ và các nước phương Tây về việc phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

Nước	Nội dung thoả thuận	
	Tại châu Âu	Tại châu Á
Liên Xô	- Quân đội Liên Xô đông quân ở miền Đông nước Đức, Đông Béc-lin và các nước Đông Âu. - Vùng Đông Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô.	- Khôi phục lại những quyền lợi mà nước Nga bị mất sau Chiến tranh Nga - Nhật - Tại Trung Quốc, được thuê càng Là Thuận làm căn cứ hải quân, được trả lại tuyến đường sắt Xi-bê-ri-a - Trường Xuân - Kiểm soát phía bắc vĩ tuyến 38 ở bán đảo Triều Tiên.
Mỹ và các nước phương Tây	- Quân đội Mỹ, Anh, Pháp đông quân ở miền Tây nước Đức, Tây Béc-lin và các nước Tây Âu. - Vùng Tây Âu thuộc phạm vì ảnh hưởng của Mỹ.	-Tại Nhật Bản: sau khi Nhật đầu hàng, quân đội Đông minh (chủ yếu là Mỹ) sẽ đóng quân. - Kiểm soát phía nam vĩ tuyến 38 ở bán đảo Triều Tiên. - Phần còn lại của châu Á thuộc phạm vi ảnh hưởng truyền thông của các nước phương Tây.

A. Bảng dữ kiện thể hiện sự phân chia phạm vi ảnh hưởng của các nước thuộc phe Đồng minh khí Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối.

B. Thoả thuận cho thấy phạm vi ảnh hưởng của Mỹ và Liên Xô ở châu Âu và châu Á chênh lệch rất lớn.

C. Nội dung của những thoả thuận trên sẽ đưa đến sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Những bài học lịch sử từ quan hệ quốc tế đã đưa đến việc hiện nay Việt Nam vẫn tham gia liên minh quân sự.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"... Hà Nội khởi nghĩa sớm hơn một số tỉnh khác, nhất là các thành phố lớn như Huế, Sài Gòn, Đà Nẵng,... là do trong khi đang gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa thì được tin: chiều ngày 17-8-1945, Tổng hội viên chức tổ chức một cuộc mít tinh lớn tại Quảng trường Nhà hát thành phố để ủng hộ Chính phủ bù nhìn thân Nhật, chống lại cuộc khởi nghĩa của Việt Minh, Thành uỷ chủ trương huy động ngay một lực lượng đông đảo quần chúng cứu quốc do các đội tự vệ và tuyên truyền xung phong

làm nòng cốt để biến cuộc mít tình của địch thành cuộc mít tinh của ta,... Cuộc mít tinh trở thành cuộc biểu tình tuần hành, trong đó có cả một số lính bảo an cũng hoà vào dòng người, điều qua các phố lớn,...".

(Nguyễn Quyết, *Một ngày lịch sử*, trích trong: *Việt Nam trong thế kỉ XX*, Tập 1, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.88-89)

A. Hà Nội mở đầu quá trình khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
B. Khởi nghĩa ở Hà Nội diễn ra nhanh chóng và có sự tham gia của đông đảo quần chúng.
C. Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội đã quyết định thắng lợi của các cuộc khởi nghĩa ở các địa phương khác.
D. Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội cho thấy bài học về việc xác định thời cơ và chớp thời cơ.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường. Lấy phân phối theo lao động làm hình thức chính, khuyến khích làm giàu đi đôi với giảm số người nghèo, nâng cao phúc lợi xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, thực hiện nam nữ bình đẳng, tạo cơ hội cho mọi người đều được cống hiến và được hưởng thành quả của sự phát triển".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, năm 1991), trích trong: Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 51, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.902)

A. Đoạn tư liệu thể hiện đường lối lãnh đạo về kinh tế - xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam.
B. Đoạn tư liệu thể hiện quan điểm phát triển hài hoà về kinh tế, xã hội, văn hoá và môi trường.
C. Chiến lược trên được nêu ra sau khi Việt Nam về cơ bản đã thực hiện thành công công cuộc Đổi mới.
D. Thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam hiện nay chủ yếu là do thực hiện công bằng xã hội.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Tư tưởng, đạo đức khoan dung của nhân loại cộng sinh và phát triển trên nền mông của truyền thống nhân bản và yêu nước Việt Nam là bản chất và đặc điểm quán xuyến văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh. Điều cần nhấn mạnh là trong suốt chiều dài lịch sử ở Việt Nam đã xây dựng được truyền thống tiếp xúc, giao lưu tích hợp và phát triển văn hoá khoan dung không chỉ của châu Á mà của cả châu Âu và Bắc Mỹ,... Đến văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh, quá trình tiếp biến và khoan dung diễn ra một cách có ý thức với cơ sở lí luận, phương pháp luận được xác định rõ ràng".

(Hoàng Khải Vĩnh, Văn hóa khoan dung Hồ Chi Minh, trích trong: Việt Nam trong thế kỉ XX, Tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.453)

A. Đoạn tư liệu thể hiện nhận định và đánh giá của tác giả về văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh.
B. Văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh không có khác biệt so với văn hoá khoan dung truyền thống.
C. Văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh đã tạo cơ sở cho văn hóa khoan dung trong truyền thống Việt Nam.
D. Văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay.

ĐỀ SỐ 5

Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Nội dung nào sau đây là ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?
A. Thể hiện sự liên minh đoàn kết giữa nước Nga và các nước Đông Âu.
B. Thể hiện sự liên minh đoàn kết của các nước cộng hoà Xô viết đồng minh.
C. Cho thấy công cuộc xây dựng chủ nghĩa ở Liên Xô đã thành công
D. Cho thấy Cách mạng tháng Mười ở nước Nga đã kết thúc.

Câu 2. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về các nước Đông Âu từ năm 1949 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX?
A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và đạt được nhiều thành tựu.
B. Tập trung thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân.

C. Lâm vào suy thoái, khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng.
D. Tiến hành cải cách để đưa đất nước thoái khỏi khủng hoảng.
Câu 3. Trong trận chiến bên bờ sông Như Nguyệt trong kháng chiến chống quân Tống (1075 – 1077), giữa lúc quân Tống rơi vào tình thế khó khăn, nhà Lý đã
A. tiếp tục tấn công địch cho đến khi toàn thắng.
B. tấn công tiêu diệt toàn bộ quân Tống.
C. chủ động kết thúc chiến tranh bằng cách đề nghị giảng hoà.
D. chủ động kết thúc chiến tranh bằng cách xin nhà Tống cho hoà
Câu 4. Cuộc đấu tranh vũ trang lớn đầu tiên, mở đầu quá trình đấu tranh giành lại độc lập, tự chủ lâu dài của người Việt trong thời kì Bắc thuộc là
A. khởi nghĩa Mai Thúc Loan.
B. khởi nghĩa Hai Bà Trưng.
C. khởi nghĩa Phùng Hưng.
D. khởi nghĩa Lý Bí.
Câu 5. Tổ chức Liên hợp quốc chính thức được thành lập năm 1945 với sự kiện nào sau đây?
A. Các thành viên Hội đồng Bảo an soạn thảo quy chế hiến chương.
B. Các thành viên Hội đồng Bảo an thông qua dự thảo hiến chương.
C. Các nước thành viên soạn thảo Hiến chương Liên hợp quốc,
D. Các nước thành viên phê chuẩn Hiến chương Liên hợp quốc.
Câu 6. Thật từ thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ đã tạo điều kiện gì cho các cường quốc?
A. Có vị trí, vai trò lớn hơn trong quan hệ quốc tế.
B. Thay thế vai trò dẫn đầu của Liên Xô trước đây
C. Thay thế vai trò là một cực của Liên Xô trước đây
D. Có vai trò chủ chốt và vai trò quyết định trong quan hệ quốc tế
Câu 7. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân quan trọng và trực tiếp đưa đến sự sụp đồ của Trật tự thế giới hai cực 1-an-ta?
A. Xu thế toàn cầu hoá
B. Sự thay đổi trong cán cân kinh tế thế giới.
C. Sự khủng hoảng, suy yếu rồi tan rã của Liên Xô.
D. Ảnh hưởng của cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ hai.
Câu 8. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập năm 1967 tại quốc gia nào sau đây?
A. Thái Lan.
B. Ma-lai-xi-a.
C. Xin-ga-po.
D. In-đô-nê-xi-a.
Câu 9. ASEAN phát triển số lượng thành viên từ 5 lên 10 nước trong giai đoạn nào sau đây?
A. 1984-1999,
B. 1995-2000.
C. 1985-1999.
D. 1996-2006.
Câu 10. Từ sau Hiệp ước Ba-li (1976), Hội nghị Thượng đỉnh là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất của ASEAN, thay thế cho
A. Hội nghị Liên chính phủ.
B. Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao.
C. Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế.
D. Hội nghị Tư lệnh lực lượng quốc phòng.
Câu 11. Nội dung nào sau đây thể hiện đúng về bối cảnh Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945?
A. Chính phủ Trần Trọng Kim sụp đổ, quân Nhật rệu rã.
B. Chính phủ Trần Trọng Kim giải tán, quân Nhật đầu hàng.

C. Quân Nhật đầu hàng, Chính phủ Trần Trọng Kim chính thức tê liệt.
D. Quân Nhật rệu rã, Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, dao động.
Câu 12. Một trong những nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là
A. vai trò của Mặt trận Liên Việt trong việc tập hợp khối đoàn kết toàn dân.
B. sự phối hợp giữa chiến trường chính diện và chiến trường sau lưng địch.
C. sự ủng hộ của Chính phủ Trần Trọng Kim và lực lượng thân Pháp.
D. truyền thống yêu nước và tinh thần bất khuất của nhân dân Việt Nam.
Câu 13. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 – 1954) đều có vị trí quan trọng, thúc đẩy quá trình nào sau đây trên thế giới?
A. Tan rã của hệ thống thuộc địa.
B. Tan rã của chủ nghĩa thực dân kiểu mới.
C. Tan rã của chế độ phân biệt chủng tộc.
D. Tan rã của chế độ người bóc lột người.
Câu 14. Chiến thắng Đường 14 – Phước Long (1-1975) và chiến thắng Buôn Ma Thuột (3-1975) của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam có điểm gì chung sau đây?
A. Đều do quân đội Sài Gòn chủ động tấn công trước.
B. Đều là những trận đánh thể hiện nghệ thuật nghỉ bình chiến lược.
C. Mở ra thời cơ mới cho cách mạng miền Nam.
D. Mở đầu sự sụp đổ nhanh chóng của chính quyền Sài Gòn.
Câu 15. Một trong những nội dung chính của đường lối đổi mới về kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 1996-2006 là
A. đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
B. hình thành nền kinh tế tập trung xã hội chủ nghĩa.
C. xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế kĩ thuật số.
D. đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ kinh tế.
Câu 16. Nội dung nào sau đây **không** phải thành tựu cơ bản của đổi mới chính trị ở Việt Nam trong công cuộc Đổi mới?
A. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng.
B. Hình thành hệ thống quan điểm lí luận về đường lối đổi mới
C. Từng bước hình thành lí luận và cơ chế tập trung quan liêu.
D. Tình hình quốc phòng, an ninh được bảo đảm và tăng cường.
Câu 17. Nội dung đường lối đổi mới ở Việt Nam trong giai đoạn 1996 - 2000 và từ năm 2006 đến nay đều có điểm chung nào sau đây?
A. Đẩy mạnh đô thị hoá, hiện đại hoá.
B. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
C. Phát triển đô thị hoá, công nghiệp hoá nông nghiệp.
D. Phát triển hiện đại hoá đô thị, công nghiệp hoá nông thôn.
Câu 18. Từ năm 1941 đến năm 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương thể hiện chủ trương ủng hộ những lực lượng nào sau đây trong cuộc chiến chống phát xít
A. Liên Xô và lực lượng Đồng minh.
B. Nhật và lực lượng Đồng minh.
C. Lực lượng Đồng minh và phe các nước xã hội chủ nghĩa.
D. Lực lượng Đồng minh và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.
Câu 19. Ngày 6-3-1946, đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã kí với đại diện Chính phủ Pháp văn bản nào sau đây?
A. Hiệp định Giơ-ne-vơ.
B. Hiệp định Sơ bộ
C. Hiệp định Pa-ri.
D. Tạm ước Việt - Pháp

Câu 20. Nội dung nào sau đây là điểm chung trong quan hệ đối ngoại của Việt Nam thời kì 1945-1954 và thời kì 1954-1975?
A. Củng cố, phát triển quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.
B. Cùng cổ, phát triển quan hệ với các nước ASEAN.
C. Thực hiện các hoạt động đối ngoại vì mục tiêu thống nhất đất nước.
D. Thực hiện các hoạt động đối ngoại vì mục tiêu xây dựng miền Bắc.
Câu 21. Ngoài quê hương Nghệ An, tuổi thơ của Hồ Chí Mình còn gắn liền với địa phương nào sau đây?
A. Đà Nẵng. B. Huế. C. Sài Gòn. D. Hải Phòng.
Câu 22. Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp với văn bản nào sau đây?
A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
B. Lời hiệu triệu cả nước kháng chiến.
C. Lệnh khởi nghĩa toàn quốc.
D. Lệnh kháng chiến toàn quốc.
Câu 23. Tổ chức nào sau đây là một tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam, do Hồ Chí Minh ra chỉ thị thành lập vào ngày 22-12-1944?
A. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam.
B. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.
C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
D. Việt Nam Giải phóng quân.
Câu 24. Nội dung nào sau đây đúng về vai trò của Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam?
A. Sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện.
B. Xác định mô hình giải phóng giai cấp,
C. Xác định con đường phát triển xã hội.
D. Kế thừa, tổ chức và phát triển.
Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.
Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:
"Tất cả các thành viên phải kiềm chế trong quan hệ quốc tế của mình, không đe doạ hoặc sử dụng vũ lực chống lại sự toàn vẹn lãnh thổ hoặc độc lập chính trị của bất kì quốc gia nào, hoặc theo bất kì cách nào khác không phù hợp với mục tiêu của Liên hợp quốc".
(Trích: Điều 2, *Hiến chương Liên hợp quốc*, ngày 24-10-1945)
A. Đoạn tư liệu thể hiện nội dung về mục tiêu hoạt động cơ bản của tổ chức Liên hợp quốc.
B. Hiến chương Liên hợp quốc thể hiện sự phản đối việc đe doạ bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.
C. Hiến chương Liên hợp quốc và các nguyên tắc hoạt động đóng vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của tổ chức này.
D. Với nguyên tắc nói trên, từ năm 1945 đến nay, trên thế giới không còn các cuộc chiến tranh giữa các quốc gia là thành viên Liên hợp quốc.
Câu 2. Cho đoạn thông tin thống kê sau đây:
"Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, các địa phương đã đóng góp 261 453 lượt dân công với hơn 18 triệu ngày công, 25 056 tấn gạo, 1 824 tấn thịt và thực phẩm khô, hàng nghìn tấn rau, 20 911 xe đạp thổ, 11 800 thuyền màng. Riêng các tỉnh Tây Bắc đã đóng góp 7 360 tấn gạo, chiếm gần 50% lượng gạo sử dụng tại mặt trận và 27% lượng gạo chuẩn bị cho chiến dịch, 389 tấn thịt, 700 - 800 tấn rau xanh".
A. Đoạn thông tin thể hiện đóng góp của nhân dân cả nước đối với chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
B. Sự đoàn kết góp sức của quân dân cả nước là một trong những nguyên nhân quan trọng đưa đến thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.

C. Thắng lợi của chiến dịch Điên Biên Phủ đã điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao giành thắng lợi tại Hội nghị Pa-ri.
D. Đoạn thông tin cho thấy ngày nay vẫn cần tiếp tục phát huy bài học kết hợp bộ đội chủ lực và bộ đội chính quy trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân.
Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Theo nhận thức của chúng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lí của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"....".

(Nguyễn Phú Trọng, *Một số vấn đề lí luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.25 – 26)

A. Đoạn tư liệu phản ánh nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về nền kinh tế kế hoạch hoá bao cấp.
B. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tuân theo các quy luật chung, nhưng được định hướng xã hội chủ nghĩa.
C. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình của nền kinh tế Việt Nam hiện nay trong quá trình thực hiện công cuộc Đổi mới.
D. Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là yếu tố giúp kinh tế Việt Nam đến nay chưa bao giờ rơi vào tình trạng suy thoái.
Câu 4. Cho bảng dữ kiện sau đây về hoạt động của Hồ Chí Minh từ năm 1911 đến năm 1941:

Khoảng thời gian	Nội dung
Năm 1911-1923	Đi qua nhiều châu lục, nhiều nước, làm nhiều nghề khác nhau, có những hoạt động nổi bật tại Pháp.
Năm 1923- 1924	Hoạt động chủ yếu tại Liên Xô, tham dự Hội nghị Quốc tế Nông dân lần thứ nhất, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V
Năm 1924- 1928	Hoạt động chủ yếu tại Quảng Châu (Trung Quốc).
Năm 1928- 1929	Hoạt động chủ yếu tại Xiêm (Thái Lan).
Năm 1929- 1930	Trở lại Trung Quốc, triệu tập hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
Năm 1930- 1933	Hoạt động tại Hương Cảng, Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á
Năm 1934- 1938	Hoạt động chủ yếu tại Liên Xô, tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII
Năm 1939- 1941	Hoạt động chủ yếu tại Trung Quốc trước khi về nước.

A. Bảng dữ kiện thể hiện những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình tìm đường cứu nước và hoạt động cách mạng ở nước ngoài. B. Bảng dữ kiện cho thấy trong thời kì này Nguyễn Ái Quốc chủ yếu hoạt động ở Đông Nam Á.
C. Một trong những đóng góp nổi bật của Nguyễn Ái Quốc trong thời kì này là thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương.
D. Hành trình tìm đường cứu nước và hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc để lại dấu ấn ở nhiều nước, một số địa phương đã lập tượng đài, nhà lưu niệm.

……
…..

Đề số 6

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. So với các tiền bối, nội dung cơ bản trong con đường cứu nước được xác định và lựa chọn Nguyễn Ái Quốc có một trong những điểm mới nào sau đây?

A. Độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. **B.** Độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa tư bản.

C. Độc lập dân tộc gắn với cứu nước cứu dân. **D.** Độc lập dân tộc gắn với dân chủ, dân quyền.

Câu 2. Năm 1979, nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc chống lại kẻ thù nào sau đây?

A. Đế quốc Mỹ. **B.** Thực dân Pháp.

C. Quân xâm lược Trung Quốc. **D.** Tập đoàn Khơ-me Đỏ.

Câu 3. Ý tưởng về xây dựng Cộng đồng ASEAN được khởi nguồn từ sự kiện nào sau đây?

A. ASEAN chính thức thành lập (1967). **B.** Hiệp ước Ba-li được thông qua (1976).

C. Campuchia gia nhập vào ASEAN (1999). **D.** "Vấn đề Campuchia" được giải quyết (1991).

Câu 4. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 - 42) diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

A. Chính quyền nhà Đường bị suy yếu. **B.** Nhân dân Việt Nam bị đồng hóa hoàn toàn.

C. Đất nước bị mất độc lập, tự chủ. **D.** Lực lượng vũ trang ba thứ quân lớn mạnh.

Câu 5. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

A. Hệ thống xã hội chủ nghĩa đang dần hình thành. **B.** Xu thế toàn cầu hóa ra đời và diễn ra mạnh mẽ.

C. Cuộc Chiến tranh lạnh đã chính thức chấm dứt. **D.** Miền Nam giải phóng, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 6. Sự kiện nào sau đây đánh dấu chế độ quân chủ chuyên chế ở Việt Nam hoàn toàn sụp đổ?

A. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị. **B.** Mặt trận Việt Minh ra đời.

C. Tạm ước Việt-Pháp được ký kết. **D.** Khởi nghĩa ở Hà Nội giành thắng lợi.

Câu 7. Cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954-1975) và cuộc vận động giải phóng dân tộc (1939-1945) ở Việt Nam có điểm giống nhau nào sau đây?

A. Là các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

B. Không có sự kết hợp chặt chẽ giữa hậu phương và tiền tuyến.

C. Có sự kết hợp hai địa bàn chiến lược nông thôn và thành thị.

D. Từ khởi nghĩa từng phần phát triển lên chiến tranh cách mạng.

Câu 8. Nội dung nào sau đây là triển vọng của Cộng đồng ASEAN sau năm 2015?

A. Có sự đa dạng về chế độ chính trị, tôn giáo của các nước thành viên.

B. Tình hình ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng.

C. Có đóng góp quan trọng tại nhiều cơ chế, diễn đàn hợp tác khu vực.

D. ASEAN đã trở thành một trong những trung tâm toàn cầu về quân sự.

Câu 9. Một trong những tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta là

A. xu thế toàn cầu hóa ra đời và chi phối cục diện thế giới.

B. Mỹ đã không còn là cường quốc đứng đầu trên thế giới.

C. mở ra một thời kì phát triển mới trong quan hệ quốc tế.

D. phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô bị thu hẹp ở nhiều nơi.

Câu 10. Một trong những di sản thiêng liêng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho nhân dân Việt Nam là

A. quảng trường Hồ Chí Minh. **B.** bản Di chúc.

C. lăng Hồ Chí Minh. **D.** tòa nhà Becamex 230.

Câu 11. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh.

B. Lực lượng cách mạng được xây dựng và rèn luyện.

C. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Có sự ủng hộ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 12. Từ sau ngày 2/9/1945 đến trước ngày 19/12/1946, hoạt động đối ngoại của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhằm

A. tranh thủ điều kiện thuận lợi để gia nhập vào ASEAN.

B. bảo vệ vững chắc chính quyền cách mạng còn non trẻ.

C. nâng cao hơn vị thế trong hệ thống xã hội chủ nghĩa.

D. tích cực giao lưu văn hóa, bảo vệ môi trường toàn cầu.

Câu 13. Quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á là thành viên ASEAN 6 (1984)?

A. Cam-pu-chia. **B.** Bru-nây. **C.** Lào. **D.** Việt Nam.

Câu 14. Sau Chiến tranh lạnh, xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế là

A. đẩy mạnh vai trò quản lý của Liên hợp quốc. **B.** hợp tác, không cạnh tranh, không mâu thuẫn.

C. không xung đột, hòa bình và tiến hành hợp tác. **D.** đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp.

Câu 15. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa quốc tế của sự ra đời Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (1922)?

A. Tạo nên sức mạnh tổng hợp để Liên Xô bảo vệ đất nước.

B. Tạo tiền đề cho sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

C. Mở rộng hệ thống thuộc địa của Liên Xô trên toàn cầu.

D. Người lao động trên thế giới được làm chủ vận mệnh.

Câu 16. Trong thời kỳ 1975-1985, hoạt động đối ngoại của Việt Nam diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

A. Công cuộc đổi mới đạt nhiều thành tựu. **B.** Bình thường hóa được quan hệ với Mỹ.

C. Đất nước đã hoàn toàn độc lập, thống nhất. **D.** Bị Liên Xô, Trung Quốc bao vây, cấm vận.

Câu 17. Trong giai đoạn 1909 – 1925, Phan Bội Châu **không** tham gia sáng lập tổ chức nào sau đây?

A. Đông Á đồng minh. **B.** Việt Nam Quang phục hội.

C. Hội Liên hiệp thuộc địa. **D.** Điền - Quế - Việt liên minh.

Câu 18. Một trong những cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. kháng chiến chống quân Triệu thế kỉ II TCN **B.** kháng chiến chống thực dân Pháp thế kỉ XIX

C. kháng chiến chống quân Minh thế kỉ XV **D.** kháng chiến chống quân Nam Hán thế kỉ X

Câu 19. Quốc gia nào ở khu vực Đông Nam Á chọn con đường phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội?

A. Việt Nam. **B.** Philippin. **C.** Thái Lan. **D.** Inđônêxia.

Câu 20. Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh là

A. xu thế toàn cầu hóa. **B.** hoàn cảnh quê hương.

C. sự ra đời của WTO. **D.** trật tự thế giới đa cực.

Câu 21. Tổ chức nào sau đây được thành lập (1945) với mục tiêu duy trì hòa bình và an ninh quốc tế?

A. Hiệp ước Vác-sa-va. **B.** Liên hợp quốc.

C. Hội quốc liên. **D.** Hiệp hội Đông Nam Á.

Cho đoạn tư liệu, trả lời câu 22,23,24:

"Từ Đại hội VI [1986], chúng ta đã dứt khoát từ bỏ mô hình kinh tế phi hàng hóa, phi thị trường, mô hình kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp; chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Cương lĩnh (năm 1991) khẳng định: "Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước". [...] Đại hội IX đưa ra khái niệm "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", xem đó là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam".

(*Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu Tổng kết 30 năm đổi mới*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.90)

Câu 22. Trong đường lối đổi mới đất nước (1986-1995), Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xóa bỏ

A. cơ chế kinh tế tập trung quan liêu và bao cấp.

B. nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

C. nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

D. cơ chế kinh tế hàng hóa, nhiều thành phần.

Câu 23. Trong đường lối đổi mới đất nước (1986-1995), Đảng Cộng sản Việt Nam chú trọng phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vì một trong những lí do nào sau đây?

A. Hạn chế sản xuất hàng hóa, tăng tính tự cung tự túc.

B. Thúc đẩy sản xuất, huy động nguồn lực toàn xã hội.

C. Xóa bỏ hoàn toàn thị trường với quan hệ đối ngoại.

D. Chỉ tập trung phát triển thành phần kinh tế nhà nước.

Câu 24. Việc đưa ra đường lối đổi mới đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn 1986 – 1995 có ý nghĩa nào sau đây?

A. Chấm dứt mọi quan hệ kinh tế đối ngoại của Việt Nam.

B. Duy trì mô hình tập trung quan liêu không thay đổi cơ bản.

C. Đã khẳng định quyết tâm đổi mới toàn diện và đồng bộ.

D. Loại trừ hoàn toàn các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

PHẦN II: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng thông tin sau đây:

I. Thời gian	**II. Nội dung**
Từ 19/12/1946 đến tháng 2/1947	Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16
Năm 1947	Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông
Năm 1950	Chiến dịch Biên giới Thu - Đông
Năm 1953 - 1954	Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân.
Năm 1954	Chiến dịch Điện Biên Phủ

a) Bảng thông tin đề cập đến những thắng lợi tiêu biểu của quân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1954).

b) Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 là thắng lợi quân sự quyết định kết thúc hoàn toàn cuộc chiến tranh, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ.

c) Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 (19/12/1946 - 2/1947) đã bước đầu làm phá sản âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp vì buộc Pháp phải ký Hiệp định Sơ bộ.

d) Thắng lợi trên mặt trận quân sự của quân dân Việt Nam giai đoạn 1946 – 1954 đã hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc và để lại nhiều bài học kinh nghiệm sâu sắc.

Câu 2. Cho đoạn tư liệu sau đây:

"Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, bảo đảm vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, tạo động lực phát triển kinh tế – xã hội và hội nhập quốc tế... Nâng cao vai trò của văn hoá, nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách của con người Việt Nam, nhất là trong thế hệ trẻ. Bảo đảm quyền hưởng thụ, tự do sáng tạo trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật của mỗi người dân và cộng đồng. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp văn hoá; phát triển những sản phẩm, loại hình văn hoá độc đáo, sáng tạo có sức lan toả để quảng bá, giới thiệu ra thế giới".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (Tập I), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 143)

a) Những quan điểm đổi mới văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn đổi mới đất nước (1986 – 2021) đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm sâu sắc.

b) Đổi mới văn hóa được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là yêu cầu cấp thiết nhất của công cuộc đổi mới đất nước (1986 – 2021).

c) Đoạn tư liệu đề cập đến quan điểm đổi mới văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn đổi mới đất nước (1986 – 2021).

d) Để đổi mới văn hóa, Đảng và Nhà nước Việt Nam cần có chính sách, cơ chế phù hợp, trong đó phải ưu tiên du nhập văn hóa ngoại lai.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau đây:

"Hội đồng bảo an có thẩm quyền quyết định những biện pháp nào phải được áp dụng mà không sử dụng vũ lực để thực hiện các nghị quyết của Hội đồng, và có thể yêu cầu các thành viên của Liên hợp quốc áp dụng những biện pháp ấy. Các biện pháp này có thể là cắt đứt toàn bộ hay từng phần quan hệ kinh tế, đường sắt, đường biển, hàng không, bưu chính, điện tín, vô tuyến điện và các phương tiện thông tin khác, kể cả việc cắt đứt quan hệ ngoại giao".

*(*Trích: *Điều 41, Hiến chương Liên hợp quốc, ngày 24-10-1945)*

a) Để đảm bảo quyền dân tộc tự quyết, mọi quyết định của Hội đồng bảo an đều thể hiện cho tiếng nói của tất cả các thành viên của Liên hợp quốc.

b) Những biện pháp được Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc áp dụng đã góp phần giải quyết các mối đe dọa hòa bình, phá hoại hòa bình và hành vi xâm lược.

c) Đoạn tư liệu trên đề cập đến thẩm quyền của cơ quan trọng yếu trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới của tổ chức Liên hợp quốc.

d) Việc cắt đứt quan hệ ngoại giao là biện pháp có tính răn đe của Hội đồng Bảo An Liên hợp quốc đối các thành viên vi phạm Hiến chương.

Câu 4. Cho đoạn tư liệu sau đây:

"Năm 1945 - 1946 là một thời điểm có ý nghĩa chiến lược đối với quan hệ Việt - Pháp, liên quan tới vấn đề chiến tranh hay hòa bình ở Việt Nam...

Ban Thường vụ Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh dự đoán đúng chiều hướng chính sách các nước lớn, cũng thấy những mặt hạn chế trong mưu đồ của Tưởng và Pháp khi thỏả thuận việc Pháp trở lại Bắc Đông Dương, từ đó đã kịp thời đề ra quyết sách "hòa để tiến"...

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khéo léo lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước này với nhau và có sách lược phù hợp với từng đối tượng: giữ Mỹ đứng trung lập, kiên nhẫn tránh mọi xung đột với lực lượng của Tưởng, kiên quyết kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở miền Nam, đồng thời tìm giải pháp hòa bình khi Tưởng và Pháp thỏả hiệp cho phép quân đội Pháp ra miền Bắc".

(Nguyễn Đình Bin (Chủ biên), *Ngoại giao Việt Nam (1945 - 2000)*, NXB Chính trị quốc gia, 2002, tr. 62, 64, 92)

a) Việc dự đoán đúng chính sách các nước lớn và thấy mặt hạn chế trong mưu đồ của Tưởng, Pháp là cơ sở để Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra sách lược "hòa để tiến".

b) Đoạn tư liệu đề cập đến đường lối, chủ trương, sách lược ngoại giao mềm dẻo của Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời kì 1945 - 1946.

c) Việc *"khéo léo lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước này với nhau"* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại bài học cần tuyệt đối tránh xa mọi mâu thuẫn giữa các cường quốc cho ngoại giao Việt Nam hiện nay.

d) Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương phải *"kiên nhẫn tránh mọi xung đột với lực lượng của Tưởng"* trong năm 1946 chủ yếu vì Tưởng là lực lượng quân đội Đồng minh, có thiện chí hòa bình.

……

Đề số 7

PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Trong Cách mạng tháng Tám (1945), nhân dân Việt Nam có hoạt động nào sau đây?

A. Tham gia lực lượng đấu tranh chống phát xít. **B.** Đấu tranh đòi đế quốc Mĩ rút quân về nước.

C. Bài trừ các thế lực của chủ nghĩa khủng bố. **D.** Xây dựng hệ thống đường cao tốc hiện đại.

Câu 2. Sau khi Chủ Bản Hồ Chí Minh qua đời (9-1969), nhân dân miền Nam đã có hành động nào sau đây để tưởng nhớ Người?

A. Lập Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh. **B.** Nhân dân đã đồng loạt đi đưa tang.

C. Tấn công chống chính quyền Diệm. **D.** Đẩy mạnh xây dựng các Hội phản đế.

Câu 3. Sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (10-1949) đã đánh dấu chủ nghĩa xã hội

A. được nối liền từ châu Âu sang châu Á. **B.** không còn là hệ thống thế giới.

C. nối liền từ châu Âu sang Mỹ Latinh. **D.** dần trở thành hệ thống thế giới.

Câu 4. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau khi mới ra đời đã thực hiện các hoạt động đối ngoại **không** nhằm mục đích nào sau đây?

A. Bảo vệ vững chắc chính quyền cách mạng. **B.** Tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

C. Tránh đối đầu cùng một lúc với nhiều kẻ thù. **D.** Từng bước đánh bại Trung Hoa Dân Quốc.

Câu 5. Quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á là thành viên ASEAN 7 (1995)?

A. Việt Nam. **B.** Cam-pu-chia. **C.** Bru-nay. **D.** Lào.

Câu 6. Mục tiêu xây dựng một cộng đồng hòa bình và thịnh vượng ở Đông Nam Á lần đầu tiên được đề ra trong văn kiện nào sau đây?

A. Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ (2015). **B.** Hiến chương ASEAN (2007).

C. Tuyên bố Băng Cốc (1967). **D.** Hiệp ước Ba-li (1976).

Câu 7. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

A. Vùng đất của nghệ thuật sân khấu với cải lương.

B. Có truyền thống đấu tranh chống thực dân Pháp.

C. Trung tâm công nghiệp lớn nhất ở vùng Nam Bộ.

D. Là kinh đô đầu tiên của triều đình nhà Nguyễn.

Câu 8. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh.

B. Tranh thủ được ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Dân tộc vốn có truyền thống yêu nước, đoàn kết.

D. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 9. Trong giai đoạn 1975 - 1985, Việt Nam thành công trong hoạt động đối ngoại nào sau đây?

A. Hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. **B.** Bình thường hóa quan hệ với Mỹ.

C. Gia nhập vào Liên hợp quốc. **D.** Tham gia sáng lập ASEAN.

Câu 10. Đối với thế giới, sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết **không** có ý nghĩa nào sau đây?

A. Trở thành biểu tượng và chỗ dựa cho phong trào cách mạng thế giới.

B. Làm thất bại mọi ý đồ và hành động chia rẽ của các thế lực thù địch.

C. Tạo tiền đề cho sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

D. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ La-tinh.

Câu 11. Nội dung nào sau đây là triển vọng của Cộng đồng ASEAN sau năm 2015?

A. Có sự đa dạng về chế độ chính trị, tôn giáo của các nước thành viên.

B. ASEAN trở thành một trong những trung tâm toàn cầu về quân sự.

C. ASEAN ngày càng có quan hệ rộng lớn với các đối tác bên ngoài.

D. Tình hình ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng.

Câu 12. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân thắng lợi của chiến thắng Bạch Đằng (năm 938)?

A. Tài năng và vai trò chỉ huy của Ngô Quyền cùng các tướng lĩnh khác.

B. Quân Nam Hán lực lượng ít, khí thế chiến đấu kém cỏi, vũ khí thô sơ.

C. Nhân dân Việt Nam có tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất.

D. Quân Nam Hán chủ quan, hiếu chiến với không thông thạo địa hình.

Câu 13. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

A. Miền Nam giải phóng, tiến lên chủ nghĩa xã hội. **B.** Phong trào đấu tranh giành độc lập dâng cao.

C. Xu thế toàn cầu hóa ra đời và diễn ra mạnh mẽ. **D.** Cuộc Chiến tranh lạnh đã hoàn toàn kết thúc.

Câu 14. Tổ chức nào sau đây được thành lập (1945) với mục tiêu thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới?

A. Liên hợp quốc. **B.** Hiệp hội Đông Nam Á. **C.** Hội quốc liên. **D.** Hiệp ước Vác-sa-va.

Câu 15. Từ giữa năm 1975, tình hình quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc

A. dần trở nên hoà dịu. **B.** vẫn diễn ra bình thường.

C. dần trở nên căng thẳng. **D.** chuyển sang đối đầu.

Câu 16. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng một trong những xu thế phát triển của thế giới trong thập niên đầu sau Chiến tranh lạnh?

A. Trật tự thế giới đơn cực được xác lập. **B.** Tăng cường xây dựng liên minh quân sự.

C. Các nước tăng cường chạy đua vũ trang. **D.** Xu thế đối thoại, hòa bình và hợp tác.

Câu 17. Sự kiện nào sau đây đánh dấu việc Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước, giải phóng đúng đắn cho dân tộc Việt Nam?

A. Bỏ phiếu tán thành gia nhập vào Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Xã hội Pháp (1920).

B. Triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930).

C. Gửi bản Yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam để đòi quyền lợi cho dân tộc Việt Nam (1919).

D. Đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin (1920).

Câu 18. Các cuộc khởi nghĩa thời kỳ Bắc thuộc ở Việt Nam diễn ra liên tục, quy mô rộng đã chứng tỏ

A. vai trò quan trọng hàng đầu của phụ nữ Việt Nam trong Lịch sử đấu tranh.

B. các cuộc khởi nghĩa đều thất bại nặng nề và bị các triều đại đô hộ đàn áp.

C. tinh thần yêu nước và ý chí kiên cường bất khuất của nhân dân Việt Nam.

D. các triều đại phương Bắc không đủ sức mạnh để dập tắt các cuộc đấu tranh.

Câu 19. Một trong những tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta là

A. Mỹ đã không còn là cường quốc đứng đầu trên thế giới.

B. phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô bị thu hẹp ở nhiều nơi.

C. xu thế toàn cầu hóa ra đời, chi phối trật tự thế giới mới.

D. đã thúc đẩy những xu hướng phát triển mới của thế giới.

Câu 20. Điểm chung của Cách mạng tháng Tám năm 1945, kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) ở Việt Nam là có sự kết hợp

A. lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang.

B. chiến trường chính và vùng sau lưng địch.

C. chặt chẽ của lực lượng vũ trang ba thứ quân.

D. giữa tiền tuyến và hậu phương cách mạng.

Câu 21. Trong những năm 1909 - 1925, Phan Bội Châu đã có hoạt động đối ngoại nào sau đây?

A. Tham gia thành lập Đông Á Đồng minh Hội. **B.** Tiếp xúc với các lực lượng cấp tiến ở Pháp.

C. Tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. **D.** Tham gia sáng lập Hội Chấn Hoa Hưng Á.

Cho đoạn tư liệu, trả lời câu 22,23,24:

"Về quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, phải tập trung làm tốt đổi mới kinh tế, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của nhân dân về đời sống, việc làm và các nhu cầu xã hội khác, xây dựng cơ sở vật chất ... kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành thuận lợi đổi mới trong lĩnh vực chính trị. Đồng thời với đổi mới kinh tế phải từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy ngày càng tốt quyền làm chủ và năng lực sáng tạo của nhân dân trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội".
(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.54)

Câu 22. Đoạn tư liệu trên đề cập đến nội dung nào sau đây?

A. Vai trò của việc hội nhập quốc tế sâu rộng ở Việt Nam.

B. Mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.

C. Tác động tiêu cực của chính sách đối ngoại đa phương.

D. Hạn chế trong quá trình đổi mới toàn diện ở Việt Nam.

Câu 23. Trong quá trình đổi mới đất nước ở Việt Nam (1986-nay), việc "phát huy quyền làm chủ và năng lực sáng tạo của nhân dân" đóng vai trò quan trọng vì một trong những lí do nào sau đây?

A. Nhân dân là lực lượng chính thúc đẩy sự phát triển xã hội

B. Chính quyền nhân dân cần giảm bớt trách nhiệm quản lý

C. Đổi mới chỉ mang lại lợi ích cho tầng lớp doanh nghiệp

D. Chỉ có người lao động mới có khả năng quản lý đất nước

Câu 24. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh điều nào sau đây về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ở Việt Nam (1986 – nay)?

A. Đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị có mối quan hệ biện chứng với nhau.

B. Chỉ cần tập trung vào đổi mới chính trị, không cần quan tâm đến kinh tế.

C. Đổi mới kinh tế giữ vai trò quan trọng hơn đổi mới chính trị và văn hóa.

D. Đổi mới chính trị không ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của đất nước.

PHẦN II: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng thông tin sau đây:

I. Thời gian	**II. Hoạt động**
Năm 1964	Dựng lên sự kiện Vịnh Bắc Bộ.
Tử năm 1964 đến năm 1968.	Tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.
Năm 1972	Tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.
Cuối năm 1972	Dùng máy bay B52 ném bom hủy diệt Hà Nội, Hải Phòng.
Đầu năm 1973	Giữ lại 2 vạn quân ở miền Nam, tiếp tục Việt Nam hóa chiến tranh.

a) Các hoạt động quân sự trong bảng thông tin đã thể hiện sự chủ động và việc không từ bỏ giành thắng lợi bằng quân sự của Mĩ trong chiến tranh xâm lược.

b) Việc Mỹ giữ lại cố vấn quân sự sau Hiệp định Paris năm 1973 là biểu hiện của việc tiếp tục thực hiện "Việt Nam hóa chiến tranh".

c) Để cứu nguy cho chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam Việt Nam, Mĩ đã chính thức tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.

d) Bảng thông tin trên đề cập đến âm mưu và hành động của Mỹ đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1964 đến 1973.

Câu 2. Cho đoạn tư liệu sau đây:

"... Sau 20 năm Đổi mới [1986 - 2006]*, Việt Nam đã hội nhập tương đối sâu rộng vào đời sống quốc tế.* […] *Từ tháng 1/2007, Việt Nam đã chính thức là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), tổ chức thương mại lớn nhất thế giới* […]. *Điều này có ý nghĩa đặc biệt đối với Việt Nam, đánh dấu mốc mới rất quan trọng trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế: từ hội ở cấp độ khu vực (ASEAN năm 1992) đến cấp độ liên khu vực (ASEM năm 1996, APEC năm 1998) và đến*

cấp độ toàn cầu như hiện nay. Về chính trị, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 174 quốc gia, tham gia hầu hết các tổ chức quốc tế quan trọng của thế giới và khu vực".
(Dương Văn Quảng (Chủ biên), *Việt Nam trong tiến trình hội nhập và phát triển,* NXB Thế giới, 2009, tr. 110–111)

a) Để đưa đất nước bước vào sân chơi thương mại toàn cầu, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương gia nhập vào tổ chức kinh tế, thương mại lớn nhất của Liên hợp quốc.

b) Việc gia nhập WTO (2007) là mốc đánh dấu công cuộc đổi mới ở Việt Nam chuyển sang giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

c) Việc Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế theo các cấp độ từ khu vực (ASEAN), liên khu vực (ASEM, APEC) đến toàn cầu (WTO) phản ánh tính chủ động và chiến lược rõ ràng.

d) Đoạn tư liệu trên thể hiện chính sách và quan điểm đối ngoại của Việt Nam trong thời kì Đổi mới từ năm 1986 đến năm 2006.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau đây:
"Trong 5 năm qua [1996 - 2000], *công tác xóa đói, giảm nghèo được triển khai mạnh mẽ ở hầu hết các tỉnh, nhất là các vùng nghèo, xã nghèo đã thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ và đạt được kết quả khá.* […] *Nhờ tích cực xóa đói giảm nghèo mà đời sống dân cư nhiều vùng được cải thiện rõ rệt. Tỷ lệ hộ đói nghèo trên tổng số hộ trong cả nước từ 20% năm 1995 giảm xuống còn 10% năm 2000, đạt mục tiêu đề ra và Việt Nam được cộng đồng quốc tế đánh giá là một trong những quốc gia giảm tỷ lệ đói nghèo tốt nhất".*
(Nguyễn Ngọc Mão (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam,* Tập 15, NXB Khoa học xã hội, 2017, tr. 404–405)

a) Đoạn tư liệu trên phản ánh thành tựu trên lĩnh vực xã hội của Việt Nam trong thời kì Đổi mới.

b) Vệc giảm tỷ lệ hộ đói nghèo trong giai đoạn 1996 – 2000 được cộng đồng quốc tế đánh giá cao vì thể hiện sự nỗ lực vượt bậc của cả hệ thống chính trị và nhân dân Việt Nam.

c) Công tác xóa đói, giảm nghèo được triển khai mạnh mẽ ở hầu hết các tỉnh, nhất là các vùng nghèo, xã nghèo trong giai đoạn 1996 – 2000 chỉ là chính sách thử nghiệm của Nhà nước.

d) Việc thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ và đạt được kết quả khá trong giai đoạn 1996 – 2000 ở Việt Nam đã dẫn đến những cải thiện đáng kể trong đời sống người dân.

Câu 4. Cho đoạn tư liệu sau đây:
"Sự chấm dứt Chiến tranh lạnh và sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa (XHCN) thế giới đã kết thúc thời kì thế giới hai cực, chấm dứt sự đối đầu của hai hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội, mở ra một thời kì hội nhập kinh tế toàn cầu thực sự với sự chuyển đổi của hầu hết các quốc gia từng là XHCN, các quốc gia đang phát triển sang kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, xu thế hòa bình, hợp tác phát triển đã trở thành xu thế chính của thời đại. Đây là đặc trưng cực kỳ quan trọng".
(Đinh Công Tuấn, Những thay đổi của thế giới sau Chiến tranh lạnh (1991) và tác động của nó đến việc giảng dạy bộ môn Lịch sử bậc đại học hiện nay, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* (12), 2007, tr. 61.)

a) Hòa bình, ổn định, hợp tác phát triển, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế là ngọn cờ chủ yếu để các nước lớn tập hợp lực lượng sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc.

b) Đặc trưng quan trọng nhất của trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh phù hợp với nguyện vọng kiến tạo một môi trường hòa bình của nhân loại tiến bộ trên thế giới.

c) Để chấm dứt sự cạnh tranh trên thế giới, các quốc gia chú trọng hợp tác, phát triển, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc hoàn toàn.

d) Xu thế chính của thời đại sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt được đoạn tư liệu đề cập là hòa bình, ổn định, hợp tác phát triển, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế.

……

Đề số 8

PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Tổ chức nào sau đây được thành lập (1945) với mục tiêu thúc đẩy hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề về kinh tế, xã hội, văn hoá, nhân đạo?

A. Hiệp ước Vác-sa-va. **B.** Hiệp hội Đông Nam Á.

C. Hội quốc liên. **D.** Liên hợp quốc.

Câu 2. Cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954-1975) và Cách mạng tháng Tám năm 1945 Việt Nam có điểm giống nhau nào sau đây?

A. Sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng nhân dân.

B. Có sự kết hợp chặt chẽ của lực lượng bộ đội địa phương.

C. Từ khởi nghĩa phát triển thành chiến tranh cách mạng.

D. Đi từ chiến tranh du kích tiến lên chiến tranh chính quy.

Câu 3. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập?

A. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập (2-9-1945).

B. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (8-1945).

C. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị tại Kinh thành Huế (30-8-1945).

D. Đại hội Quốc dân được triệu tập tại Tân Trào (8-1945).

Câu 4. Một trong những tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta là

A. làm thay đổi so sánh lực lượng với ưu thế tạm thời thuộc về Mỹ.

B. Mỹ đã không còn là cường quốc đứng đầu, số một trên thế giới.

C. xu thế toàn cầu hóa ra đời và chi phối mạnh mẽ cục diện thế giới.

D. thu hẹp phạm vi ảnh hưởng của Mĩ và Liên Xô ở nhiều khu vực.

Câu 5. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

A. Cục diện hai cực, hai phe đối đầu với nhau đã chấm dứt.

B. Xu thế toàn cầu hóa xuất hiện, chi phối quan hệ quốc tế.

C. Phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển mạnh.

D. Miền Nam hoàn toàn giải phóng, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 6. Năm 1997, quốc gia nào sau đây trở thành thành viên của ASEAN?

A. Bru-nây. **B.** Mi-an-ma. **C.** Campuchia. **D.** Phi-líp-pin.

Câu 7. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Có sự ủng hộ mạnh mẽ của các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh.

C. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Truyền thống yêu nước của dân tộc được phát huy.

Câu 8. Trong thời kì Bắc thuộc, cuộc khởi nghĩa nào sau đây của nhân dân Việt Nam chống lại ách thống trị của nhà Đường?

A. Khởi nghĩa Phùng Hưng. **B.** Khởi nghĩa Tây Sơn.

C. Khởi nghĩa Lý Bí. **D.** Khởi nghĩa Lam Sơn.

Câu 9. Nội dung nào phản ánh đúng ý nghĩa của việc Nguyễn Ái Quốc tham gia Quốc tế Cộng sản (12-1920)?

A. Góp phần xây dựng quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

B. Tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho mọi dân tộc thuộc địa trên thế giới.

C. Chấm dứt thời kỳ bị cô lập của cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

D. Đưa nhân dân lên làm chủ đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội cộng sản.

Câu 10. Các hoạt động đối ngoại mà Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến hành từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước 19-12-1946 nhằm mục đích

A. nâng cao vị thế trong hệ thống xã hội chủ nghĩa. **B.** để tránh một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù.

C. yêu cầu các nước thiết lập quan hệ ngoại giao. **D.** gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

Câu 11. Đặc điểm nổi bật trong quan hệ quốc tế sau khi chiến tranh Lạnh chấm dứt là

A. hai siêu cường Liên Xô - Mỹ đối thoại, hợp tác. **B.** hòa bình, hợp tác trở thành xu thế chủ đạo.

C. hai siêu cường Liên Xô - Mĩ đối đầu gay gắt. **D.** hợp tác chính trị - văn hóa là xu thế chủ đạo.

Câu 12. Nội dung nào sau đây **không** đúng về Nghệ An - quê hương của Hồ Chí Minh?

A. Là vùng đất đã sinh ra nhiều anh hùng dân tộc. **B.** Trung tâm công nghiệp lớn nhất trong cả nước.

C. Cư dân có truyền thống hiếu học và khoa bảng. **D.** Nơi khởi nguồn của nhiều phong trào yêu nước.

Câu 13. Trong giai đoạn 1975-1985, Việt Nam đã có một trong những hoạt động đối ngoại nào đối với Mỹ?

A. Thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện. **B.** Bước đầu đàm phán bình thường hóa quan hệ.

C. Đẩy mạnh hợp tác trên tất cả các lĩnh vực. **D.** Đàm phán và đi đến ký kết Hiệp định Pari.

Câu 14. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng năm 938?

A. Đánh bại hoàn toàn tham vọng bành trướng và ý chí xâm lược của quân Nam Hán.

B. Lật đổ ách đô hộ của nhà Đường, mở ra thời đại độc lập, tự chủ của dân tộc.

C. Đánh bại hoàn toàn tham vọng bành trướng của các triều đại phong kiến phương Bắc.

D. Mở đầu thời kì đấu tranh chống ách đô hộ của nhân dân ta thời Bắc thuộc.

Câu 15. Sau 30 năm phát triển, ASEAN chính thức khẳng định ý tưởng thành lập Cộng đồng tại

A. Hội nghị thường niên Ngoại trưởng ASEAN (2000).

B. Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức (1997).

C. Đại hội đại biểu toàn bộ các nước thành viên (1998).

D. Kỳ họp bất thường xem xét vấn đề Myanmar (1999).

Câu 16. Cuộc Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 thắng lợi đã trực tiếp đưa tới sự ra đời của

A. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. **B.** hệ thống xã hội chủ nghĩa trên toàn thế giới.

C. Chính quyền Nga Xô viết do Lê-nin đứng đầu. **D.** Đảng Bôn-sê-vích Nga và Đảng Dân tộc Nga.

Câu 17. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội được mở rộng ở khu vực nào sau đây?

A. Nam Phi. **B.** Châu Á. **C.** Bắc Âu. **D.** Bắc Mĩ.

Câu 18. Đầu năm 1912, Phan Bội Châu thành lập tổ chức nào sau đây?

A. Đảng Cộng sản Pháp. **B.** Việt Nam Quang phục hội.

C. Đảng Cộng sản Việt Nam. **D.** Hội Liên hiệp thuộc địa.

Câu 19. Con đường nào sau đây được xem là biểu tượng cho khát vọng độc lập tự do và thống nhất Tổ quốc Việt Nam?

A. Đường Hồ Chí Minh trên biển. **B.** Đường quốc phòng ven biển.

C. Đường sắt Cao tốc Bắc Nam. **D.** Đường sắt trên cao ở Hà Nội.

Câu 20. Trong giai đoạn 1975 - 1979, chính quyền Trung Quốc đã **không** có hành động nào sau đây đối với Việt Nam?

A. Đơn phương chấm dứt các viện trợ kinh tế. **B.** Khiêu khích xâm lược biên giới phía Bắc.

C. Gây ra vấn đề người Hoa, chia rẽ dân tộc. **D.** Trực tiếp giúp đỡ xây dựng lại đất nước.

Câu 21. Nội dung nào sau đây là triển vọng của Cộng đồng ASEAN sau năm 2015?

A. Có sự đa dạng về chế độ chính trị, tôn giáo của các nước thành viên.

B. Tình hình ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng.

C. ASEAN trở thành một trong những trung tâm toàn cầu về quân sự.

D. Vị thế của ASEAN ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

Cho đoạn tư liệu, trả lời câu 22,23,24:

"Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ, từ kinh tế và chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hoá. Đổi mới kinh tế phải gắn liền với đổi mới chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 49*, NXB Chính trị quốc gia, 2006, tr.968)

Câu 22. Đoạn tư liệu nhấn mạnh trọng tâm của công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam là kinh tế vì một trong những lí do nào sau đây?

A. Kinh tế là yếu tố duy nhất quyết định sự phát triển xã hội.

B. Đổi mới kinh tế tạo điều kiện để đổi mới các lĩnh vực khác.

C. Đổi mới kinh tế không chịu tác động từ các lĩnh vực khác.

D. Đổi mới kinh tế ít phức tạp, đơn giản hơn đổi mới chính trị.

Câu 23. Ở Việt Nam, đổi mới không được xem là thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội (từ năm 1986 đến nay) vì một trong những lý do nào sau đây?

A. Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội vẫn phù hợp với bối cảnh mới.

B. Đổi mới chỉ ảnh hưởng kinh tế, không liên quan đến chính trị.

C. Yêu cầu chung của Liên hợp quốc, hệ thống xã hội chủ nghĩa.

D. Đổi mới là quá trình học tập và phụ thuộc từ các quốc gia khác.

Câu 24. Ở Việt Nam, đổi mới kinh tế phải gắn liền với đổi mới chính trị (từ năm 1986 đến nay) chứng tỏ tính đúng đắn của luận điểm nào sau đây?

A. Kinh tế và chính trị có mối quan hệ chặt chẽ, không thể tách rời.

B. Đổi mới kinh tế không thể thành công nếu không thay đổi tổ chức.

C. Đổi mới chính trị giúp xây dựng cơ sở hạ tầng cho đổi mới kinh tế.

D. Chính trị là yếu tố độc lập, không có mối liên quan đến kinh tế.

PHẦN II: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho đoạn tư liệu sau đây:

"Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu và ảnh hưởng của Liên Xô làm thay đổi tương quan chính trị, quân sự và ngoại giao trên thế giới. Để đối phó lại, các nước đế quốc đã tìm cách liên minh phản công lại lực lượng cách mạng trên phạm vi toàn thế giới. Mâu thuẫn giữa các lực lượng hòa bình, dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội do Liên Xô đứng đầu với các nước đế quốc và lực lượng đồng minh do Mỹ đứng đầu ngày càng trở nên gay gắt. Vừa mới ra đời, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã bị chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động liên kết với nhau bao vây, chống phá từ nhiều phía."

(Đinh Thị Thu Cúc, *Lịch sử Việt Nam, Tập 10*, NXB Khoa học xã hội, 2017, tr. 24)

a) Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Việt Nam phải đối mặt với tình thế khó khăn, phức tạp chủ yếu vì không có sự giúp đỡ của Liên Xô.

b) Việc giải quyết những khó khăn sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam để lại nhiều bài học kinh nghiệm quan trọng trong việc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài.

c) Sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là mốc đánh dấu hệ thống tư bản chủ nghĩa không còn là duy nhất.

d) Đoạn tư liệu trên đề cập đến tình hình thế giới có tác động đến cách mạng Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Câu 2. Cho đoạn tư liệu sau đây:

"Ngày 13/8/1942, Hồ Chí Minh sang Trung Quốc để liên hệ với các lực lượng Đồng minh.

Cuối năm 1944, Hồ Chí Minh đi Côn Minh (Trung Quốc) gặp tướng Sê- nôn - Tư lệnh không quân Mỹ đặt cơ sở phối hợp giữa Việt Minh với các lực lượng Đồng minh để kháng Nhật."

(Nguyễn Đình Bin (Chủ biên), *Ngoại giao Việt Nam 1945 – 2000, 2002,* NXB Chính trị quốc gia)

a) Hồ Chí Minh đã sang Trung Quốc vào năm 1942 để tranh thủ sự ủng hộ từ các cường quốc chống phát xít, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

b) Đoạn tư liệu đề cập đến những hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh trong những năm trực tiếp vận động giải phóng dân tộc.

c) Sự kiện *Hồ Chí Minh đi Côn Minh (Trung Quốc) gặp tướng Sê- nôn - Tư lệnh không quân Mỹ năm 1944 là* mốc khởi đầu cho quan hệ Việt – Mỹ trong lịch sử.

d) Những hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh trong những năm 1941 – 1945 đã khẳng định và nêu cao tính chính nghĩa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau đây:

"*Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm 1996-2000 và nguyên nhân của những thành tựu đó, Đại hội Đảng lần thứ IX đã khẳng định: Những thành tựu 5 năm qua đã tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế. Đạt được những thành tựu nói trên là do Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng và đường lối lãnh đạo đúng đắn*."

(Bộ Ngoại giao, *Việt Nam hội nhập kinh tế trong xu thế toàn cầu hóa: Vấn đề và giải pháp,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 344)

a) Đoạn tư liệu trên thể hiện thành tựu và ý nghĩa của công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam trong khi thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 – 2000.

b) Những thành tựu Việt Nam đạt được khi thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 – 2000 đã đưa Việt Nam trở thành quốc gia đứng đầu trong khu vực Đông Nam Á.

c) Những thành tựu đạt được khi thực hiện kết hoạch 5 năm 1996 – 2000 là do nhận được sự ủng hộ của các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa.

d) Để trở thành một trong những trung tâm quyền lực lớn của thế giới sau Chiến tranh lạnh, Việt Nam chủ trương xây dựng sức mạnh tổng hợp.

Câu 4. Cho bảng thông tin sau đây:

Thời gian	**Nội dung**
Năm 1977	Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc
Năm 2007	Việt Nam được bầu làm Ủy viên không thường trực hội đồng Bảo an Liên hợp quốc lần thứ nhất
Năm 2014	Việt Nam đầu tiên làm nhiệm vụ Sĩ quan liên lạc tại Phái bộ gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc ở Nam Xu-đăng
Năm 2019	Việt Nam được bầu làm Ủy viên không thường trực hội đồng Bảo an Liên hợp quốc lần thứ hai.
Năm 2023	Việt Nam tham gia cứu hộ nhân đạo tại Thổ Nhĩ Kỳ

a) Việc Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc vào năm 1977 là một cột mốc quan trọng, mở ra cơ hội hội nhập sâu rộng hơn với cộng đồng quốc tế.

b) Đoạn tư liệu trên đề cập đến sự gia nhập, đóng góp và vai trò của Việt Nam trong Liên hợp quốc.

c) Để thể hiện vai trò cường quốc của thế giới, Việt nam đã cử Sĩ quan liên lạc tham gia Phái bộ gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc ở Nam Xu-đăng (2014).

d) Sự kiện tham gia cứu hộ nhân đạo tại Thổ Nhĩ Kỳ (2023) đã phản ánh Việt Nam là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, sẵn sàng chung tay giải quyết các thách thức toàn cầu.

……

Đề số 9

PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Sáng ngày 17/2/1979, Trung Quốc điều động 32 sư đoàn đồng loạt mở cuộc tấn công vào lãnh thổ biên giới phía Bắc của quốc gia nào sau đây?

A. Thái Lan. **B.** Việt Nam. **C.** Nhật Bản. **D.** Campuchia.

Câu 2. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt?

A. Các nước điều chỉnh quan hệ theo hướng hòa bình, hòa hoãn và đối thoại.

B. Các nước xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài trên cơ sở hai bên cùng có lợi.

C. Các nước giải quyết bất đồng và mâu thuẫn bằng thương lượng hòa bình.

D. Các nước cùng với nhau để xây dựng tổ chức quân sự lớn ở các châu lục.

Câu 3. Hồ Chí Minh đã tiếp thu và phát huy nhiều phẩm chất tốt đẹp của người xứ Nghệ, **ngoại trừ**

A. ý chí trong học tập. **B.** cần cù trong lao động.

C. đoàn kết trong đấu tranh. **D.** hiếu chiến, manh động.

Câu 4. Một trong những tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta là

A. Mỹ đã không còn là cường quốc đứng đầu trên thế giới.

B. phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô bị thu hẹp ở nhiều nơi.

C. xu thế toàn cầu hóa ra đời, chi phối trật tự thế giới mới.

D. vai trò của các cường quốc mới nổi ngày càng gia tăng.

Câu 5. Các cuộc khởi nghĩa chống ngoại xâm của người Việt trong thời kì Bắc thuộc đã

A. kết thúc quá trình chống ngoại xâm của dân tộc. **B.** lập nên nhà nước độc lập, dân chủ và tiến bộ.

C. thể hiện tinh thần yêu nước bất khuất. **D.** giải phóng và đưa nhân dân lên làm chủ.

Câu 6. Nội dung nào **không** phản ánh đúng thành tựu đối ngoại của Việt Nam trong những năm 1979-1985?

A. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.

B. Thúc đẩy quan hệ hợp tác với các nước Đông Nam Á.

C. Hợp tác toàn diện với các quốc gia xã hội chủ nghĩa.

D. Phát triển quan hệ với các quốc gia và tổ chức quốc tế.

Câu 7. Nhân vật lịch sử nào sau đây của Việt Nam là biểu tượng của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới?

A. Tổng bí thư Lê Duẩn. **B.** Đại tướng Nguyễn Chí Thanh.

C. Thủ tướng Phạm Văn Đồng. **D.** Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu 8. Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, quốc gia nào sau đây gia nhập tổ chức ASEAN?

A. Bru-nây. **B.** Lào. **C.** Cam-pu-chia **D.** Việt Nam.

Câu 9. Tổ chức nào sau đây được thành lập (1945) với mục tiêu trở thành trung tâm phối hợp mọi hành động của các dân tộc nhằm duy trì hòa bình và an ninh quốc tế?

A. Hội quốc liên. **B.** Hiệp ước Vác-sa-va.

C. Liên hợp quốc. **D.** Hiệp hội Đông Nam Á.

Câu 10. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

A. Xu thế toàn cầu hóa ra đời và diễn ra mạnh mẽ. **B.** Miền Nam giải phóng, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

C. Cuộc Chiến tranh lạnh đã chính thức chấm dứt. **D.** Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đang hình thành.

Câu 11. Chiều ngày 16-8-1945, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy đã giải phóng thị xã

A. Bắc Kạn. **B.** Thái Nguyên. **C.** Tuyên Quang. **D.** Lạng Sơn.

Câu 12. Nội dung nào sau đây **không** phải là hoạt động đối ngoại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ tháng 9-1945 đến tháng 12-1946?

A. Khẳng định tính hợp pháp của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

B. Thúc đẩy hình thành mặt trận thế giới đoàn kết với Việt Nam.

C. Thực hiện chủ trương "Hòa để tiến", ký Hiệp định Sơ bộ với Tạm ước.

D. Chủ động triển khai hòa hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc.

Câu 13. Những năm 1905 - 1908, hoạt động ngoại giao của Phan Bội Châu gắn liền với phong trào nào?

A. Đông du. **B.** Chống thuế. **C.** Đồng khởi. **D.** Xóa mù chữ.

Câu 14. Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán (938) của Ngô Quyền có điểm khác biệt nào so với các cuộc đấu tranh khác của nhân dân Việt Nam thời Bắc thuộc?

A. Mở ra thời kỳ độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc.

B. Lần đầu tiên khôi phục lại được độc lập dân tộc.

C. Lần đầu tiên thành lập chính quyền mới và tự trị.

D. Buộc chính quyền phương Bắc công nhận độc lập.

Câu 15. Một trong những điểm chung của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và hai cuộc kháng chiến chống đế quốc xâm lược (1945 - 1975) ở Việt Nam là có sự kết hợp

A. phong trào đấu tranh ở nông thôn với phong trào đấu tranh ở thành thị.

B. tác chiến trên cả ba vùng rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị.

C. chặt chẽ, không phân biệt rạch ròi giữa hậu phương và tiền tuyến.

D. hoạt động của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích.

Câu 16. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Truyền thống đoàn kết của dân tộc được phát huy.

B. Có sự ủng hộ mạnh mẽ của các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh.

D. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 17. Nội dung nào sau đây là triển vọng của Cộng đồng ASEAN sau năm 2015?

A. Tích cực đẩy mạnh hợp tác nội khối và mở rộng quan hệ bên ngoài.

B. Có sự đa dạng về chế độ chính trị, tôn giáo của các nước thành viên.

C. ASEAN trở thành một trong những trung tâm toàn cầu về quân sự.

D. Tình hình ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng.

Câu 18. Năm 2007, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã thông qua văn kiện nào sau đây?

A. Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ. **B.** Tuyên bố Băng Cốc.

C. Tầm nhìn ASEAN 2020. **D.** Hiến chương ASEAN.

Câu 19. Sau khi thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, quốc gia nào sau đây lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội?

A. Mianma. **B.** Trung Quốc. **C.** Ấn Độ. **D.** In-đô-nê-xi-a.

Câu 20. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tiếp thu giá trị nào từ chủ nghĩa Mác - Lênin để xác định con đường cách mạng phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam?

A. Chỉ chủ trương kết hợp giữa đấu tranh giai cấp với giải phóng con người.

B. Cách mạng vô sản là con đường duy nhất giải phóng dân tộc và giai cấp.

C. Cách mạng giải phóng dân tộc phải đi kèm với xây dựng kinh tế tư bản.

D. Thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp tư sản.

Câu 21. Nội dung nào sau đây là sự kiện đầu tiên tạo tiền đề cho sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới?

A. Cuộc Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam thành công.

B. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết ra đời.

C. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập.

D. Liên Xô và Mĩ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Cho đoạn tư liệu, trả lời câu 22,23,24:

"Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội VII, đất nước đã vượt qua một giai đoạn thử thách gay go. Trong hoàn cảnh hết sức phức tạp, khó

khăn, nhân dân ta không những đứng vững mà còn vươn lên đạt được những thắng lợi nổi bật trên nhiều mặt. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới- thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội nước ta càng được xác định rõ hơn".
(Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, tr.67-68)

Câu 22. Theo đoạn tư liệu trên, nhiệm vụ quan trọng của chặng đường đầu tiên trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam là gì?

A. Đẩy mạnh sự hợp tác toàn diện quốc tế và hội nhập toàn cầu.

B. Chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

C. Hoàn thành công cuộc cải cách bộ máy hành chính toàn diện.

D. Chuyển đổi sang mô hình kinh tế thị trường tự do hoàn toàn.

Câu 23. Đại hội VIII xác định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam ngày càng được rõ hơn vì một trong những lí do nào sau đây?

A. Đã có các bài học thực tiễn từ những năm đầu đổi mới.

B. Đã hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

C. Nền kinh tế Việt Nam đã hội nhập sâu rộng vào khu vực.

D. Củng cố kinh tế thị trường định hướng tư bản chủ nghĩa.

Câu 24. Theo đoạn tư liệu, những thắng lợi đạt được sau 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội VII chủ yếu nhờ vào yếu tố nào sau đây?

A. Sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và nhân dân thế giới.

B. Sự lãnh đạo có hiệu quả của một chính phủ kiến tạo.

C. Tinh thần đồng lòng và cố gắng, vượt khó của nhân dân.

D. Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong các ngành kinh tế.

PHẦN II: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho đoạn tư liệu sau đây:

"Sau khi kêu gọi toàn quốc kháng chiến, ngày 21-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho nhân dân Việt Nam, nhân dân Pháp và nhân dân các nước Đồng minh để cho thế giới biết rõ mục tiêu và quyết tâm đấu tranh vì độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam. Người khẳng định: "Cuộc kháng chiến rất lâu dài và gian khổ. Dù phải hy sinh bao nhiêu và thời gian kháng chiến đến bao giờ, chúng ta cũng nhất định chiến đấu đến cùng, đến bao giờ nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập và thống nhất. Chúng ta có 20 triệu chống lại 10 vạn thực dân. Cuộc thắng lợi của ta rất được bảo đảm".
(Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập 4,* NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 480–481)

a) Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho nhân dân Việt Nam, nhân dân Pháp và nhân dân các nước Đồng minh (1946) là mốc đánh dấu cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp bùng nổ.

b) Để giữ vững niềm tin vững chắc vào sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân và tương lai chiến thắng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định "*Cuộc thắng lợi của ta rất được bảo đảm".*

c) Đoạn tư liệu đề cập đến quan điểm và quyết tâm kháng chiến của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống lai sự xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp.

d) Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho nhân dân Việt Nam, nhân dân Pháp và nhân dân các nước Đồng minh (1946) đã làm rõ tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến của Việt Nam.

Câu 2. Cho đoạn tư liệu sau đây:

"Thực tế cho thấy trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975), với đường lối đối ngoại đúng đắn, Đảng đã xây dựng được một mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết và ủng hộ Việt Nam chống Mĩ xâm lược, bao gồm: các nước Xã hội chủ nghĩa, các nước độc lập dân tộc, các lực lượng yêu chuộng hòa bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới, trong đó có cả một bộ phận nhân dân Mĩ. Cách mạng Việt Nam đã tập hợp được một lực lượng quốc tế mạnh mẽ góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Mĩ đến thắng lợi hoàn toàn".

(Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thu Hiền, *Giáo trình Lịch sử ngoại giao Việt Nam, NXB* Đại học Thái Nguyên, 2020, tr. 102)

a) Ngoại giao là mặt trận giữ vai trò quyết định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) của nhân dân Việt Nam.

b) Đoạn tư liệu đề cập đến vai trò của ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) của nhân dân Việt Nam.

c) Sự ủng hộ của *"một bộ phận nhân dân Mĩ"* giữ vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh ngoại giao của nhân dân Việt Nam (1954 – 1975).

d) Việc Cách mạng Việt Nam đã *"tập hợp được một lực lượng quốc tế mạnh mẽ"* đã cho thấy Đảng Cộng sản Đông Dương biết tận dụng yếu tố thời đại để đạt được mục đích cuối cùng của cuộc kháng chiến.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau đây:

"Quá trình xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc, không tách rời việc củng cố và phát triển các tổ chức chính trị, xã hội. Trên tinh thần Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VI, hàng loạt Nghị quyết đã được ban hành nhằm thúc đẩy xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc, như Nghị quyết ngày 3-2-1990 về việc thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Thông tri của Ban Bí thư cùng ngày về việc tổ chức góp ý kiến vào văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 về công tác dân vận; Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (27-3-1990) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng..".

(Nguyễn Ngọc Mão (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam, Tập 15,* NXB Khoa học xã hội, 2017, tr. 86)

a) Việc đổi mới trong công tác dân vận của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1986 đến nay đã phù hợp với tình hình mới, thu hút và phát huy tối đa sức mạnh của nhân dân.

b) Quá trình xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc, không tách rời việc củng cố và phát triển các tổ chức chính trị, xã hội ở Việt Nam chủ yếu vì chỉ có các tổ chức này mới có đủ thẩm quyền.

c) Đoạn tư liệu đề cập đến quan điểm xây dựng, củng cố, phát triển khối đại đoàn kết dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới đất nước.

d) Khối đại đoàn kết dân tộc là yếu tố quyết định đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa trong công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam (từ năm 1986 đến nay).

Câu 4. Cho bảng thông tin sau đây:

I. Thời gian	**II. Nội dung**
Năm 1945	Đại biểu 50 nước đã thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.
Năm 1948	Thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền.
Năm 1968	Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân
Năm 1993	Hiệp ước cấm vũ khí hóa học.
Năm 2017	Hiệp ước của Liên hợp quốc cấm vũ khí hạt nhân.

a) Việc thông qua các hiệp ước cấm vũ khí hủy diệt của Liên hợp quốc đã chứng tỏ đây là vấn đề lớn, cần có sự kiên trì và nỗ lực lâu dài của toàn bộ cộng đồng quốc tế.

b) Đoạn tư liệu trên đề cập đến những cột mốc và các văn kiện pháp lí quan trọng trong quá trình hợp tác, phát triển của Liên hợp quốc.

c) Hiệp ước cấm vũ khí hóa học được thông qua năm 1993 vì nhận thức về sự nguy hiểm và hậu quả tàn khốc của vũ khí này ngày càng tăng.

d) Bản Tuyên ngôn Nhân quyền của Liên hợp quốc năm 1948 là văn bản pháp lí đầu tiên trên thế giới có đề cập đến quyền con người.

……

Đề số 10

PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Sự kiện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập năm 1949 có một trong những ý nghĩa quốc tế nào sau đây?

A. Mở rộng lực lượng của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

B. Chấm dứt ách cai trị, nô dịch của tư bản phương Tây.

C. Đưa Trung Quốc trở thành quốc gia độc lập và tự do.

D. Trung Quốc bước vào thời kì xây dựng chế độ mới.

Câu 2. Trong giai đoạn 1975 - 1985, Việt Nam ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác với quốc gia nào?

A. Lào. **B.** Cam-pu-chia. **C.** Trung Quốc. **D.** Thái Lan.

Câu 3. Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường giải phóng dân tộc ở văn kiện nào sau đây?

A. Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa (1920). **B.** Chính cương vắn tắt (1930).

C. Sách lược vắn tắt (1930). **D.** Luận cương tháng Tư (1917).

Câu 4. Nội dung nào sau đây là triển vọng của Cộng đồng ASEAN sau năm 2015?

A. ASEAN trở thành một trong những trung tâm toàn cầu về quân sự.

B. Có sự đa dạng về chế độ chính trị, tôn giáo của các nước thành viên.

C. Ngày càng khẳng định được vị thế và uy tín ở trên trường quốc tế.

D. Tình hình ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng.

Câu 5. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) của nhân dân Việt Nam diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

A. Quan hệ quốc tế đang có các diễn biến phức tạp. **B.** Chiến tranh lạnh hoàn toàn chính thức kết thúc.

C. Miền Nam giải phóng, tiến lên chủ nghĩa xã hội. **D.** Xu thế toàn cầu hóa ra đời và diễn ra mạnh mẽ.

Câu 6. *"Các nước điều chỉnh quan hệ với nhau theo hướng hòa hoãn, đối thoại đa dạng hóa, đa phương hóa, xây dựng quan hệ hợp tác chiến lược ổn định và lâu dài"* là một trong những nội dung của xu thế nào sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc?

A. Xu thế toàn cầu hóa. **B.** Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế.

C. Xu thế lấy phát triển kinh tế là trọng tâm. **D.** Xu thế đa cực.

Câu 7. Năm 1997, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) kết nạp thêm hai thành viên là

A. Thái Lan và Mi-an-ma. **B.** Campuchia và Lào.

C. Brunei và Việt Nam. **D.** Lào và Mi-an-ma.

Câu 8. Một trong những tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta là

A. vai trò của các trung tâm kinh tế đã ngày càng gia tăng.

B. Mỹ đã không còn là cường quốc đứng đầu trên thế giới.

C. phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô bị thu hẹp ở nhiều nơi.

D. xu thế toàn cầu hóa ra đời, chi phối trật tự thế giới mới.

Câu 9. Một số trí thức, nhà khoa học sau khi được gặp Hồ Chủ tịch đã sẵn sàng từ bỏ vinh hoa phú quý cả đời dấn thân vào con đường cách mạng đầy gian khổ vì lý do chủ yếu nào sau đây?

A. Dùng chức vụ với địa vị khi cách mạng thắng lợi để lôi kéo.

B. Cuộc sống ở nước ngoài luôn bị một thám theo dõi, quản lý.

C. Bác cho họ thấy được dân tộc, Tổ quốc là quan trọng nhất.

D. Điều kiện làm việc quá khó khăn sau Chiến tranh thế giới hai.

Câu 10. Sách lược ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong năm 1946 đã

A. phá vỡ được thế bao vây, cô lập của cách mạng Việt Nam.

B. giải quyết được những mục tiêu chiến lược của cách mạng.

C. ngăn chặn được mọi nguy cơ xung đột với thực dân Pháp.

D. từng bước loại bỏ bớt các thế lực ngoại xâm và nội phản.

Câu 11. Sau khi phong trào Đông du thất bại (1908), Phan Bội Châu chuyển hoạt động đối ngoại của mình sang quốc gia nào sau đây?

A. Đức. **B.** Triều Tiên. **C.** Nga. **D.** Trung Quốc.

Câu 12. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết năm 1922?

A. Chưa phù hợp với nguyện vọng các dân tộc trên đất nước Xô viết.

B. Phù hợp với lợi ích chung của các dân tộc trên đất nước Xô viết.

C. Đáp ứng được nhiệm vụ cấp bách trong đấu tranh chống ngoại xâm.

D. Mở ra con đường cứu nước mới cho các dân tộc – cách mạng tư sản.

Câu 13. Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, địa phương nào sau đây giành được chính quyền vào ngày 18-8-1945?

A. Hà Tiên. **B.** Hà Nội. **C.** Thái Nguyên. **D.** Bắc Giang.

Câu 14. Nội dung nào sau đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Có sự ủng hộ mạnh mẽ của các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Đông Dương.

C. Truyền thống hiếu chiến của dân tộc được phát huy.

D. Phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng quân đội Đồng minh.

Câu 15. Một trong những điểm tương đồng của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (1945-1975) ở Việt Nam là

A. chỉ có sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự với chính trị.

B. sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng nhân dân.

C. nhận được sự giúp đỡ của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

D. lực lượng vũ trang giữ vai trò quyết định đến thắng lợi.

Câu 16. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 – 43) bùng nổ trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

A. Nhà Đông Hán đặt ách cai trị nặng nề lên đất nước ta.

B. Một số vùng lãnh thổ của nước ta đã được giải phóng.

C. Nhiều cuộc khởi nghĩa diễn ra trước đó đã bị thất bại.

D. Chính quyền nhà Đông Hán có những dấu hiệu suy yếu.

Câu 17. Tổ chức nào sau đây được thành lập (1945) với mục tiêu trở thành trung tâm phối hợp mọi hành động của các dân tộc nhằm thúc đẩy hợp tác quốc tế?

A. Hiệp ước Vác-sa-va. **B.** Liên hợp quốc. **C.** Liên minh châu Âu. **D.** Hội quốc liên.

Câu 18. Một trong những nơi diễn ra các trận đánh quyết liệt của quân và dân Việt Nam chống lại sự xâm lược của quân Trung Quốc (1979) là

A. Thái Nguyên. **B.** Cao Bằng. **C.** Phú Thọ. **D.** Nam Định.

Câu 19. *"Xây dựng Cộng đồng ASEAN, định hướng cho sự phát triển trong tương lai của ASEAN"* là một trong những nội dung quan trọng của văn kiện nào sau đây?

A. Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ (1971). **B.** Hiến chương ASEAN (2007).

C. Tầm nhìn ASEAN 2020. **D.** Tuyên bố Băng Cốc (1967).

Câu 20. Vào năm 981, Lê Hoàn chỉ huy quân dân Đại Cồ Việt kháng chiến chống quân

A. Tống. **B.** Hán. **C.** Pháp. **D.** Đường.

Câu 21. Trong thời cận đại, Nghệ An sớm có điều kiện tiếp thu những tư tưởng mới vì một trong những lí do nào sau đây?

A. Có trung tâm công nghiệp Vinh - Bến Thủy.

B. Khuynh hướng cách mạng vô sản phát triển.

C. Ảnh hưởng của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

D. Quân Pháp cho mở nhiều trường học ở đây.

Cho đoạn tư liệu, trả lời câu 22,23,24:

"Việt Nam là một câu chuyện phát triển thành công. Những cải cách kinh tế từ năm 1986 kết hợp với những xu hướng toàn cầu thuận lợi đã nhanh chóng giúp Việt Nam phát triển từ một trong những quốc gia nghèo nhất trên thế giới trở thành quốc gia thu nhập trung bình thấp chỉ trong vòng một thế hệ."

(Ngân hàng thế giới, Tổng quan về Lịch sử Việt Nam)

Câu 22. Việt Nam được Ngân hàng thế giới coi là một "câu chuyện phát triển thành công" nhờ vào yếu tố chủ yếu nào sau đây?

A. Tốc độ công nghiệp hóa vượt bậc.

B. Những cải cách kinh tế từ năm 1986.

C. Sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế.

D. Việc thay đổi chế độ chính trị - xã hội.

Câu 23. Sự kết hợp giữa cải cách kinh tế và xu hướng toàn cầu thuận lợi trong thời kì Đổi mới lại mang lại thành công nhanh chóng cho Việt Nam vì

A. giúp tăng cường xuất khẩu và đầu tư quốc tế.

B. giảm thiểu áp lực cạnh tranh từ các quốc gia khác.

C. loại bỏ hoàn toàn các rào cản kinh tế quốc nội.

D. thúc đẩy kinh tế Việt Nam chuyển sang hướng nội.

Câu 24. Trong thời kì đổi mới đất nước, Việt Nam có thể tận dụng được các xu hướng toàn cầu thuận lợi để phát triển kinh tế **không** vì lí do nào sau đây?

A. Việt Nam có vị trí địa lý chiến lược trong khu vực.

B. Việt Nam có các chính sách hội nhập quốc tế phù hợp.

C. Việt Nam có dân số đông và lực lượng lao động trẻ.

D. Việt Nam có một số đồng minh thân cận ở châu Á, Âu.

PHẦN II: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho đoạn tư liệu sau đây:

"Đến Đại hội IX (4-2001), khái niệm kinh tế thị trường đã ra đời, khẳng định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kì quá độ. Mục đích của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân... Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc".

(Võ Văn Sen, *Lịch sử kinh tế Việt Nam,* NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2017, tr. 393)

a) Việc xây dựng mô hình kinh tế định hướng thị trường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam (từ năm 2001) cho thấy việc đa dạng hóa các hình thức sở hữu và thành phần kinh tế là cần thiết.

b) Đoạn tư liệu đề cập đến mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

c) Mô hình kinh tế định hướng thị trường xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế truyền thống của Việt Nam, ra đời từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

d) Để đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Câu 2. Cho bảng thông tin sau đây:

Thời gian	**Nội dung**
Ngày 10-12-1953	Bộ đội Việt Nam tiến công thị xã Lai Châu, giải phóng Lai Châu, uy hiếp Điện Biên Phủ.
Tháng 12-1953	Liên quân Lào - Việt mở cuộc tấn công ở Trung Lào, uy hiếp Xê-nô.
Từ tháng 3 đến tháng 5-1954	Quân đội và nhân dân Việt Nam tiến công và tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava.
Ngày 21-7-1954	Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được ký kết, Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Đông Dương, rút quân đội về nước.

a) Sự kiện Liên quân Lào-Việt mở cuộc tấn công ở Trung Lào, uy hiếp Xê-nô (1953) là bước ngoặt cơ bản của cuộc kháng chống thực dân Pháp (1945-1954).

b) Trong Đông Xuân 1953-1954, quân đội Việt Nam có sự phối hợp chiến đấu với quân đội Lào chủ yếu vì Pháp âm mưu thực hiện "Đông Dương hóa chiến tranh".

c) Bảng thông tin thể hiện thắng lợi mở đầu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) của nhân dân Việt Nam.

d) Cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) của nhân dân Việt Nam kết thúc bằng một trận quyết chiến chiến lược và một Hiệp định ngoại giao.

Câu 3. Cho đoạn tư liệu sau đây:

"Ngày 2-1-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi Trung Quốc, ngày 14-1-1950 Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố sẵn sàng thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới và khẳng định "Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chính phủ hợp pháp duy nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam. Căn cứ trên quyền lợi chung, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa sẵn sang đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ nước nào tôn trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp nền dân chủ thế giới".

(Phạm Đức Thuận, *Giáo trình Lịch sử ngoại giao Việt Nam,* NXB Đại học Cần Thơ, 2018, tr. 117)

a) Việc thiết lập quan hệ ngoại giao để "cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp nền dân chủ thế giới" năm 1950 đã cho thấy Việt Nam muốn thiết lập một trật tự thế giới mới.

b) Chính sách và quan điểm của ngoại giao Việt Nam năm 1950 dựa trên nguyên tắc là tôn trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam.

c) Đoạn tư liệu đề cập đến chính sách và quan điểm ngoại giao của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

d) Chủ tịch Hồ Chí Minh lại tuyên bố sẵn sàng thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới vào thời điểm năm 1950 chủ yếu vì muốn gia nhập Liên hợp quốc.

Câu 4. Cho đoạn tư liệu sau đây:

"Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, so sánh lực lượng trên bình diện toàn cầu từ chỗ cân bằng giữa hai hệ thống chính trị – xã hội đối lập nay chuyển sang trạng thái mất cân bằng theo hướng có lợi cho Mĩ và phương Tây. Tuy nhiên, tình hình quốc tế đã không phát triển một cách hòa bình, ổn định như người ta mong đợi. Sự đối đầu Đông – Tây về hệ tư tưởng, chính trị, quân sự, kinh tế [...] đã từng chi phối đời sống quốc tế trong suốt thời kỳ Chiến tranh lạnh, nay được chuyển hóa dưới những hình thức khác, bên cạnh sự nổi lên của những mâu thuẫn mới. Sự vận động của các mâu thuẫn này sẽ quyết định diện mạo của trật tự thế giới và xu hướng phát triển của quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh."

(Trần Thị Vinh (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại* (Quyển 2), NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2008, tr. 102–103)

a) Sự hình thành của trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh vô cùng phức tạp và chậm chạp chủ yếu vì sự đối đầu giữa hai hệ thống chính trị - xã hội đối lập.

b) Đoạn tư liệu trên thể hiện sự vận động và phát triển của tình hình thế giới sau Chiến tranh lạnh.

c) Sự vận động của các mâu thuẫn sau Chiến tranh lạnh đã làm cho môi trường an ninh quốc tế vô cùng căng thẳng, bùng nổ các cuộc chiến tranh thế giới.

d) Mâu thuẫn về lợi ích quốc gia và dân tộc là một trong những yếu tố quan trọng, tác động đến việc hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.

Ea Phê, ngày 08 tháng 9 năm 2026

TỔ TRƯỞNG	GIÁO VIÊN BIÊN SOẠN
NGUYỄN CAO TIN	TRẦN THỊ NGỌC HOA

……
…….